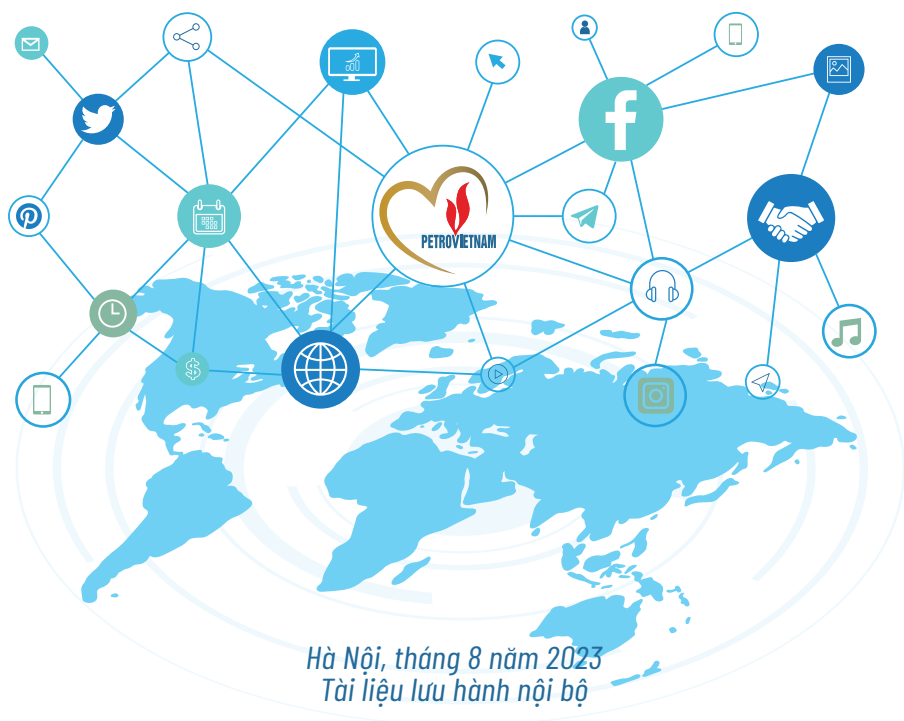




SỔ TAY

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP & AN SINH XÃ HỘI



Hà Nội, tháng 8 năm 2023
Tài liệu lưu hành nội bộ

MỤC LỤC

ĐỊNH HƯỚNG, BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG	8
Nghị quyết số 281-NQ/ĐU, ngày 15/5/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn về công tác Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp;	9
Kế hoạch số 3623/KH-DKVN, ngày 03/7/2019 của Tổng giám đốc Tập đoàn về triển khai thực hiện công tác Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp;	17
Kết luận số 234-KL/ĐU, ngày 18/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 281-NQ/ĐU, ngày 15/5/2019 của Đảng ủy Tập đoàn về công tác Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp;	26
Thông báo Kết luận số 5589/DKVN-TT&VHDN, ngày 28/9/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn tại Hội nghị công tác Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp lần thứ II - năm 2022;	33
Quyết định số 551-QĐ/ĐU ngày 22/03/2023 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn về Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn;	45
Quyết định số 3866QĐ-DKVN ngày 12/6/2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn v/v: điều chỉnh tên, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ chính của các Ban/Văn phòng tại Bộ máy giúp việc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.	51

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

Văn bản cấp trên

Nghị định 119/2020/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản; 56

Quyết định số 1418/QĐ-BTTTT ngày 22/7/2022 về việc ban hành Tiêu chí nhận diện “báo hóa” tạp chí, “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo cáo” mạng xã hội và biểu hiện “tư nhân hóa” báo chí; 117

Công văn số 1672-CV/ĐUK ngày 31/7/2023 của Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương về việc thực hiện Quy định số 85 - QĐ/TW và Hướng dẫn số 99 - HD/BTGTW 125

Văn bản của Tập đoàn

Quyết định số 3279/QĐ-DKVN ngày 14/6/2021 của Tổng giám đốc Tập đoàn phê duyệt và ban hành Quy định quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; 129

Quyết định số 4139/QĐ-DKVN ngày 22/7/2021 của Tổng giám đốc Tập đoàn Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; 147

Quyết định số 3325/QĐ-DKVN ngày 18/5/2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông, Sổ tay xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông; 179

Công văn số 1199CV/ĐU ngày 10/7/2023 của Đảng ủy Tập đoàn V/v thông tin, tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và thông tin đối ngoại. 187

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn bản cấp trên

Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK, ngày 28/4/2023 Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương khóa III về “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp”. 191

Văn bản Tập đoàn

Kế hoạch số 407-KH/ĐU, ngày 26/6/2023 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn về “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương khóa III” (Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK, ngày 28/4/2023); 203

Quyết định số 6774/QĐ-DKVN, ngày 27/11/2019 của HĐQT Tập đoàn về việc phê duyệt “Đề án tái tạo văn hóa Petrovietnam” và thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Đề án; 209

Quyết định số 6655/QĐ-DKVN, ngày 18/11/2021 của HĐQT Tập đoàn về việc phê duyệt Nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; 218

Quyết định số 6656/QĐ-DKVN, ngày 18/11/2021 của HĐQT Tập đoàn về việc phê duyệt và ban hành “Sổ tay văn hóa Petrovietnam”; 223

Nghị quyết số 1672/NQ-DKVN, ngày 20/3/2023 của HĐQT Tập đoàn về việc Quản lý, sử dụng Nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; 238

Kế hoạch số 5799/KH-DKVN, ngày 27/11/2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam trong toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; 245

Kế hoạch số 4094/KH-DKVN ngày 21/7/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn về triển khai Hệ thống nhận diện thương hiệu Petrovietnam trong toàn Tập đoàn; 249

Chỉ thị số 7273/CT-DKVN, ngày 15/12/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc quản lý, sử dụng đồng bộ, thống nhất Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; 254

Kế hoạch số 902/KH-DKVN, ngày 16/2/2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn về triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam năm 2023 trong toàn Tập đoàn. 269

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI 280

Văn bản cấp trên

Thông tư số 78/2014/TT-BTC ban hành ngày 18/6/2014 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Trích nội dung tại Điều 6: Các Mục 2.23 đến 2.27; 281

Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC về thuế thu nhập doanh nghiệp. Trích nội dung tại Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC. 285

Văn bản Tập đoàn

Quyết định số 3058/QĐ-DKVN ngày 07/6/2022 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về ban hành “Quy chế Quản lý công tác An sinh xã hội của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”; 290

Chỉ thị số 3942/CT-DKVN, ngày 14/7/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn Về thực hiện chương trình an sinh xã hội của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; 292

Quyết định số 4496/QĐ-DKVN ngày 14/8/2019 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Liên lạc Hưu trí Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”. 295

HỘI NGHỊ

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

VUNG TAU, NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 2019



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

HỘI NGHỊ GIAO BAN

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2019



ĐỊNH HƯỚNG, BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG

ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP TW
ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2019

Số: 281- NQ/ĐU

NGHỊ QUYẾT

VỀ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp nên ngay sau Đại hội Đảng bộ Tập đoàn lần thứ II (nhiệm kỳ 2015 – 2020), Ban Thường vụ/Đảng ủy và lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn) đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác truyền thông và xây dựng phát triển văn hóa doanh nghiệp. Trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại các ban tham mưu thuộc bộ máy điều hành, năm 2018, Tập đoàn đã thành lập Ban Truyền thông và Văn hóa Doanh nghiệp. Nhờ vậy, công tác truyền thông của Tập đoàn đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong việc thông tin kịp thời, chính xác về các hoạt động của toàn Tập đoàn; tạo sự liên kết trong hệ thống giữa công tác tuyên giáo, truyền thông, sự gắn kết với các sự kiện và hoạt động xã hội; đã xây dựng được mối quan hệ gần gũi, đồng cảm với các cơ quan quản lý báo chí và lãnh đạo, phóng viên, các cơ quan báo chí; xử lý kịp thời nhiều thông tin chưa chính xác gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Mới đây, Tập đoàn đã hoàn thiện và ban hành: Cẩm nang Văn hóa Dầu khí (Cẩm nang), Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ lãnh đạo, quản lý Petrovietnam... Những kết quả trên, bước đầu đã góp phần vào việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong giai đoạn khó khăn vừa qua.

Tuy nhiên, cũng từ năm 2015 đến nay, với nhiều tác động khách quan và chủ quan đã ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh, uy tín và thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. So với những kết quả đạt được, công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp tại Tập đoàn và các đơn vị vẫn cần được củng cố, tăng cường đồng bộ. Những hạn chế là: sự phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin của các bộ phận liên quan (các Ban/đơn vị/đoàn thể) chưa kịp thời; nhiều đơn vị trực thuộc chưa phân công cán bộ, bộ phận theo dõi về truyền thông và văn hóa doanh nghiệp, vai trò người đứng đầu trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp chưa thể hiện rõ nét; các quy định về tài chính còn vướng mắc nên hiệu quả chưa cao; một số công cụ truyền thông (cổng Thông tin điện tử, trang tin điện tử nội bộ,...) chưa tạo được tiếng nói có ảnh hưởng tới người lao động Dầu khí nói riêng và dư luận xã hội nói chung.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên đây chủ yếu là do một số cấp ủy, lãnh đạo đơn vị chưa quan tâm chỉ đạo quyết liệt, thiếu sự thống nhất trong đơn vị, việc chủ động cung cấp và xử lý các thông tin báo chí còn xem nhẹ, chưa quan tâm đúng mức truyền thông đối nội; đầu tư cho công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp chưa tương xứng và thường xuyên; chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp để tập trung triển khai đúng hướng, có hiệu quả; chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ hoạt động trong lĩnh vực truyền thông và văn hóa doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

Về công tác truyền thông: Thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời qua các phương tiện truyền thông để bảo vệ, giữ gìn và nâng cao uy tín, hình ảnh, thương hiệu; hạn chế tới mức thấp nhất những thông tin trái chiều, tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị. Tối ưu hóa và tập trung nguồn lực, tạo sự liên kết mang tính hệ thống để nâng cao chất lượng, hiệu

quả của hoạt động truyền thông trong toàn Tập đoàn với phương châm “Truyền thông đi trước một bước”.

Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Thống nhất nhận thức từ lãnh đạo đến toàn thể người lao động về các giá trị chung của Tập đoàn, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống, tạo nên bản sắc của Văn hóa Dầu khí, mà người lao động Dầu khí phải trân trọng, gìn giữ và phát triển với phương châm hành động “Bản lĩnh – Đoàn kết – Đổi mới – Hành động”.

2. Nhiệm vụ

2.1. Công tác truyền thông

- *Truyền thông nội bộ:*

+ Gắn truyền thông nội bộ với xây dựng văn hóa doanh nghiệp để từ đó làm tốt công tác tư tưởng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, người lao động góp phần phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị toàn Tập đoàn.

+ Thực hiện đúng quy định của nhà nước, quy chế của Tập đoàn về bảo mật, phát ngôn và cung cấp thông tin; các quy định, quy chế về công tác quản lý cán bộ, đảng viên; truyền thông trực tiếp tới người lao động nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo điều hành, giải quyết công việc tại Cơ quan Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

+ Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt các văn bản quy định của Tập đoàn để thực hiện hoặc điều chỉnh, bổ sung và áp dụng thống nhất; chủ động đề xuất các quy định, hướng dẫn mới để làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện và ban hành phục vụ công tác truyền thông chung của toàn Tập đoàn.

+ Thống nhất nguồn lực truyền thông, nâng cao chất lượng các công cụ quản trị truyền thông và tăng cường chất lượng truyền thông nội bộ tại Tập đoàn và các đơn vị.

- *Truyền thông công chúng:*

+ Tuyên truyền về lịch sử, truyền thống ngành Dầu khí, vai trò, vị trí, đóng góp của Tập đoàn đối với đất nước và đặc thù của hoạt động Dầu khí.

+ Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, khắc phục sự cố khủng hoảng truyền thông đồng thời với hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu.

+ Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước trong quá trình xử lý các khó khăn, tồn tại, sự việc có liên quan đến Tập đoàn và các đơn vị thành viên; nắm bắt thông tin kịp thời để xử lý truyền thông.

+ Khai thác triệt để tính năng tương tác của mạng xã hội, các công cụ truyền thông, thiết bị kỹ thuật số để nắm bắt thông tin, tạo sự đồng thuận xã hội trong hoạt động dầu khí.

- *Truyền thông quốc tế:*

+ Chủ động hợp tác với các kênh thông tin đối ngoại, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, tránh không để ảnh hưởng đến thương hiệu, hình ảnh của Tập đoàn và các đơn vị cũng như ảnh hưởng đến quan hệ với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực Dầu khí.

+ Tăng cường thông tin về hoạt động Dầu khí quốc tế nói chung và của Tập đoàn ở nước ngoài nói riêng, hoạt động của các công ty Dầu khí nước ngoài ở Việt Nam.

+ Tăng cường quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Tập đoàn đối với các đối tác nước ngoài cũng như các tổ chức nước ngoài quan tâm tới việc hợp tác với Tập đoàn.

2.2. Văn hóa doanh nghiệp

- Triển khai xây dựng, hoàn thiện và thực hiện Văn hóa Dầu khí là công việc gần gũi, thường xuyên, sát với nhiệm vụ hằng ngày giúp người lao động nhận thức và áp dụng những nội dung trong Cẩm nang một cách tự nhiên, trở thành thói quen trong quan hệ lao động, sản xuất, hoạt động, công tác.

- Lãnh đạo/người đứng đầu các đơn vị trong Tập đoàn nêu cao tinh thần gương mẫu, trách nhiệm, tập trung chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị.

III. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện, áp dụng thực hiện các quy chế, quy trình, quy định, giải thưởng trong Tập đoàn

- Hoàn thiện các quy định, quy chế nội bộ về công tác truyền thông, trong đó ưu tiên hoàn thiện các Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin; Quy chế về quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử tổng hợp và các văn bản liên quan khác. Xây dựng bộ tài liệu đầy đủ, chi tiết về công tác truyền thông ở cấp Tập đoàn làm cơ sở để các đơn vị thành viên tham khảo, áp dụng triển khai thống nhất.

- Hoàn thiện Cẩm nang Văn hóa Dầu khí theo hướng cụ thể, chi tiết điều chỉnh các hành vi thường xuyên của người lao động, đặc biệt là tinh thần nêu gương của lãnh đạo các cấp để củng cố niềm tin, tình đồng chí, đồng nghiệp.

- Thống nhất áp dụng các thiết kế ứng dụng có sử dụng hình ảnh nhận diện thương hiệu của Tập đoàn, đặc biệt trên các ấn phẩm, tài liệu và sản phẩm truyền thông được thường xuyên sử dụng.

- Xây dựng cơ chế biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân xuất sắc... nhằm động viên, khích lệ, tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Xây dựng giải thưởng tôn vinh các thương hiệu uy tín trong lĩnh vực Dầu khí, giải thưởng văn hóa doanh nghiệp.

2. Thống nhất công tác chỉ đạo từ Tập đoàn tới các đơn vị

- Thống nhất và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho công tác truyền thông toàn Tập đoàn, cụ thể: Tập đoàn chỉ đạo các đơn vị xây dựng, thống nhất kế hoạch kinh phí, phân bổ sử dụng, triển khai thực hiện.

- Các Ban/đơn vị, đoàn thể trong Tập đoàn định kỳ hằng tháng cung cấp thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, về các sự kiện để Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp Tập đoàn, các ban/bộ phận truyền thông các cấp định hướng và tổ chức tuyên truyền sát hợp yêu cầu từng thời điểm.

- Hằng quý Tập đoàn tổ chức giao ban báo chí, truyền thông và xây dựng văn hóa doanh nghiệp, định hướng kịp thời, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện.

- Thống nhất thực hiện văn hóa doanh nghiệp đồng bộ từ Tập đoàn đến các đơn vị, thông qua các đoàn thể, đa dạng các hình thức phổ biến, tổ chức việc học tập nội dung Cẩm nang Văn hóa Dầu khí cùng kiến thức nhập môn Dầu khí trở thành yêu cầu bắt buộc đối với người lao động mới được tuyển dụng, trước hết là tại Cơ quan Tập đoàn; thành lập bộ phận kiểm tra, giám sát thực hiện đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

3. Sử dụng các biện pháp, công cụ nhằm triển khai có hiệu quả công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp

- Duy trì, mở rộng hợp tác với những cơ quan báo chí truyền thống, chính thống có ảnh hưởng đến dư luận xã hội, từng bước thâm nhập mạng xã hội, định kỳ đánh giá hiệu quả để có hướng xử lý và triển khai trong thời gian tiếp theo.

- Chủ động thông tin thường kỳ và thông tin đột xuất để cung cấp cho các cơ quan báo chí liên quan biết, phối hợp xử lý khi cần thiết, tạo sự đồng thuận của dư luận đối với các hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị trong Tập đoàn.

- Chú ý đầu tư website – phiên bản tiếng Anh của Tập đoàn và các đơn vị một cách hiệu quả, cập nhật thông tin kịp thời; chú trọng phát hành thông tin báo chí bằng tiếng nước ngoài phù hợp với từng nội dung và đối tượng.

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, chủ động cung cấp thông tin tới các cơ quan báo chí nước ngoài thường trú tại Việt Nam; tiến hành chạy chữ, phát sóng bản tin về kết quả SXKD và các thành tựu đạt được của Tập đoàn trên các kênh truyền thông quốc tế.

- Xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện nhằm quảng bá được hình ảnh và tiềm năng của Tập đoàn (để phát hành trên truyền hình, trên máy bay, mạng xã hội, tại các chương trình triển lãm quốc tế...)

- Chuẩn hóa việc tài trợ/hỗ trợ và tổ chức các sự kiện, hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu từ đó nâng cao hình ảnh của Tập đoàn và đơn vị.

- Thiết kế và biên tập nội dung về văn hoá Dầu khí trong các văn bản, ấn phẩm nội bộ, website PVN/đơn vị; xây dựng chuyên trang Văn hóa Dầu khí, Dầu khí quốc tế trên Báo điện tử Petrotimes và Tạp chí Dầu khí. Xây dựng các chương trình truyền thông về văn hoá Dầu khí, trong đó bao gồm cả truyền thông nội bộ và truyền thông đến đối tác, khách hàng và công chúng.

- Coi trọng các biện pháp tuyên truyền miệng, đối thoại người lao động, tuyên truyền trực quan, trực tiếp đến người lao động.

- Khai thác, vận hành và sử dụng hiệu quả phòng truyền thống, phòng lưu niệm, khu lưu niệm của Tập đoàn và các đơn vị theo hướng tiếp cận đồng đẳng người lao động Dầu khí và xã hội.

- Thống nhất lựa chọn “Tuần lễ Văn hóa Dầu khí” vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Tập đoàn hằng năm, được tổ chức đồng loạt từ Tập đoàn đến các đơn vị.

4. Bố trí nguồn lực, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác truyền thông và xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm lãnh đạo chung, chỉ đạo rà soát, phân công (nếu chưa có) 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp.

- Củng cố, kiện toàn bộ máy, quan tâm đúng mức trong việc giải quyết các chế độ, chính sách, các đề xuất, kiến nghị liên quan, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp của các tạp chí, bản tin, trang tin điện tử, bộ phận truyền thông, quan hệ công chúng trong toàn Tập đoàn.

- Duy trì tổ chức các hội nghị tập huấn, trao đổi thông tin, kinh nghiệm về nghiệp vụ truyền thông và văn hóa doanh nghiệp cho các lãnh đạo từ Tập đoàn đến đơn vị, đoàn thể và các cán bộ chuyên trách, trực tiếp làm công tác này.

- Bố trí nguồn lực phục vụ việc triển khai công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ thực tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo quán triệt thực hiện Nghị quyết trong toàn hệ thống chính trị của Tập đoàn.

2. Giao Tổng giám đốc Tập đoàn chỉ đạo các ban tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xây dựng các quy chế, quy trình, quy định trình Hội đồng Thành viên ban hành.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết.

3. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp phối hợp với các Ban/Văn phòng, đơn vị liên quan theo dõi đôn đốc thực hiện Nghị quyết.

4. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn bổ sung kế hoạch, phối hợp với Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết. Hằng năm báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ về kết quả thực hiện.

5. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể trực thuộc, các tạp chí, bản tin, trang tin điện tử trong Tập đoàn căn cứ vào tình hình cụ thể để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Nghị quyết. Định kỳ đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết báo cáo tại hội nghị giao ban hằng quý của Tập đoàn.

Nghị quyết này được phổ biến đến các chi bộ./.

Nơi nhận:

- ĐUK DNTW (để b/cáo);
- BCS Đảng UBQLVNN tại DN (để b/cáo);
- Các đ/c UVBCH ĐB, TV.HĐTV,
- TGD, P.TGD Tập đoàn (để c/đ và t/h);
- CĐ DKVN, ĐTN, Hội CCB TĐ (để t/h);
- Các cấp ủy trực thuộc (để t/h);
- Các Ban/VP/VPĐU TĐ (để t/h);
- Hội DKVN và Hội DNT DK (để t/h);
- Lưu VPĐU/BanTT&VHDN.

T/M BAN CHẤP HÀNH

BÍ THƯ

(Đã ký)

Trần Sỹ Thanh

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

*

Số: 3623/KH-DKVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2019

KẾ HOẠCH

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Thực hiện Nghị quyết số 281-NQ/ĐU ngày 15/5/2019 của Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp (TT&VHDN), như sau:

1. CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

1.1 Đối với Tập đoàn

- Trên cơ sở chủ trương của Tập đoàn, đề xuất của Ban TT&VHDN, các Ban, đơn vị, đoàn thể trong Tập đoàn chủ động cung cấp thông tin về thuận lợi, khó khăn, kết quả sản xuất – kinh doanh, cơ chế tác động đến từng lĩnh vực hoạt động của đơn vị cho các cơ quan báo chí; Thường xuyên cung cấp tin bài để các phóng viên, nhà báo tiếp cận, tham khảo và sử dụng đăng tải nhằm tạo sự chia sẻ, đồng thuận xã hội đối với hoạt động Dầu khí

- Xây dựng danh mục các báo có hợp tác, phóng viên theo dõi hoạt động của Tập đoàn/đơn vị/đoàn thể phục vụ tại các sự kiện của Tập đoàn/đơn vị/đoàn thể, cung cấp thông cáo báo chí để đưa tin, tuyên truyền rộng rãi về ý nghĩa và hiệu quả của sự kiện đó (trừ các trường hợp bảo mật thông tin theo quy định).

- Tăng cường hợp tác thân hữu với những cơ quan báo chí có ảnh hưởng, xây dựng và duy trì quan hệ với Lãnh đạo các cơ quan báo chí, phóng viên theo dõi hoạt động Dầu khí để tạo sự đồng thuận, hợp tác đối với hoạt động truyền thông toàn Tập đoàn.

Tập đoàn và các đơn vị chia sẻ mối quan hệ, phối hợp cùng hỗ trợ trong quá trình xử lý các vấn đề liên quan đến truyền thông.

- Khai thác triệt để tính năng tương tác của mạng xã hội, các công cụ truyền thông, thiết bị kỹ thuật số để nắm bắt thông tin, tạo sự đồng thuận xã hội trong hoạt động dầu khí:

- + Làm việc với các cơ quan hữu quan (đặc biệt là Bộ Thông tin & Truyền thông, Facebook) xóa bỏ những trang mạng, facebook mạo danh Tập đoàn.

- + Tạo dựng trang mạng xã hội mang tên chính thống của toàn Tập đoàn để tăng cường tuyên truyền về hoạt động của Tập đoàn/ đơn vị/đoàn thể:

- Tạo trang facebook của nhóm các cán bộ làm công tác truyền thông để trao đổi kỹ năng, nghiệp vụ và thông tin.

- Tạo fanpage trên facebook để kịp thời cung cấp thông tin, định hướng dư luận xã hội về mọi mặt hoạt động của Tập đoàn/ đơn vị.

- Cải tiến và đổi mới phương pháp quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử của Tập đoàn:

- + Phát triển phiên bản website tiếng Việt thành trang thông tin điện tử tổng hợp giới thiệu toàn diện và thường xuyên, mọi mặt hoạt động của Tập đoàn, đặc biệt xuất bản các tin, bài tuyên truyền theo dạng báo chí để định hướng, tuyên truyền dư luận nói chung, đặc biệt là CBCNV, người lao động đang công tác cũng như đã nghỉ hưu.

- + Phát triển phiên bản website tiếng Anh thành trang thông tin điện tử doanh nghiệp. Kích hoạt phiên bản website tiếng Anh mới; quản lý Vận hành Website tiếng Anh của Tập đoàn hiệu quả, cập nhật thông tin nhanh chóng, kịp thời.

- Xây dựng và khai thác ứng dụng phần mềm “Dịch vụ Giám sát và tư vấn quản trị thông tin trên mạng Internet” để nâng cao chất lượng quản trị truyền thông.

- Tăng cường chất lượng truyền thông trực quan: Rà soát, chuẩn hóa hệ thống nhận diện thương hiệu phù hợp với thực tế

và tình hình mới, trong đó tập trung xây dựng, thống nhất lại các thiết kế ứng dụng có sử dụng hình ảnh nhận diện thương hiệu của Tập đoàn, đặc biệt trên các ấn phẩm tài liệu làm việc và truyền thông. Xây dựng các clip, biên soạn, thiết kế, in, treo, đăng tải các nội dung tuyên truyền trực quan vào các dịp Lễ, Tết, kỷ niệm quan trọng của đất nước và Tập đoàn trên các phương tiện, địa điểm như tại trụ sở Tập đoàn và các đơn vị, các nhà máy, công trường dầu khí, trên các trang thông tin điện tử (website/intraweb), trên màn hình điện tử.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, khắc phục sự cố khủng hoảng truyền thông đồng thời với hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý báo chí trong quá trình xử lý các khó khăn, tồn tại, sự việc có liên quan đến Tập đoàn và các đơn vị thành viên; nắm bắt thông tin kịp thời để xử lý truyền thông. Tập đoàn xây dựng Quy trình xử lý sự cố truyền thông, khủng hoảng truyền thông, cơ chế phối hợp với các đơn vị để làm cơ sở trong quá trình thực hiện của Tập đoàn và đơn vị.

- Hoàn thiện các quy định, quy chế nội bộ về công tác truyền thông, trong đó ưu tiên hoàn thiện:

- + Quy chế về Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

- + Quy chế về quản lý và vận hành Trang thông tin điện tử tổng hợp.

- + Xây dựng bộ tài liệu đầy đủ về công tác truyền thông ở cấp Tập đoàn làm cơ sở để các đơn vị thành viên tham khảo, áp dụng triển khai thống nhất.

- Chỉ đạo, tạo điều kiện để Báo Năng lượng mới, Tạp chí Dầu khí xây dựng chuyên mục Năng lượng Quốc tế với mục đích tăng cường nội dung, bổ sung kênh tuyên truyền các hoạt động hợp tác quốc tế của Tập đoàn, đồng thời cũng là kênh liên kết truyền thông với các tổ chức Dầu mỏ quốc tế, các công ty Dầu khí nước ngoài tại Việt Nam;

- Phát hành thông cáo báo chí bằng tiếng Anh đối với các sự kiện lớn, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm.

- Tăng cường quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Tập đoàn đối với các đối tác nước ngoài cũng như các tổ chức nước ngoài quan tâm tới việc hợp tác với Tập đoàn. Biên soạn, thiết kế và in ấn các ấn phẩm tiếng Anh, brochure giới thiệu về hoạt động của Tập đoàn tại các sự kiện đối ngoại, các chuyến công tác nước ngoài của Lãnh đạo Tập đoàn.

1.2 Đối với đơn vị

- Các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, quán triệt các văn bản quy định của Tập đoàn (bao gồm kế hoạch này) để tham khảo, điều chỉnh, bổ sung vào áp dụng thống nhất; Chủ động cập nhật các quy định, hướng dẫn mới để làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện và ban hành phục vụ công tác truyền thông chung.

- Chủ động xây dựng (nếu chưa có) và vận hành hiệu quả, loại bỏ nếu không còn sử dụng trang tin điện tử, bao gồm phiên bản Website tiếng Anh của đơn vị.

- Hằng ngày và thường xuyên, các đơn vị, rà soát phát hiện những thông tin báo chí nêu chưa chính xác, chưa phù hợp làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín và hoạt động của Tập đoàn và đơn vị phản ánh qua Ban Truyền thông & Văn hóa doanh nghiệp để phối hợp xử lý. Cung cấp thông tin, hoạt động sản xuất – kinh doanh, sự kiện của đơn vị về Ban TT&VHDN để phối hợp tuyên truyền.

- Các đơn vị thống nhất sử dụng nguồn kinh phí cho hoạt động truyền thông theo điều phối chung của Tập đoàn. Hằng năm, các đơn vị xây dựng kế hoạch, báo cáo về Tập đoàn để thống nhất phương án triển khai hợp tác với các cơ quan báo chí.

1.3 Đối với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

- Xác lập cơ chế phối hợp với Ban Truyền thông & Văn hóa doanh nghiệp để triển khai xây dựng các chương trình truyền thông cụ thể.

- Triển khai các chương trình truyền thông xuống các tổ chức cơ sở trực thuộc.

- Khai thác lợi thế chung từ mối quan hệ của Tập đoàn, đơn vị với các cơ quan báo chí để xây dựng các tuyến bài tuyên truyền về hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

- Phối hợp với Ban TT&VHDN xây dựng hệ thống cộng tác viên dư luận xã hội để nắm bắt tư tưởng, xử lý khủng hoảng truyền thông.

2. XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

2.1 Đối với Tập đoàn

- Phổ biến Cẩm nang Văn hóa Dầu khí (CNVHDK) bằng nhiều hình thức, thiết kế bộ ấn phẩm tuyên truyền trực quan về Văn hóa Dầu khí, lập chuyên mục tuyên truyền, phát triển Văn hóa Dầu khí đăng tải trên các phương tiện truyền thông của Tập đoàn (website, intraweb, tạp chí ...). Trước mắt cần triển khai các hình mẫu thiết thực như: văn hóa thực thi công việc, tính tuân thủ và hiệu quả; Xây dựng đoàn kết nội bộ gắn với kỷ cương, kết quả công việc và hiệu quả lao động... tạo thói quen trong tư duy và hành vi của đội ngũ làm cơ sở tái tạo văn hóa dầu khí trong hệ sinh thái quản trị hiệu quả.

- Đổi mới hình ảnh, không gian làm việc, tạo nét riêng biệt của từng Ban/Văn phòng Tập đoàn trong tổng thể quy định chung và những gì sẵn có thông qua việc trang trí phòng làm việc, hành lang xanh, sạch, đẹp gắn với tuyên truyền hình ảnh những công trình, lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn, hình ảnh hoạt động của các Ban/Văn phòng.

- Hoàn thiện 02 nội dung còn lại của CNVHDK, bao gồm:

+ Các ngày truyền thống và nghi lễ văn hóa của Petrovietnam.

+ Hệ thống giải thưởng và hình thức xử lý vi phạm Văn hoá Dầu khí.

- Thành lập tổ triển khai, giám sát thực hiện “Cẩm nang Văn hóa Dầu khí” thay thế Ban xây dựng “Văn hóa Doanh nghiệp Petrovietnam”; tham mưu xây dựng chế tài, quy định thực hiện Văn hóa Dầu khí tại cơ quan Tập đoàn.

- Tổ chức tập huấn cho các thành viên tổ triển khai, giám sát thực hiện CNVHDK và đội ngũ tổ trưởng, tổ phó công đoàn, tổ trưởng tổ Nữ công các Ban/Văn phòng cơ quan Tập đoàn; trang

bị phương pháp, kỹ năng trong quá trình tuyên truyền, vận động, giám sát CBCNV để việc thực hiện Văn hóa Dầu khí trở thành nếp sinh hoạt, thói quen hàng ngày.

- Hằng năm rà soát, tổ chức đánh giá kết quả triển khai CNVHDK, có hình thức khen thưởng phù hợp cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt.

- Chỉ đạo tu sửa, chỉnh trang, phát huy giá trị, khai thác, vận hành hiệu quả các khu lưu niệm, phát triển phòng truyền thống trong toàn Tập đoàn; lấy phòng truyền thống Tập đoàn là trung tâm liên kết cùng phòng truyền thống/khu lưu niệm của đơn vị, tiếp cận phục vụ đông đảo người lao động Dầu khí và các tầng lớp nhân dân.

2.2 Đối với đơn vị

- Trên cơ sở tài liệu của Tập đoàn các đơn vị xây dựng mới hoặc cập nhật, hoàn thiện Văn hóa doanh nghiệp của đơn vị cho phù hợp với thực tế SXKD, lĩnh vực hoạt động, loại hình sản phẩm dịch vụ... của đơn vị trong tình hình hiện nay.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến CNVHDK đến CBCNV, NLĐ theo các hình thức khác nhau thông qua các ấn phẩm, tọa đàm, hội thi...; có hình thức kiểm tra, duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp của đơn vị.

- Triển khai thực hiện Quy chế dân chủ, hoạt động của Ban “Vì sự tiến bộ của phụ nữ”, Ban Liên lạc hưu trí gắn liền với xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp.

2.3 Đối với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, phổ biến triển khai, giám sát đoàn viên, hội viên thực hiện tốt CNVHDK, Văn hóa Doanh nghiệp của đơn vị.

- Tổ chức các hội thi, hội diễn, hội thao, diễn đàn, tọa đàm, tập huấn... đưa văn hóa dầu khí thấm dần vào suy nghĩ, thói quen, hành động của CBCNV, NLĐ.

- Công đoàn Dầu khí Việt Nam đưa nội dung về Văn hóa Dầu khí là một nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ

của Công Đoàn, tiến hành đánh giá định kỳ trong kỳ họp BCH, sơ kết, tổng kết của tổ chức.

- + Phối hợp với Đoàn Thanh niên Tập đoàn, các Ban/Văn phòng Tập đoàn tổ chức các hoạt động trong “Tuần lễ Văn hóa Dầu khí” đảm bảo tính gắn kết, vui khỏe, tiết kiệm.

- + Xây dựng chuyên mục về triển khai, thực hiện Văn hóa Dầu khí trên website của Công đoàn;

- Đoàn Thanh niên Tập đoàn tổ chức các hoạt động theo chương trình công tác đã được phê duyệt đảm bảo tính thiết thực, chuyên nghiệp thể hiện được những giá trị của Văn hóa Dầu khí qua từng hoạt động, khẳng định trách nhiệm của tổ chức Đoàn đối với đoàn viên, thanh niên, thiếu nhi là con CBCNV trong Tập đoàn.

- + Đưa nội dung tập huấn triển khai thực hiện Văn hóa Doanh nghiệp là một trong những nội dung tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ Đoàn.

- + Tổ chức Lễ tuyên dương cho con em CBCNV đạt thành tích cao tại kỳ thi quốc gia, quốc tế.

- Hội Cựu chiến binh Tập đoàn nêu cao ý thức gương mẫu trong thực hiện Văn hóa Dầu khí, tổ chức các hoạt động nhằm tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử của đất nước cũng như của ngành Dầu khí Việt Nam, các hoạt động chăm lo hội viên thiết thực, phù hợp.

- Ban Liên lạc hưu trí Tập đoàn là cầu nối giữa Tập đoàn và cán bộ hưu trí, thông tin về hoạt động của Tập đoàn cho các thành viên, tham gia xây dựng các giá trị chung của Văn hóa Dầu khí, đề xuất Tập đoàn tổ chức các hoạt động tạo mối liên hệ thường xuyên, gắn kết giữa Tập đoàn và cán bộ hưu trí tạo sự cảm thông, chia sẻ, đồng thuận giữa các thế hệ người lao động Dầu khí.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Tổng Giám đốc giao Ban Truyền thông & Văn hóa doanh nghiệp (TT&VHDN) làm đầu mối phối hợp với các Ban/Văn phòng tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ cấp Tập đoàn.

- Giám sát, hướng dẫn thực hiện trong toàn Tập đoàn đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả và đề xuất các giải pháp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tổ chức hội nghị tập huấn hằng năm, định kỳ 3 tháng giao ban cán bộ làm công tác truyền thông, công tác Văn hóa Doanh nghiệp trong toàn Tập đoàn.

- Đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật các tập thể, cá nhân có thành tích và vi phạm trong quá trình triển khai.

- Tham mưu Tập đoàn làm đầu mối xây dựng và điều phối nguồn lực để các đơn vị cùng hợp tác tuyên truyền với các cơ quan báo chí tập trung, thống nhất.

3.2. Các đơn vị kiến toàn Bộ phận truyền thông, bộ phận xây dựng Văn hóa doanh nghiệp; người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm chính, phân công 01 đồng chí Lãnh đạo phụ trách và ít nhất một cán bộ chuyên trách về công tác truyền thông, cán bộ phụ trách văn hóa doanh nghiệp; Thường xuyên giữ mối liên hệ với Tập đoàn (qua Ban TT&VHDN), cập nhật, báo cáo tình hình xây dựng và thực hiện công tác truyền thông, văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị để kịp thời tổng hợp, chia sẻ thông tin, tư liệu và kỹ năng nghiệp vụ. Danh sách Lãnh đạo, cán bộ phụ trách (theo mẫu gửi về Tập đoàn trước ngày 15/7/2019 vào địa chỉ email Bantruyenthong&vanhoadoanhnghiep@pvn.vn

3.3. Các đơn vị và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội căn cứ kế hoạch này xây dựng kế hoạch/đề án cụ thể cho đơn vị, tổ chức mình; chủ động phối hợp với Ban TT&VHDN thực hiện những nhiệm vụ được giao theo nội dung kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện công tác Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp của Tập đoàn. Đề nghị các Ban/Văn phòng, các đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nghiêm túc triển khai hiệu quả.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy Tập đoàn;
- HDTV, TGD Tập đoàn;
- Các Ban/VP Tập đoàn;
- VPHĐTV, VP Đảng ủy Tập đoàn;
- CDDKVN, Hội CCB, ĐTN, Ban LLHT Tập đoàn;
- Các đơn vị thành viên;
- Lưu VT, TT&VHDN.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Đỗ Chí Thanh

KẾT LUẬN

VỀ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 281-NQ/ĐU NGÀY 15/5/2019 CỦA ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN VỀ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Ba năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban thường vụ Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn), Nghị quyết 281-NQ/ĐU ngày 15/5/2019 của Đảng ủy Tập đoàn về công tác truyền thông và văn hoá doanh nghiệp (gọi tắt là Nghị quyết 281) đã được cả hệ thống chính trị Tập đoàn triển khai, thực hiện với quyết tâm cao; tất cả các nhiệm vụ đều đã được triển khai với việc áp dụng hiệu quả bốn nhóm giải pháp Nghị quyết đề ra. Công tác truyền thông có trọng tâm, trọng điểm, được triển khai đồng bộ, sâu rộng, xuyên suốt; các phương thức truyền thông rất phong phú, đa dạng. Nét mới trong việc thực hiện Nghị quyết đó là: tính đồng bộ trong toàn hệ thống; đẩy mạnh truyền thông nội bộ; liên kết chặt chẽ với các cơ quan quản lý báo chí và cơ quan báo chí. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp được triển khai sâu rộng trong toàn Tập đoàn, có sự liên kết giữa các nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện thực tiễn (diễn biến bất định), qua đó tác động đến nhận thức, tạo chuyển biến hành vi của người lao động.

Kết quả rõ nét nhất là các hoạt động truyền thông và tái tạo văn hóa Petrovietnam được lồng ghép thực hiện gắn với các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) và Chiến lược phát triển của Tập đoàn, thể hiện rõ tinh thần “Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình” trong từng hoạt động. Việc triển khai thực hiện phương châm hành động “Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng

tạo - Hiệu quả” tạo bước đột phá trong thực hiện Đề án tái tạo văn hóa Petrovietnam. Thông qua việc xây dựng lại hình ảnh người lao động (NLĐ) Dầu khí - Ngành Dầu khí, triệt để xử lý khủng hoảng truyền thông, tận dụng cơ hội truyền thông tới các cấp, các ngành, từ trung ương tới địa phương, đã góp phần tạo nhận thức đúng đắn và tình cảm tốt đẹp của các thế hệ NLĐ Dầu khí; sự đồng thuận của xã hội, sự ghi nhận, đánh giá cao của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò của Tập đoàn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Nhờ đó, thương hiệu, uy tín của Tập đoàn được nâng cao, hình ảnh Petrovietnam được cải thiện so với thời gian trước khi có Nghị quyết, tạo niềm tin, khí thế mới trong cán bộ, công nhân viên (CBCNV), NLĐ Dầu khí; góp phần thúc đẩy cải cách thể chế đối với hoạt động dầu khí, tạo môi trường thuận lợi để Tập đoàn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết 281 vẫn còn hạn chế, tồn tại: Một số cấp ủy chưa có nghị quyết, kế hoạch riêng để triển khai chuyên đề quan trọng này. Nhiệm vụ truyền thông chưa phát huy hiệu quả tối đa, lượng tương tác với công chúng còn hạn chế; chưa có sự đồng đều giữa các đơn vị trong hoạt động truyền thông. Tại một số đơn vị, trách nhiệm của một bộ phận người lao động chưa cao, việc lộ lọt thông tin chưa được kiểm soát, còn có biểu hiện lợi dụng báo chí tác động quá trình triển khai công tác nhân sự, tác động xấu đến đoàn kết nội bộ; việc vận hành website tại một số đơn vị chưa hiệu quả, không thường xuyên cập nhật thông tin; nhiều trang tin điện tử nhất là trang tiếng Anh hầu như không hoạt động. Chỉ một số đơn vị thường xuyên cung cấp thông tin, hoạt động SXKD, sự kiện của đơn vị về Tập đoàn. Hệ thống cộng tác viên dư luận xã hội nắm bắt tư tưởng, tâm trạng người lao động hoạt động chưa hiệu quả, nhất là trong phối hợp xử lý khủng hoảng truyền thông. Công tác triển khai văn hoá doanh nghiệp tại một số đơn vị chưa mang tính đặc trưng, chưa xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn, có nội dung triển khai thực hiện còn dàn trải, chưa đo lường được kết quả cụ thể, chưa khái quát và chỉ ra

các vấn đề còn tồn tại, hạn chế để rút kinh nghiệm; công tác tuyên dương, khen thưởng đột xuất, chuyên đề chưa được chú trọng.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, để kịp thời ứng phó và vượt qua những thách thức đòi hỏi công tác lãnh đạo nhiệm vụ truyền thông và văn hoá doanh nghiệp (TT&VHDN) trong toàn Tập đoàn phải tập trung giải quyết tốt những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết. Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn yêu cầu các cấp uỷ/lãnh đạo các đơn vị, đoàn thể trong Tập đoàn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện:

I. QUAN ĐIỂM

1. Nhất quán, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết 281 và Kế hoạch 3623/KH-DKVN ngày 03/7/2019 của Tổng giám đốc Tập đoàn về công tác truyền thông và văn hoá doanh nghiệp trên cơ sở bám sát Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Triển khai Kết luận này gắn với Kế hoạch số 172-KH/ĐU ngày 08/11/2021 của Ban Thường vụ Đảng uỷ Tập đoàn về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và một số chủ trương, nhiệm vụ khác của Đảng liên quan đến xây dựng con người mới.

3. Cả hệ thống chính trị cần điều chỉnh, quán triệt phương châm truyền thông không chỉ đi trước mà còn đi cùng, đi sau trong mọi hoạt động của doanh nghiệp; gắn công tác truyền thông với xây dựng văn hóa doanh nghiệp và công tác an sinh xã hội. Tái tạo văn hóa Petrovietnam nhằm củng cố văn hóa nền tảng, tạo hiệu quả với 7 thói quen, làm giàu bản sắc PVN để Tập đoàn có tầm vóc lớn hơn, xây dựng đội ngũ lao động hiệu quả cao hơn.

II. BỔ SUNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 281

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TT&VHDN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

- Cấp uỷ các đơn vị chỉ đạo; giao nhiệm vụ cho các cơ quan tham mưu cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 281, Kết luận này, ban hành nghị quyết chuyên đề/đề án, kế hoạch riêng của cấp uỷ để tổ chức thực hiện một cách thiết thực, hiệu quả, khắc phục tình trạng chậm cụ thể hoá nghị quyết tại các đơn vị. Phân công rõ nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm triển khai và đề ra lộ trình, thời gian hoàn thành.

- Nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của người đứng đầu các cấp về công tác TT&VHDN. Thông qua sinh hoạt chi bộ, chi đoàn, chi hội; đề cao tính nêu gương của cán bộ đảng viên, lãnh đạo các cấp (người có chức vụ càng cao, càng phải gương mẫu); phát huy tính sáng tạo của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh trong thực hiện Kết luận.

- Các cấp uỷ đảng, lãnh đạo đơn vị, đoàn thể huy động nguồn lực, tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự có năng lực để thực hiện Nghị quyết/Kết luận đạt kết quả tốt nhất.

2. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ công tác truyền thông

- Thực hiện đồng đều nhiệm vụ truyền thông nội bộ, truyền thông công chúng và truyền thông quốc tế. Các công ty cổ phần chú ý nhiệm vụ truyền thông, quan hệ cổ đông. Thông qua công tác truyền thông tạo sự đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ SXKD theo hướng quản trị hiệu quả.

- Chú trọng phân tích tình hình, kết quả SXKD từ đó truyền thông có chiều sâu; đặc biệt là các gương điển hình trong lao động, sáng tạo để truyền thông công chúng, qua đó tạo niềm tin, khí thế mới, động viên NLĐ Dầu khí thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh truyền thông trên các kênh truyền hình, quảng bá tại các sự kiện lớn, tham gia mạng xã hội bằng cách xây dựng những thông điệp ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thể hiện; phát

triển truyền thông đa phương tiện trên nền tảng kỹ thuật số, hình ảnh, video, âm nhạc, đồ họa,... tăng cường tương tác trên các trang mạng xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả vận hành và hoạt động website của Tập đoàn và các đơn vị (bao gồm trang tiếng Anh). Tăng số lượng tin, bài trên website tiếng Anh.

- Duy trì rà soát, phát hiện sớm thông tin bất lợi, tác động xấu đến hình ảnh, uy tín, hoạt động của Tập đoàn, các đơn vị; phối hợp cả hệ thống xử lý khi có sự cố, khủng hoảng truyền thông. Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động nắm bắt tư tưởng của hệ thống cộng tác viên dư luận xã hội. Lập nhóm (trên mạng xã hội) cán bộ, cộng tác viên công tác TT&VHDN để kịp thời cung cấp, nắm bắt, xử lý thông tin, nhất là các sự cố, khủng hoảng truyền thông.

3. Tiếp tục đưa công tác tái tạo văn hoá Petrovietnam vào mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị

- Căn cứ Sổ tay văn hóa Petrovietnam, các đơn vị tiếp tục hệ thống lại, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành sổ tay văn hóa tại đơn vị đảm bảo tôn trọng các giá trị, quy định chung. Tuyên truyền sâu rộng “Sổ tay văn hóa Petrovietnam” thông qua các công cụ truyền thông, tuyên truyền trực quan sinh động các giá trị văn hóa của Tập đoàn đến toàn thể CBCNV, NLĐ biết và hiểu để cùng thực hiện.

- Triển khai áp dụng thực hiện thống nhất hệ thống nhận diện thương hiệu Petrovietnam trong toàn Tập đoàn với lộ trình cụ thể, phù hợp.

- Xây dựng hướng dẫn cụ thể về các nghi thức, nghi lễ cho các sự kiện làm chuẩn mực thực hiện. Xây dựng hệ thống giải thưởng và hình thức xử lý vi phạm Văn hoá Dầu khí áp dụng chung trong toàn Tập đoàn.

- Xây dựng phòng truyền thống hiện đại tại Tập đoàn làm trung tâm liên kết phòng truyền thống/khu lưu niệm các đơn vị. Chỉnh trang, tu sửa, phát huy giá trị các phòng truyền thống/khu lưu niệm trong toàn Tập đoàn.

- Thực hiện phương châm hành động **“Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả”** áp dụng vào công tác quản trị, điều hành, trong mọi hoạt động của doanh nghiệp. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong triển khai Bộ quy chế quản trị; tiếp tục rà soát hoàn thiện các quy chế, quy định trong xử lý, giải quyết công việc làm căn cứ xây dựng văn hóa chuyển đổi số, văn hóa thực thi công việc, tính tuân thủ và hiệu quả.

- Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo, tự đào tạo, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm cho đội ngũ làm công tác văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tập đoàn. Lựa chọn các khóa đào tạo phù hợp với đặc trưng của NLĐ tại các đơn vị trong Tập đoàn; phổ biến thực hành 7 thói quen hiệu quả trong toàn Tập đoàn tạo mặt bằng nhận thức về văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể CBCNV, NLĐ. Xây dựng, định hình văn hóa học tập, nâng cao tinh thần tự học, tự đào tạo, chú trọng công tác đào tạo nội bộ trong CBCNV, NLĐ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo quán triệt thực hiện Kết luận này trong toàn hệ thống chính trị của Tập đoàn.

2. Giao Tổng giám đốc Tập đoàn sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 281 và quán triệt, triển khai Kết luận, tổ chức thực hiện trong toàn Tập đoàn. Định kỳ hằng năm tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác TT&VHDN.

3. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung trong Kết luận; theo dõi, đôn đốc các ban/văn phòng, đơn vị, đoàn thể triển khai thực hiện Kết luận. Chỉ đạo các tạp chí, bản tin, trang tin điện tử trong Tập đoàn xây dựng kế hoạch triển khai tuyên truyền việc thực hiện Kết luận.

4. Ủy Ban Kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn bổ sung kế hoạch, phối hợp với Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kết luận. Báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ về kết quả thực hiện.

5. Đồng chí Bí thư cấp uỷ/Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các bộ phận tham

mưu đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai Kết luận có trọng tâm, thiết thực, hiệu quả. Phân công rõ nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm phối hợp với các phòng ban chức năng triển khai và đề ra lộ trình, thời gian hoàn thành, định kỳ hằng quý đánh giá kết quả triển khai thực hiện.

6. Các ban/văn phòng Tập đoàn, Tổ triển khai Đề án tái tạo văn hóa Petrovietnam: rà soát, thúc đẩy các nhiệm vụ, các kết luận của Ban chỉ đạo Đề án tái tạo văn hóa Petrovietnam, Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng truyền thông, Ban chỉ đạo 35 và kết luận, chỉ đạo của Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo chất lượng, hiệu quả; phát hiện, đề xuất các hình thức tôn vinh, chế tài xử lý vi phạm trong quá trình triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam.

7. Các đoàn thể chính trị - xã hội trong Tập đoàn tập trung triển khai, hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch liên tịch số 56 KHLT/CĐDK-ĐTN-HCCB ngày 28/9/2021 về triển khai tái tạo văn hoá Petrovietnam tại các đơn vị, tổ chức trực thuộc. Duy trì các biện pháp nắm bắt tư tưởng, dư luận CBCNV, NLD; tham gia truyền thông nội bộ và tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết, chia sẻ giữa CBCNV, NLD.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- ĐUK DNTW (để b/cáo);
- BCS Đảng UBQLVNN tại DN (để b/cáo);
- Các đ/c UVBCH ĐB, TV, HĐTV,
- TGD, PTGD Tập đoàn (để c/d và t/h);
- CĐ DKVN, ĐTN, Hội CCB TD (để t/h);
- Các cấp ủy trực thuộc (để t/h);
- Các Ban/VP/VPĐU TD (để t/h);
- Hội DKVN (để p/h);
- Lưu VPĐU/BanTT&VHDN.

T/M BAN CHẤP HÀNH

BÍ THƯ

(Đã ký)

Hoàng Quốc Vượng

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

*

Số: 5589/TB-DKVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI HỘI NGHỊ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP LẦN THỨ II - 2022

Ngày 10/9/2022 tại Hà Nội, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức Hội nghị công tác truyền thông và văn hoá doanh nghiệp lần thứ II - 2022. Đồng chí Lê Mạnh Hùng, Phó Bí thư Đảng uỷ, Tổng giám đốc Tập đoàn chủ trì hội nghị; tham gia điều hành có các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Tập đoàn: Đỗ Chí Thanh, Phó Tổng giám đốc; Trần Quang Dũng, Trưởng Ban Truyền thông và Văn hoá doanh nghiệp. Tham dự Hội nghị có đại diện Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng uỷ Khối DNTW, Hiệp hội Phát triển văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam; các đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng uỷ, HĐTV, các Phó Tổng giám đốc, thường trực các tổ chức chính trị xã hội Tập đoàn, Hội Dầu khí Việt Nam, trưởng các ban/văn phòng Tập đoàn; thường trực Ban Liên lạc hưu trí Tập đoàn; lãnh đạo, cán bộ phụ trách công tác tuyên giáo, truyền thông, văn hóa doanh nghiệp Tập đoàn và đơn vị; đại diện các đơn vị tư vấn.

Sau khi nghe báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 281-NQ/ĐU ngày 15/5/2019 của Đảng uỷ Tập đoàn về công tác truyền thông và văn hoá doanh nghiệp (Nghị quyết 281) và quán triệt, triển khai Kết luận số 243-KL/ĐU ngày 18/8/2022 của Đảng uỷ Tập đoàn về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 281; báo cáo tham luận, thảo luận của các đơn vị BSR, PVCFC, PVOIL, PVTrans, Petrocons, PVFCCo, Vietsovpetro; ý kiến của các đơn vị tư vấn; tiếp thu chỉ đạo của đồng chí Hoàng Quốc Vượng, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn; Tổng giám đốc Lê Mạnh Hùng kết luận:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Sau 03 năm, Nghị quyết 281 đã được cả hệ thống chính trị Tập đoàn triển khai, thực hiện với quyết tâm cao. Nghị quyết đã được cụ thể bằng Kế hoạch số 3623/KH-DKVN ngày 03/7/2019 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết cùng 36 văn bản với các Đề án, kế hoạch, chương trình và nhiều hoạt động cụ thể khác nhau thực hiện các nhiệm vụ, áp dụng hiệu quả bốn nhóm giải pháp Nghị quyết đề ra. Hội nghị đã nhìn nhận, đánh giá các kết quả, thẳng thắn chỉ ra các tồn tại và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp; khẳng định những chủ trương đúng đắn, kịp thời, đồng bộ, xuyên suốt về chỉ đạo xây dựng công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp (TT&VHDN), đặc biệt khẳng định Petrovietnam đã và đang đi đúng hướng trong công tác TT&VHDN. Tuy nhiên, để tạo sự sắc sảo trong truyền thông, định hình bản sắc trong văn hóa, đưa Petrovietnam phát triển bền vững; hướng tới mục tiêu mỗi người lao động trong toàn Tập đoàn có cuộc sống ngày một tốt hơn, hoạt động hiệu quả cao hơn, chung mục tiêu cùng Tập đoàn vươn tới tầm vóc lớn hơn; từ Tập đoàn đến các đơn vị tập trung khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện, nêu cao vai trò của người đứng đầu, phân công rõ nhiệm vụ cho từng cá nhân, bộ phận, tổ chức. Xác định, nhận thức TT&VHDN là giải pháp quan trọng trong phát triển bền vững doanh nghiệp.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung

- Rà soát hệ thống quản trị trong triển khai công tác TT&VHDN, từ Đề án, kế hoạch, chương trình, hệ thống quy định, quy chế, quy trình, sự phối hợp, phân công nhiệm vụ để tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện tại các đơn vị, đoàn thể trong toàn Tập đoàn.

- Cập nhật, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, lộ trình, bố trí nguồn lực, bộ máy đủ điều kiện để triển khai công tác TT&VHDN gắn với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, phương châm hành động trên cơ

sở bám sát Chiến lược phát triển Tập đoàn và chủ chương, nhiệm vụ khác của Đảng liên quan đến công tác thông tin, truyền thông và xây dựng con người mới.

- Triển khai công tác quản trị hiệu quả, hướng tới sự đồng bộ trong toàn hệ thống (chuyển đổi số, quản trị danh mục đầu tư, quản trị chuỗi liên kết, đào tạo, phát triển nhân lực...) kết hợp với các hoạt động khác để thực hiện tốt nhất công tác TT&VHDN.

- Quán triệt phương châm truyền thông không chỉ đi trước mà còn đi cùng, đi sau trong mọi hoạt động của doanh nghiệp; gắn công tác truyền thông với xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Tái tạo văn hóa Petrovietnam nhằm củng cố văn hóa nền tảng, tạo hiệu quả với 7 thói quen, làm giàu bản sắc PVN để Tập đoàn có tầm vóc lớn hơn, xây dựng đội ngũ lao động hiệu quả cao hơn.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

Phó Tổng giám đốc Đỗ Chí Thanh chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện

TT	Nội dung	Ban/đơn vị thực hiện	Thời hạn
I	Nhóm giải pháp chung		
1	Tổ chức quán triệt và giám sát việc thực hiện Kết luận của Hội nghị tại các đơn vị. Phân công rõ nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm triển khai và đề ra lộ trình, thời gian hoàn thành	Các đơn vị trong Tập đoàn, Ban TT&VHDN hướng dẫn, theo dõi, giám sát	Từ nay đến tháng 12/2022

2	Nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của người đứng đầu các cấp về công tác TT&VHDN, người có chức vụ càng cao, càng phải gương mẫu; phát huy tính sáng tạo của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh trong triển khai công tác TT&VHDN	Các ban/văn phòng Tập đoàn và các đơn vị trong Tập đoàn; Ban TT&VHDN, CĐ, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn	Thường xuyên
II Nhóm giải pháp trong lĩnh vực công tác truyền thông			
1	Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ truyền thông nội bộ, truyền thông công chúng và truyền thông quốc tế. Xác định đúng đối tượng hướng tới, tăng tính tương tác. Thông qua công tác truyền thông tạo sự đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ SXKD theo hướng quản trị hiệu quả	Ban TT&VHDN đầu mối; các ban/văn phòng Tập đoàn phối hợp; các đơn vị trong Tập đoàn	Thường xuyên
2	Chú trọng phân tích tình hình, kết quả SXKD từ đó truyền thông có chiều sâu; đặc biệt là các gương điển hình trong lao động, sáng tạo để truyền thông công chúng, qua đó tạo niềm tin, khí thế mới, động viên NLD thực hiện trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ được giao với kết quả tốt nhất	Ban TT&VHDN đầu mối; các ban/văn phòng Tập đoàn phối hợp; các đơn vị, đoàn thể trong Tập đoàn	Thường xuyên

3	Mở rộng các hình thức truyền thông, đẩy mạnh truyền thông trên các kênh truyền hình, quảng bá tại các sự kiện lớn, xây dựng những thông điệp ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thể hiện truyền thông trên mạng xã hội; phát triển truyền thông đa phương tiện trên nền tảng kỹ thuật số. Nâng cao chất lượng, hiệu quả vận hành và hoạt động website từ Tập đoàn và các đơn vị	Ban TT&VHDN đầu mối; các ban/văn phòng Tập đoàn phối hợp; CĐ, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn; các đơn vị trong Tập đoàn	Thường xuyên
4	Quản trị rủi ro trong truyền thông; duy trì rà soát, phát hiện sớm thông tin sai lệch, tác động xấu đến hình ảnh, uy tín, hoạt động của Tập đoàn, các đơn vị; phối hợp cả hệ thống xử lý khi có sự cố, khủng hoảng truyền thông. Tạo đội ngũ/chuỗi liên kết từ Tập đoàn đến đơn vị kịp thời cung cấp, chia sẻ, nắm bắt, nhân rộng tin tốt; bảo vệ uy tín, thương hiệu của Tập đoàn	Ban TT&VHDN đầu mối; các ban/văn phòng Tập đoàn phối hợp; CĐ, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn; các đơn vị trong Tập đoàn	Thường xuyên

III Nhóm giải pháp về công tác tái tạo văn hóa Petrovietnam			
1	Thống nhất và nhất quán các giá trị văn hóa từ Tập đoàn đến đơn vị; đơn vị xây dựng những giá trị bản sắc trên cơ sở nền tảng hệ giá trị cốt lõi “Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình”	Ban TT&VHDN đầu mối; các ban/văn phòng Tập đoàn phối hợp; CĐ, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn; các đơn vị trong Tập đoàn	11/2023
2	Thực hiện phương châm hành động “Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả” áp dụng vào công tác quản trị, điều hành, trong mọi hoạt động của doanh nghiệp. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong triển khai Bộ quy chế quản trị; rà soát hoàn thiện các quy chế, quy định trong xử lý, giải quyết công việc làm căn cứ xây dựng văn hóa chuyển đổi số, văn hóa thực thi công việc, tính tuân thủ và hiệu quả		Thường xuyên

3	Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo, tự đào tạo, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm cho đội ngũ làm công tác văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tập đoàn. Lựa chọn các khóa đào tạo phù hợp với đặc trưng của các đơn vị trong Tập đoàn; phổ biến thực hành 7 thói quen hiệu quả trong NLĐ toàn Tập đoàn tạo mặt bằng nhận thức về văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể CBCNV, NLĐ. Xây dựng, định hình văn hóa phối hợp, văn hóa chia sẻ, văn hóa học tập, nâng cao tinh thần tự học, chú trọng công tác đào tạo nội bộ trong CBCNV, NLĐ	Ban TC&QTNNL đầu mối; các ban/văn phòng Tập đoàn; CĐ, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn; các đơn vị trong Tập đoàn	Thường xuyên
4	Tuân thủ, triển khai áp dụng triệt để, thống nhất, đồng bộ hệ thống nhận diện thương hiệu Petrovietnam trong toàn Tập đoàn	Ban TT&VHDN phối hợp Ban PC&KT; các ban/văn phòng Tập đoàn; các đơn vị đoàn thể Tập đoàn	Quý IV/2024

5	Xây dựng hướng dẫn cụ thể về các nghi thức, nghi lễ cho các sự kiện làm chuẩn mực thực hiện. Xây dựng hệ thống giải thưởng và hình thức xử lý vi phạm văn hoá dầu khí áp dụng chung trong toàn Tập đoàn	Văn phòng đầu mối Ban TC&QTNNL đầu mối	Quý III/2023
	Tham gia các giải thưởng tôn vinh văn hóa doanh nghiệp	Ban TT&VHDN đầu mối, các đơn vị trong Tập đoàn	Hằng năm
6	Xây dựng phòng truyền thống hiện đại tại Tập đoàn làm trung tâm liên kết phòng truyền thống/ khu lưu niệm các đơn vị	Ban TT&VHDN đầu mối; Văn phòng Tập đoàn phối hợp; CĐ, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn; các đơn vị trong Tập đoàn	Quý IV/2023
	Chỉnh trang, tu sửa, phát huy giá trị các phòng truyền thống/khu lưu niệm trong toàn Tập đoàn		Thường xuyên

Ban Truyền thông và Văn hoá doanh nghiệp Tập đoàn thông báo Kết luận của Tổng Giám đốc Tập đoàn để các Ban, đơn vị liên quan biết và khẩn trương triển khai thực hiện. Các yêu cầu và thời hạn thực hiện các nội dung trên sẽ được theo dõi, giám sát và đánh giá trong các cuộc họp giao ban và hội nghị chuyên đề. Trường hợp các nhiệm vụ được giao không hoàn thành đúng thời hạn, Tổng giám đốc sẽ xem xét, kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan./.

Nơi nhận:

- ĐU Khối DNTW (để b/c);
- Ban CSĐ UB QLVNN tại DN (để b/c);
- UV BCH Đảng bộ Tập đoàn (e-copy để b/c);
- HĐTV, các Phó TGĐ TD (e-copy);
- Các TV BCD triển khai Đề án (ecopy-để t/hiện);
- Các Ban/Văn phòng TD (ecopy-để t/hiện);
- Công đoàn DKVN, Đoàn TN, Hội CCB TD;
- Tổ TK TTVH Petrovietnam (ecopy-để t/hiện);
- Các đơn vị trực thuộc (để t/hiện);
- Lưu VT, TT&VHDN..

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN
TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HOÁ
DOANH NGHIỆP
(Đã ký)

Trần Quang Dũng

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO VÀ TỔ TRIỂN KHAI TÁI TẠO VĂN HÓA PETROVIETNAM

Kèm theo Thông báo số: 5589/TB-DKVN
ngày 28 tháng 9 năm 2022

I. Thành viên Ban Chỉ đạo triển khai “Đề án tái tạo Văn hóa Petrovietnam”

1. Đ/c Hoàng Quốc Vượng - Chủ tịch HĐTV Tập đoàn, Trưởng ban Chỉ đạo.
2. Đ/c Lê Mạnh Hùng - Tổng giám đốc Tập đoàn, Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo.
3. Đ/c Đỗ Chí Thanh - Phó Tổng giám đốc Tập đoàn, Phó Trưởng ban Chỉ đạo.
4. Đ/c Trần Quang Dũng - Trưởng ban Truyền thông & Văn hóa doanh nghiệp, Thành viên thường trực.
5. Đ/c Nghiêm Thùy Lan - Chủ tịch Công đoàn DKVN, thành viên.
6. Đ/c Phan Anh Minh - Trưởng Ban Tổ chức & Quản trị nguồn nhân lực, thành viên.
7. Đ/c Trương Quốc Lâm - Chánh Văn phòng Tập đoàn, Thành viên.
8. Đ/c Mai Thị Nhật Lan - Quyền Trưởng ban Pháp chế kiểm tra Tập đoàn, thành viên.

II. Thành viên Tổ triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam

1. Đ/c Trần Quang Dũng - Trưởng ban TT&VHDN, Tổ trưởng.
2. Đ/c Vũ Anh Tuấn - Phó Chủ tịch Công đoàn DKVN, Tổ phó.
3. Đ/c Phạm Đăng An - Bí thư Đoàn TN Tập đoàn, Tổ phó.
4. Đ/c Lê Mạnh Hùng - Phó Trưởng ban Pháp chế Kiểm tra Tập đoàn, Thành viên.
5. Đ/c Trịnh Tuấn Anh - Phó Trưởng ban TC&QTNNL Tập đoàn, Thành viên.

6. Đ/c Nguyễn Quang Hùng - Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn, Thành viên.

7. Đ/c Đặng Văn Huệ - Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Tập đoàn, Thành viên.

8. Đ/c Đinh Đức Mạnh - Bí thư Đoàn TN Cơ quan Tập đoàn, Thành viên.

9. Đ/c Lê Quang Toán - Phó Chủ tịch Hội CCB Tập đoàn, Chủ tịch Hội CCB Cơ quan Tập đoàn, Thành viên.

10. Đ/c Hoàng Tiến Đạt - Trưởng ban Thanh tra nhân dân Cơ quan Tập đoàn, Thành viên.

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ

Kèm theo Thông báo số: 5589 /TB-DKVN
ngày 28 tháng 9 năm 2022

STT	Đơn vị
I	Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
1.	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2
2.	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1
3.	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1
4.	Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông
5.	Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc
6.	Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam
7.	Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn
II	Các Đơn vị thành viên
8.	Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
9.	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)

10.	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)
11.	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)
12.	Công ty CP Lọc Hóa dầu Bình Sơn (BSR)
13.	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)
14.	Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPoly)
15.	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGAS)
16.	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL Corp.)
17.	Tổng Công ty CP Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling)
18.	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)
19.	Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
20.	Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp dầu khí (PETROSETCO)
21.	Công ty CP PVI (PVI Holdings)
22.	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí (Petrocons)
23.	Tổng Công ty CP Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí (PV Chem)
24.	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)
25.	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)
26.	Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)
27.	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)
28.	Trường Cao đẳng Dầu khí (PVCollege)
29.	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PV Engineering)
30.	Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP (PVMR)
31.	Công ty TNHH Lọc - Hóa dầu Nghi Sơn (NSRP)

ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP TW
ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 551-QĐ/ĐU

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA
BAN TUYÊN GIÁO ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 87-QĐ/TW ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Hướng dẫn số 23-HD/BTCTW ngày 14/02/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ công văn số 1264-CV/ĐUK ngày 16/02/2023 của Đảng ủy Khối DNTW về việc quán triệt triển khai thực hiện Quy định số 87-QĐ/TW của Ban Bí thư và Hướng dẫn 23-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương;
- Căn cứ Quyết định số 547-QĐ/ĐU ngày 22/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn và Nghị quyết số 309-NQ/ĐU ngày 22/3/2023 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn về việc thành lập các ban tham mưu giúp việc Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam theo Quy định số 87-QĐ/TW ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Đảng ủy và Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn.

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chức năng của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Tập đoàn mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Đảng ủy Tập đoàn trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; bồi dưỡng lý luận chính trị, tuyên truyền, văn hoá doanh nghiệp, khoa giáo, báo chí; công tác dân vận, đoàn thể của Đảng bộ Tập đoàn.

2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo/dân vận của Đảng ủy Tập đoàn.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

1.1. Tham mưu việc học tập, quán triệt, xây dựng chương trình hành động thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương Đảng, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương; tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến doanh nghiệp nhà nước và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng ủy Tập đoàn.

1.2. Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định, kết luận, chương trình công tác tuyên giáo/dân vận và chủ trương, giải pháp về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động công tác tuyên giáo/dân vận của Đảng ủy Tập đoàn.

1.3. Tham mưu, đề xuất công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; công tác chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nắm bắt, đề xuất giải quyết những vấn đề bức xúc của người lao động trong Tập đoàn.

1.4. Nghiên cứu, theo dõi, tổng hợp tình hình dư luận xã hội, tư tưởng cán bộ, đảng viên, người lao động; nắm bắt thông tin trên các phương tiện truyền thông của các đơn vị trong Tập đoàn; dự báo diễn biến, xu hướng tư tưởng có thể xảy ra, kịp thời báo cáo,

đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Tập đoàn phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp giải quyết.

1.5. Tham mưu với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Tập đoàn lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp đối với các cấp uỷ/đoàn thể trong Tập đoàn.

1.6. Tham mưu, đồng thời là cơ quan giúp việc Đảng ủy Tập đoàn trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

1.7. Tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, tập huấn nghiệp vụ công tác tuyên giáo, dân vận; thông tin thời sự, các chuyên đề kinh tế, xã hội, tư tưởng văn hoá, khoa học, giáo dục, an ninh, quốc phòng... liên quan đến hoạt động của Tập đoàn.

1.8. Nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ Tập đoàn, các ấn phẩm tuyên truyền của Đảng bộ Tập đoàn; phổ biến thông tin nội bộ, tài liệu sinh hoạt chi bộ hằng tháng.

1.9. Là cơ quan thường trực một số ban chỉ đạo của Đảng ủy Tập đoàn về công tác tuyên giáo, dân vận (Ban chỉ đạo 35, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, Ban chỉ đạo thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”...).

1.10. Tham mưu với Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn công tác lãnh đạo, đề xuất chủ trương, giải pháp chỉ đạo hoạt động của Công đoàn Dầu khí Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh Tập đoàn và các hội nghề nghiệp.

1.11. Theo dõi, tổng hợp nắm tình hình về việc triển khai các hoạt động an sinh xã hội và các hoạt động xã hội khác trong Tập đoàn.

1.12. Đánh giá hoạt động, thực hiện việc báo cáo định kỳ/đột xuất, nghiên cứu, đề xuất, sơ kết, tổng kết các đề án, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác tuyên giáo/dân vận trong Đảng bộ Tập đoàn. Đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích về công tác tuyên giáo, dân vận.

1.13. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Tập đoàn giao.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

2.1. Theo dõi, hướng dẫn nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và bồi dưỡng lý luận chính trị của các đảng ủy trực thuộc.

2.2. Tham mưu giúp Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Tập đoàn chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc định hướng hoạt động của các tạp chí, trang thông tin điện tử của các đơn vị trong Tập đoàn.

2.3. Tham gia xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác tuyên giáo, dân vận trong Đảng bộ Tập đoàn; tổ chức đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội trong Đảng bộ Tập đoàn. Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ tuyên giáo, dân vận cho cán bộ phụ trách tuyên giáo, dân vận và cấp ủy cấp dưới.

2.4. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các đảng ủy/đoàn thể trực thuộc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy chế, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác tuyên giáo, dân vận; về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; về phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện giám sát, phản biện, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng doanh nghiệp; về công tác an sinh xã hội và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

2.5. Định kỳ tổ chức giao ban công tác tuyên giáo, dân vận với các đảng ủy trực thuộc.

3. Thẩm định

Đề án, văn bản của các ban, đơn vị/đoàn thể trong Tập đoàn có liên quan đến công tác tuyên giáo, công tác dân vận trước khi trình Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn và Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn.

4. Phối hợp với các ban xây dựng đảng của Đảng ủy Tập đoàn và các ban, đơn vị trong Tập đoàn, các cơ quan liên quan trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Quản lý đội ngũ cán bộ của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của Tập đoàn và Đảng ủy Tập đoàn.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy, biên chế của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn

1. Lãnh đạo Ban gồm Trưởng ban là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn và Phó Trưởng ban.

2. Các phòng trực thuộc:

- Thành lập Phòng Công tác Tuyên giáo: Là đơn vị cấp phòng trực thuộc Ban Tuyên giáo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ công tác tuyên giáo được quy định tại Điều 2

- Thành lập Phòng Công tác Dân vận: Là đơn vị cấp phòng trực thuộc Ban Tuyên giáo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ công tác dân vận được quy định tại Điều 2.

Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ các phòng thuộc Ban và trình Thường trực Đảng ủy Tập đoàn phê duyệt.

3. Định biên: Định biên nhân sự chuyên trách của Ban Tuyên giáo do Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn quyết định.

Điều 4. Mối quan hệ công tác của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn

1. Với Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Đảng ủy Khối: Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Đảng ủy Khối DNTW.

2. Với Đảng ủy Tập đoàn: Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Tập đoàn.

3. Với các ban/văn phòng trong Tập đoàn: Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn phối hợp với các ban/văn phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Với đảng ủy trực thuộc/các đoàn thể và cơ quan thực hiện chức năng tham mưu về công tác tuyên giáo, dân vận của các đảng ủy trực thuộc: Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn là cơ quan phối hợp, trao đổi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ công tác tuyên giáo, dân vận.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn ban hành quy chế làm việc của Ban phù hợp với Quyết định này.

3. Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn, các ban xây dựng Đảng của Đảng ủy Tập đoàn và các chi/đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Tập đoàn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tuyên giáo phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy trình Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 5,
- Đảng ủy Khối DNTW (để b/c),
- UVBCH ĐB TD (e-copy),
- HĐTV, TGD Tập đoàn,
- VP ĐU, các ban ĐU Tập đoàn,
- Các Chi, Đảng ủy trực thuộc,
- CĐ DKVN, ĐTN, Hội CCB TD,
- Lưu VP, BTC.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

(Đã ký)

Hoàng Quốc Vượng

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3866/QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**V/V: ĐIỀU CHỈNH TÊN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ
CHÍNH CỦA CÁC BAN/VĂN PHÒNG TẠI BỘ MÁY GIÚP VIỆC
CÔNG TY MẸ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

TỔNG GIÁM ĐỐC

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 309-NQ/ĐU ngày 22/3/2023 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 3639/NQ-DKVN ngày 01/6/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc điều chỉnh tên, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của các Ban thuộc Ban điều hành Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ các Quyết định số 1379/QĐ-DKVN ngày 04/8/2018, số 1753/QĐ-DKVN ngày 27/9/2018 và số 2035/QĐ-DKVN ngày 31/12/2019 của Tổng giám đốc PVN về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban/Văn phòng tại Bộ máy điều hành Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức và Quản trị nguồn nhân lực.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên 02 Ban chức năng như sau:

- Ban Pháp chế và Kiểm tra thành **Ban Pháp chế Thanh tra**.
- Ban Tổ chức và Quản trị nguồn nhân lực thành Ban Quản trị nguồn nhân lực.

Điều 2. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ chính của Ban Pháp chế Thanh tra, Ban Quản trị nguồn nhân lực, Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp, và Văn phòng như Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

Điều 3. Sắp xếp các phòng trong Ban Pháp chế Thanh tra, Ban Quản trị nguồn nhân lực, Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp như Phụ lục II đính kèm Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- HĐTV PVN (e-copy để b/c);
- TV ĐU Tập đoàn (để b/c)
- Ban TGD PVN (e-copy);
- KSV PVN (e-copy);
- Đảng ủy CTM, CĐ CTM (e-copy);
- CĐ DKVN, ĐTN TĐ, HCCB TĐ (e-copy);
- Các Ban PVN (e-copy);
- Lưu: VT, QTNL (TNg.02b).

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Mạnh Hùng

PHỤ LỤC I

ĐIỀU CHỈNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA 04 BAN/

VĂN PHÒNG TẠI BỘ MÁY GIÚP VIỆC CÔNG TY MẸ -

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3866 /QĐ-DKVN

ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

A. Chức năng, nhiệm vụ chính của Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp:

III. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp:

Chức năng: Tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo PVN trong công tác truyền thông; văn hóa doanh nghiệp; quan hệ công chúng; an sinh xã hội; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; công tác phối hợp thực hiện các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội nghề nghiệp trong Tập đoàn.

Nhiệm vụ chính: thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, những nhiệm vụ chính sau:

1. Công tác truyền thông:

- Tham mưu công tác quy hoạch hệ thống thông tin tuyên truyền trong Tập đoàn; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động và giám sát thông tin của các tạp chí, bản tin, trang tin điện tử, các công cụ thông tin, tuyên truyền trong Tập đoàn;

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông, báo chí của PVN; tham mưu cho Lãnh đạo PVN về quan hệ với các cơ quan quản lý và báo chí, cung cấp thông tin báo chí và xử lý các sự cố truyền thông; tổng hợp thông tin báo chí, điểm báo; vận hành, quản lý cổng thông tin điện tử của PVN;

- Biên soạn các ấn phẩm, tài liệu nội bộ phục vụ giáo dục truyền thống, tài liệu phổ biến kiến thức, tuyên truyền, quảng bá về hoạt động của Tập đoàn;

- Quảng bá và phát triển thương hiệu PVN.

2. Công tác văn hóa doanh nghiệp:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của PVN;
- Triển khai các hoạt động để phổ biến, đưa văn hóa doanh nghiệp vào các hoạt động của PVN.
- Cập nhật, bảo tồn và quảng bá các giá trị truyền thống, lịch sử của PVN; quản lý và vận hành Phòng Truyền thống của Tập đoàn; thường trực xây dựng lịch sử ngành Dầu khí;

3. Công tác quan hệ công chúng:

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động an sinh xã hội;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc;
- Tham mưu về các hoạt động đối thoại người lao động, hội nghị người lao động trong doanh nghiệp;
- Triển khai các hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ.
- Phối hợp, hỗ trợ hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Cựu chiến binh Tập đoàn;
- Đầu mối theo dõi hoạt động của Ban Liên lạc hưu trí Dầu khí Tập đoàn;
- Đầu mối phối hợp hoạt động với Hội Dầu khí Việt Nam.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tập đoàn phân công.

B. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ chính của Văn phòng:

Chuyển chức năng, nhiệm vụ về An sinh xã hội từ Văn phòng sang Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp.

PHỤ LỤC II

CÁC PHÒNG TRONG 03 BAN TẠI BỘ MÁY GIÚP VIỆC CÔNG TY MẸ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3866 /QĐ-DKVN
ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

III. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp:

1. Phòng Truyền thông;
2. Phòng Văn hóa doanh nghiệp;
3. Phòng Quan hệ công chúng.



CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

CHÍNH PHỦ

*

Số: 119/2020/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ, HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cá nhân, tổ chức có liên quan.

4. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Cơ quan báo chí, nhà xuất bản được thành lập theo quy định của pháp luật về báo chí, xuất bản;

b) Cơ quan nhà nước;

c) Tổ chức kinh tế hoạt động theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức nước ngoài, văn phòng thường trú của cơ quan báo chí nước ngoài, văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam;

đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định pháp luật tham gia hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn từ 01 đến 12 tháng, bao gồm: Giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in, báo nói, báo hình, báo điện tử, tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm, phụ trương, giấy phép xuất bản chuyên trang, giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, giấy phép sản xuất kênh chương trình, giấy phép nhập khẩu báo in, tạp chí in, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, giấy phép xuất bản bản tin, giấy phép xuất bản đặc san, giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam, giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 đến 12 tháng.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc cải chính, xin lỗi;

b) Buộc thu hồi sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình, xuất bản phẩm vi phạm các quy định của pháp luật;

c) Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật, thông tin vi phạm quy định pháp luật đã đăng, phát trên báo điện tử, tạp chí điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp; buộc gỡ bỏ chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; buộc gỡ bỏ nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng, ứng dụng phát thanh truyền hình trên mạng; buộc gỡ bỏ xuất bản phẩm điện tử vi phạm các quy định của pháp luật; buộc gỡ bỏ nội dung giới thiệu, quảng bá, đường dẫn đến trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm pháp luật;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

đ) Buộc thực hiện đăng, phát lại nội dung cải chính, xin lỗi;

e) Buộc đăng, phát đầy đủ nội dung kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Buộc xin lỗi công khai;

h) Buộc thực hiện lưu chiếu báo chí theo quy định của pháp luật;

i) Buộc nộp lưu chiếu sản phẩm báo chí đúng địa điểm, số lượng;

k) Buộc nộp lưu chiếu hoặc nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam theo quy định;

l) Buộc trả lại phương tiện, tài liệu thu giữ trái phép của nhà báo, phóng viên;

m) Buộc tái xuất xuất bản phẩm nhập khẩu là tài liệu phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức hoặc là tài sản của cơ quan,

tổ chức, gia đình, cá nhân để sử dụng riêng; buộc tái xuất đối với báo in, tạp chí in mà không đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu với Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi nhập khẩu;

n) Buộc tiêu hủy sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản phẩm vi phạm quy định của pháp luật;

o) Buộc gỡ bỏ tin, bài trên báo điện tử, tạp chí điện tử, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình có nội dung không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép; buộc gỡ bỏ tin, bài đăng tải không đúng nội dung thông tin ghi trong giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;

p) Buộc thu hồi tên miền, địa chỉ Internet (IP).

Điều 4. Mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt

1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản là 200.000.000 đồng đối với tổ chức và 100.000.000 đồng đối với cá nhân.

2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân.

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương IV Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân bằng 1/2 thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 5. Vi phạm quy định về giấy phép

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình nhưng không có văn bản chấp thuận của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình được quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước;

c) Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình nhưng không được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động thông tin, báo chí không đúng mục đích, chương trình đã được ghi trong giấy phép của Bộ Ngoại giao;

b) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin, đặc san.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép trong hoạt động báo chí;

b) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép hoạt

động báo chí, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều 8 Nghị định này;

c) Hoạt động thông tin, báo chí mà không có giấy phép của Bộ Ngoại giao;

d) Xuất bản bản tin, đặc san không có giấy phép;

đ) Vi phạm các quy định về điều kiện thành lập Văn phòng đại diện, cử phóng viên thường trú của cơ quan báo chí;

e) Báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam thực hiện hoạt động báo chí, hoạt động liên quan đến báo chí không có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

g) Cơ quan báo chí nước ngoài đặt văn phòng thường trú tại Việt Nam khi không có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, phụ trương, mở chuyên trang đối với báo điện tử, tạp chí điện tử; sản xuất thêm kênh phát thanh, kênh truyền hình mà không có giấy phép.

5. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động báo in, tạp chí in, báo nói, báo hình, báo điện tử, tạp chí điện tử không có giấy phép hoạt động báo chí theo quy định trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm a, c và d khoản 3; tịch thu tang vật vi phạm hành chính là ấn phẩm báo chí, phụ trương đối với hành vi quy định tại khoản 4; tịch thu tang vật vi phạm hành chính là báo in, tạp chí in đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về hoạt động báo chí, sử dụng thẻ nhà báo

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thẻ nhà báo đã hết hạn sử dụng để hoạt động báo chí;

b) Phóng viên nước ngoài, trợ lý báo chí của phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại Việt Nam mà không có thẻ phóng viên nước ngoài hợp lệ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp;

c) Người đứng đầu cơ quan báo chí, cơ quan công tác của người thuộc diện phải nộp lại thẻ nhà báo không thu lại thẻ nhà báo hoặc thu lại thẻ nhà báo nhưng không nộp về Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc không thông báo bằng văn bản đối với các trường hợp: Người được cấp thẻ nhà báo nhưng chuyển sang làm nhiệm vụ khác không còn là đối tượng được cấp thẻ; người được cấp thẻ nhà báo đã nghỉ hưu; người đã hết thời hạn hợp đồng lao động nhưng không được ký tiếp hợp đồng lao động mới hoặc không tiếp tục làm việc tại cơ quan báo chí;

d) Người được cấp thẻ nhà báo không nộp lại thẻ nhà báo (trừ trường hợp có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi mất thẻ về việc bị mất thẻ) trong các trường hợp sau: Khi cơ quan báo chí bị thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; chuyển sang làm nhiệm vụ khác không còn là đối tượng được cấp thẻ nhà báo; đã nghỉ hưu; đã hết thời hạn hợp đồng lao động nhưng không được ký tiếp hợp đồng lao động mới hoặc không tiếp tục làm việc tại cơ quan báo chí;

đ) Người đứng đầu cơ quan báo chí cử hoặc giao quyền cho cấp dưới cử nhà báo, phóng viên hoạt động báo chí không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí;

e) Nhà báo hoạt động báo chí không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí của cơ quan báo chí đang công tác.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Mạo danh nhà báo, phóng viên để hoạt động báo chí;
- b) Lợi dụng tư cách nhà báo, phóng viên can thiệp, cản trở hoạt động đúng pháp luật của tổ chức, cá nhân;
- c) Sử dụng thẻ nhà báo đã bị sửa chữa, tẩy xóa để hoạt động báo chí.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng tư cách nhà báo, phóng viên để trục lợi.

4. Hình thức phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 7. Hành vi cản trở trái pháp luật hoạt động báo chí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cản trở trái pháp luật hoạt động nghề nghiệp của nhà báo, phóng viên.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thu giữ trái phép phương tiện, tài liệu hoạt động báo chí của nhà báo, phóng viên.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phóng viên khi đang hoạt động nghề nghiệp;
- b) Hủy hoại, cố ý làm hư hỏng phương tiện, tài liệu hoạt động báo chí của nhà báo, phóng viên.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi có lời nói, hành động đe dọa tính mạng nhà báo, phóng viên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc xin lỗi đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;
- b) Buộc trả lại phương tiện, tài liệu thu giữ trái phép đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về đăng, phát nội dung thông tin trên báo chí, bản tin, đặc san

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không nêu rõ xuất xứ nguồn tin khi đăng, phát trên báo chí khi sử dụng thông tin do cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm cung cấp cho báo chí.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Đăng, phát thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng ít nghiêm trọng;
- b) Minh họa, đặt tiêu đề tin, bài không phù hợp nội dung thông tin làm cho người đọc hiểu sai nội dung thông tin;
- c) Đăng, phát ảnh của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác;
- d) Đăng, phát ý kiến phản hồi không thể hiện đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Báo chí hoặc đăng, phát không đúng thời điểm theo quy định tại khoản 2 Điều 43 và khoản 5 Điều 42 Luật Báo chí.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Đăng, phát tin, bài, ảnh không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;
- b) Đăng, phát thông tin cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan;
- c) Thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia khi đăng, phát hình ảnh bản đồ Việt Nam;
- d) Đăng, phát thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em;
- đ) Không thực hiện việc đăng, phát ý kiến phản hồi của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tác phẩm báo chí theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Luật Báo chí;
- e) Đăng, phát thông tin, chương trình dành cho trẻ em không đảm bảo tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng trên báo chí;

g) Không thực hiện đúng các yêu cầu bắt buộc khi đăng, phát tin, bài, chương trình liên quan đến trẻ em trên báo chí;

h) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo chí;

i) Tiết lộ bí mật đời tư của cá nhân nhưng không được sự đồng ý của cá nhân đó;

k) Đăng, phát thông tin xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín của cá nhân.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Miêu tả tỉ mỉ hành vi tội ác, tai nạn rừng rợn trong các tin, bài, ảnh;

b) Quy kết tội danh khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Đăng, phát thông tin về những chuyện thần bí gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe cộng đồng;

d) Đăng, phát thông tin về thân nhân, các mối quan hệ của cá nhân trong các vụ án, vụ việc tiêu cực khi không có căn cứ chứng minh các thân nhân và các mối quan hệ đó liên quan đến vụ án, vụ việc tiêu cực hoặc chưa có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Giới thiệu, quảng bá, đặt đường dẫn trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm quy định pháp luật;

e) Thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí, không đúng giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước gây ảnh hưởng ít nghiêm trọng.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng nghiêm trọng;

b) Đăng, phát thông tin có nội dung sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

c) Đăng, phát thông tin miêu tả tỉ mỉ hành động dâm ô, đồi trụy;

d) Thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí, không đúng giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước gây ảnh hưởng nghiêm trọng.

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng;

b) Đăng, phát tin, bài, ảnh kích động bạo lực.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi đăng, phát, giới thiệu, quảng bá tác phẩm, tài liệu hoặc nội dung thông tin trong tác phẩm, tài liệu đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy.

8. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát thông tin không phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân;

b) Đăng, phát thông tin xuyên tạc, bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;

c) Đăng, phát thông tin có nội dung gây ảnh hưởng đến độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) Đăng, phát thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc;

đ) Đăng, phát thông tin gây ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc;

e) Đăng, phát thông tin xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo;

g) Đăng, phát thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là sản phẩm báo chí của báo in, tạp chí in, bản tin, đặc san đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3; các khoản 6, 7 và 8 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động từ 01 đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 5; các khoản 6, 7 và 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cơ quan báo chí cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2; các điểm a, b, c, d, i và k khoản 3; các điểm a, b, c và d khoản 4; các điểm a, b và c khoản 5; các khoản 6, 7 và 8 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật, thông tin vi phạm quy định pháp luật đã đăng, phát trên báo điện tử, tạp chí điện tử, báo nói, báo hình, đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 2; các điểm a, b, c, d, i và k khoản 3; các điểm a, b, c và d khoản 4; các điểm a, b và c khoản 5; các khoản 6, 7 và 8 Điều này;

c) Buộc gỡ bỏ tin, bài trên báo điện tử, tạp chí điện tử, báo nói, báo hình có nội dung không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 5 Điều này;

d) Buộc gỡ bỏ nội dung giới thiệu, quảng bá, đường dẫn đến trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm pháp luật quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về cung cấp thông tin cho báo chí và sử dụng thông tin của cơ quan báo chí

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở việc cung cấp thông tin cho báo chí của tổ chức, cá nhân;

b) Không thực hiện cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Báo chí;

c) Thực hiện không đúng quy định về thời hạn thông báo hoặc thời hạn đăng, phát, trả lời cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo hoặc có yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thể hiện không chính xác, trung thực nội dung trả lời của người được phỏng vấn;

b) Không thực hiện yêu cầu xem lại nội dung trả lời của người trả lời phỏng vấn trước khi đăng, phát nội dung trả lời phỏng vấn trên báo chí;

c) Sử dụng ý kiến phát biểu tại hội nghị, hội thảo, các cuộc gặp gỡ, trao đổi, nói chuyện để chuyển thành bài phỏng vấn khi chưa được sự đồng ý của người phát biểu;

d) Cung cấp thông tin không trung thực, sai sự thật cho báo chí.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về cải chính trên báo chí

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi thực hiện cải chính, xin lỗi không đúng quy định về vị trí, kiểu chữ, cỡ chữ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo việc cải chính, xin lỗi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Đăng, phát thông tin cải chính, xin lỗi mà không thể hiện nội dung thông tin cải chính, xin lỗi hoặc tên tác phẩm báo chí, tên chuyên mục, số báo, ngày, tháng, năm đã đăng, phát phải cải chính.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc gỡ bỏ thông tin sai sự thật;

b) Không thông báo cho các cơ quan báo chí, trang thông tin điện tử tổng hợp có thỏa thuận việc sử dụng tin bài của báo mình để thực hiện đăng lại lời cải chính, xin lỗi;

c) Tạp chí xuất bản trên 30 ngày một kỳ khi thông tin sai sự thật mà không có văn bản trả lời ngay cho cơ quan tổ chức, cá nhân;

d) Không xây dựng chuyên mục riêng tại trang chủ của báo điện tử, tạp chí điện tử để thực hiện cải chính, xin lỗi;

đ) Đăng, phát thông tin cải chính, xin lỗi mà không thể hiện đầy đủ các nội dung đã thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân đã đăng, phát trong tác phẩm báo chí và nội dung thông tin được cải chính;

e) Cải chính, xin lỗi không đúng thời điểm quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cải chính, xin lỗi theo quy định;

b) Không đăng, phát nội dung kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nội dung sai sự thật, xuyên tạc, vu khống xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân đã đăng, phát trên báo chí.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện đăng, phát lại nội dung cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

c) Buộc đăng, phát đầy đủ nội dung kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

d) Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về hợp báo

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo nhưng không thông báo trước bằng văn bản hoặc thông báo không đúng thời gian quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo có nội dung không đúng với nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trả lời chấp thuận hoặc không

đúng với nội dung đã thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo khi đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo có nội dung xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo có nội dung kích động bạo lực.

6. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về thông tin phải ghi, thể hiện trên báo chí, bản tin, đặc san

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không ghi đủ hoặc không ghi đúng nội dung theo quy định về thông tin phải ghi, thể hiện trên báo chí, bản tin, đặc san.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi trình bày trên trang nhất, bìa một đối với báo in, tạp chí in, trang chủ, các trang đối với báo điện tử, tạp chí điện tử có nội dung không phù hợp với nội dung của sản phẩm báo chí.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thể hiện biểu tượng, nhạc hiệu đối với báo nói, báo hình.

Điều 13. Vi phạm quy định về phát hành sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở việc phát hành, truyền dẫn sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí hợp pháp;

b) Bán sản phẩm báo chí nhập khẩu trái phép.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí không được phép lưu hành hoặc có quyết định thu hồi, tịch thu;

b) Không thực hiện thu hồi ấn phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí khi có quyết định thu hồi.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về lưu trữ báo chí

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp lưu trữ sản phẩm báo chí không đúng địa điểm, thời gian, số lượng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thể hiện rõ thông tin báo in, tạp chí in nộp lưu trữ, số lượng phát hành, ngày, giờ nộp lưu trữ, chữ ký của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền trên báo in, tạp chí in nộp lưu trữ.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện lưu trữ báo chí theo quy định;

b) Không lưu giữ toàn bộ chương trình đã truyền dẫn, phát sóng hoặc lưu giữ không đúng quy định về thời gian đối với báo nói, báo hình; không lưu trữ nguyên vẹn nội dung thông tin đã đăng, phát hoặc lưu giữ không đúng quy định về thời gian đối với báo điện tử, tạp chí điện tử;

c) Không cung cấp tín hiệu phát sóng (đối với báo nói, báo hình), quyền truy xuất dữ liệu (đối với báo điện tử, tạp chí điện tử) theo yêu cầu của cơ quan thực hiện lưu trữ điện tử;

d) Không đảm bảo tính thống nhất, chính xác giữa nội dung tác phẩm đăng, phát với nội dung tác phẩm cung cấp cho cơ quan thực hiện lưu trữ điện tử.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện chế độ lưu trữ báo chí đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lưu trữ sản phẩm báo chí đúng địa điểm, số lượng đối với hành vi quy định khoản 1 Điều này;

c) Buộc cung cấp nội dung chính xác đã đăng, phát đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu báo chí in

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu báo in, tạp chí in mà không đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu với Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi nhập khẩu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu báo in, tạp chí in mà không thông qua cơ sở nhập khẩu báo chí do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan; thông tin về những chuyện thần bí

gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe của cộng đồng;

b) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em;

d) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín của cá nhân.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung dâm ô, đồi trụy;

b) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung kích động bạo lực.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu báo in, tạp chí in có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy sản phẩm báo chí đối với hành vi quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này;

c) Buộc tái xuất báo in, tạp chí in đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình mà không có giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

b) Sửa chữa, tẩy xóa hoặc cho thuê, mượn giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài hình trực tiếp từ vệ tinh;

c) Thực hiện không đúng nội dung quy định tại giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng cung cấp tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh mà không thực hiện đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

b) Thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

c) Cung cấp tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh cho các đối tượng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ

vệ tinh có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về quản lý, cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ phát thanh, truyền hình trên kênh chương trình theo quy định;

b) Niêm yết không đầy đủ thông tin về giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn

với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ;

c) Thực hiện không đúng quy định về công bố, niêm yết chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

d) Thực hiện không đúng quy định về việc tự kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

đ) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu;

b) Lập hồ sơ theo dõi không đúng quy định hoặc không lập hồ sơ theo dõi việc cung cấp nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng;

c) Thực hiện không đúng quy định tại giấy chứng nhận đăng ký

danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

d) Cản trở hoặc làm chậm trễ việc thỏa thuận điểm nhận tín hiệu, tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình;

đ) Không ban hành quy chế nội bộ về việc tự kiểm tra chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định;

e) Không đăng ký hợp đồng mẫu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sử dụng hợp đồng không đúng với hợp đồng mẫu đã đăng ký;

g) Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ thông tin về giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ;

h) Không công bố, niêm yết hoặc thực hiện công bố, niêm yết không đúng quy định về chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

i) Không thực hiện quy định về việc tự kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Cung cấp số lượng kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền vượt quá 30% tổng số kênh khai thác;

c) Không cung cấp kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia cho tất cả thuê bao truyền hình trả tiền theo quy định;

d) Không cung cấp kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương cho tất cả các thuê bao truyền hình tại địa phương nơi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo quy định;

đ) Cung cấp dịch vụ với chất lượng thấp hơn mức chất lượng dịch vụ đã công bố;

e) Cài đặt sẵn ứng dụng trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng giúp truy cập các dịch vụ phát thanh, truyền hình không đúng quy định của pháp luật;

g) Cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền mà không có giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình;

h) Cung cấp nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng chưa được biên tập theo quy định;

i) Cung cấp kênh chương trình, nội dung chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không có thỏa thuận bản quyền hợp pháp với đơn vị sở hữu nội dung.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài trong các kênh chương trình nước ngoài;

b) Không truyền tải nguyên vẹn nội dung chương trình, kênh chương trình được cung cấp bởi đơn vị cung cấp nội dung đến thuê bao dịch vụ phát thanh, truyền hình;

c) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không được biên tập, biên dịch theo quy định;

d) Bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình dưới mọi hình thức;

đ) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá;

e) Cung cấp gói dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ giá trị gia tăng trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình kênh chương

trình trong nước mà không có giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo quy định;

b) Cung cấp chương trình, kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình có nội dung không được thông tin trên báo chí, không được phép phổ biến, có nội dung bị cấm hoặc có quyết định thu hồi, tịch thu;

c) Cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có vốn đầu tư nước ngoài nhưng chưa có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ;

d) Cung cấp chương trình, kênh chương trình cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình không được sự cho phép của đơn vị sở hữu nội dung hoặc không đúng thẩm quyền được cơ quan, tổ chức sở hữu nội dung ủy quyền.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền mà không có giấy phép;

b) Cung cấp chương trình, kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng đối với hành vi quy định tại điểm h và điểm i khoản 3; điểm e khoản 4 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ ứng dụng phát thanh, truyền hình trên mạng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định trong giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Thực hiện không đúng quy định trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài khi giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã hết hiệu lực hoặc không thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình nước ngoài khi thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình;

b) Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài khi giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã hết hiệu lực hoặc không thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài khi thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài có thu phí bản quyền nội dung cho các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài;

b) Thực hiện biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình không đúng quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài trong các kênh chương trình nước ngoài;

b) Thực hiện biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không có giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài.

Điều 19. Vi phạm quy định về liên kết trong hoạt động báo chí

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện liên kết sản xuất chương trình, kênh phát thanh, kênh truyền hình, sản phẩm báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử ngoài lĩnh vực cho phép.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện hoạt động liên kết vượt quá 30% tổng số kênh phát thanh, kênh truyền hình được cấp giấy phép sản xuất trong trường hợp liên kết toàn bộ kênh;

b) Liên kết sản xuất các chương trình phát thanh, chương trình truyền hình giải trí, trò chơi truyền hình, truyền hình thực tế có bản quyền, kịch bản chương trình nước ngoài mà không được Việt hóa, không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, kênh thời sự - chính trị tổng hợp với thời lượng vượt quá 30% tổng thời lượng chương trình phát sóng lần thứ nhất của kênh này.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động liên kết đối với chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện liên kết sản xuất chương trình, kênh phát thanh, kênh truyền hình, sản phẩm báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về trang thông tin điện tử tổng hợp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín của cá nhân;

b) Thực hiện không đúng quy định trong giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;

c) Cung cấp đường dẫn đến trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng có nội dung vi phạm pháp luật;

d) Không lưu trữ thông tin tổng hợp tối thiểu 90 ngày kể từ thời điểm được đăng trên trang thông tin điện tử tổng hợp;

đ) Không cung cấp đầy đủ thông tin về tên của tổ chức quản lý trang thông tin điện tử, tên cơ quan chủ quản (nếu có), tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung, địa chỉ, số điện thoại, thư điện tử, số giấy phép còn hiệu lực, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp phép trên chân trang thông tin điện tử tổng hợp;

e) Đăng, phát các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ;

g) Không gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn đã gỡ bỏ nội dung thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Không thực hiện đăng tải nội dung thông tin cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí vi phạm mà trang thông tin điện tử tổng hợp đã trích dẫn thông tin.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không trích dẫn nguyên văn, chính xác nguồn tin chính thức theo quy định;

b) Cung cấp thông tin có nội dung cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan, những chuyện thần bí gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe của cộng đồng;

c) Cung cấp thông tin không phù hợp thuần phong mỹ tục Việt Nam;

d) Cung cấp thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em;

đ) Không có máy chủ tại Việt Nam đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của khách hàng;

e) Không triển khai quy trình quản lý thông tin công cộng hoặc có triển khai nhưng không đáp ứng yêu cầu quản lý.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin có nội dung kích động bạo lực;

b) Cung cấp thông tin miêu tả tỉ mỉ hành vi tội ác, tai nạn rừng rợn, hành động dâm ô, đồi trụy.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia khi đăng, phát hình ảnh bản đồ Việt Nam;

b) Cung cấp thông tin có nội dung sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

c) Cung cấp thông tin có nội dung quy kết tội danh khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

d) Đăng, phát các tác phẩm báo chí, nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, gỡ bỏ, tiêu hủy;

d) Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp ngoài phạm vi tổng hợp thông tin đã được cấp phép.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp khi chưa được cấp phép.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin chống nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Cung cấp thông tin xuyên tạc, bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cung cấp thông tin có nội dung kích động chiến tranh nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Cung cấp thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Cung cấp thông tin gây hấn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Cung cấp thông tin xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Cung cấp thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn

thông tin được trích dẫn đã gỡ bỏ nội dung thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này;

b) Buộc đăng tải nội dung thông tin cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí vi phạm mà trang thông tin điện tử tổng hợp đã trích dẫn thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này;

c) Buộc thu hồi tên miền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động báo chí, hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử tổng hợp

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi địa điểm văn phòng đại diện, trường văn phòng đại diện của cơ quan báo chí;

b) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập, đình chỉ, chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của cơ quan báo chí; không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cử, thay đổi, đình chỉ hoạt động của phóng viên thường trú;

c) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xuất bản phụ trương quảng cáo;

d) Báo cáo, giải trình không đúng nội dung, thời hạn hoặc không chính xác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp có thay đổi chủ sở hữu, thay đổi địa điểm không thông báo hoặc thông báo không đầy đủ bằng văn bản trong thời hạn quy định cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với

hành vi không thực hiện báo cáo, giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN; HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 22. Vi phạm quy định về giấy phép, điều kiện hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Thông tin và Truyền thông khi thay đổi trụ sở làm việc của nhà xuất bản;

b) Không đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam khi giấy phép bị mất, bị hư hỏng;

c) Không thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài khi thay đổi người đứng đầu, tên gọi, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi một trong các nội dung sau đây mà không có giấy phép cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản: Thay đổi cơ quan chủ quản, tên gọi của cơ quan chủ quản nhà xuất bản và tên nhà xuất bản; thay đổi loại hình tổ chức của nhà xuất bản; thay đổi tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu của nhà xuất bản.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập nhà xuất bản;

b) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của nhà xuất bản;

c) Hoạt động văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam nhưng không đủ điều kiện hoặc không đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện khi nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản tại nước ngoài.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam nhưng giấy phép đã hết hạn.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam khi chưa có giấy phép thành lập.

7. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động nhà xuất bản khi chưa được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về quy trình, thủ tục trong hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không ghi đầy đủ thông tin trong quyết định xuất bản theo mẫu quy định;

b) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ biên tập bản thảo và tài liệu có liên quan của xuất bản phẩm;

c) Sử dụng văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả không có đầy đủ thông tin theo mẫu quy định;

d) Ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh để in, phát hành điện tử không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định;

đ) Giao kết hợp đồng in giữa nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh với cơ sở in nhưng không thể hiện số lượng in hoặc thể hiện vượt quá số lượng in xuất bản phẩm so với quyết định xuất bản hoặc giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không ban hành quyết định xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

b) Để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với từng xuất bản phẩm;

c) Thực hiện không đúng nội dung giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh về tên tài liệu, phạm vi phát hành, hình thức phát hành, nơi in đối với từng xuất bản phẩm;

d) Xuất bản xuất bản phẩm không đúng với nội dung xác nhận đăng ký xuất bản về tên xuất bản phẩm, tên tác giả, tên dịch giả (nếu có), thể loại, ngữ xuất bản, đối tác liên kết đối với từng xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều chỉnh tăng giá bán lẻ ghi trên xuất bản phẩm nhưng không được sự đồng ý của giám đốc nhà xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

b) Không có chứng chỉ hành nghề biên tập nhưng đứng tên tổng biên tập, biên tập viên trên xuất bản phẩm đối với từng xuất bản phẩm;

c) Xuất bản xuất bản phẩm không phù hợp với tóm tắt nội dung, chủ đề, đề tài trong xác nhận đăng ký xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

d) Tổ chức hoặc cho phép phát hành xuất bản phẩm nhưng không ban hành quyết định phát hành đối với từng xuất bản phẩm;

đ) Ký quyết định xuất bản không đúng thẩm quyền hoặc không được ủy quyền hợp pháp;

e) Không giao kết hợp đồng in xuất bản phẩm với cơ sở in đối với từng xuất bản phẩm;

g) Giao kết hợp đồng in xuất bản phẩm với cơ sở in không có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất bản xuất bản phẩm nhưng không có xác nhận đăng ký xuất bản hoặc không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh đối với từng xuất bản phẩm;

b) Xuất bản, tái bản xuất bản phẩm không có quyết định xuất bản, tái bản đối với từng xuất bản phẩm;

c) Không tổ chức biên tập bản thảo, không ký duyệt bản thảo trước khi đưa in hoặc phát hành trên phương tiện điện tử đối với từng xuất bản phẩm;

d) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản thảo đã được ký duyệt hoặc bản thảo tài liệu không kinh doanh có dấu của cơ quan cấp giấy phép xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

đ) Không lưu trữ hồ sơ biên tập bản thảo và tài liệu có liên quan của xuất bản phẩm đối với từng xuất bản phẩm;

e) Không thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng xuất bản phẩm;

g) Không thực hiện thẩm định nội dung tác phẩm, tài liệu theo quy định hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng xuất bản phẩm;

h) Xuất bản tác phẩm, tài liệu và tái bản xuất bản phẩm nhưng không có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật đối với từng xuất bản phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, d và h khoản 4 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về nội dung xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật ít nghiêm trọng đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tiết lộ bí mật của tổ chức hoặc cá nhân đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Sai sự thật nghiêm trọng đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dâm ô, đồi trụy, kích động bạo lực, mê tín dị đoan hoặc không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Tiết lộ bí mật nhà nước đối với từng tên xuất bản phẩm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật rất nghiêm trọng đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; phương hại đến lợi ích quốc gia; gây mất đoàn kết dân tộc đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia đối với từng tên xuất bản phẩm bản đồ.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này;

c) Buộc xin lỗi công khai đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về trình bày, minh họa xuất bản phẩm và ghi thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi ghi thông tin không đúng vị trí hoặc ghi không đầy đủ những thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm, trừ trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều này.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ghi sai những thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không ghi “Sách chuyên quảng cáo” trên bìa bốn đối với sách chuyên về quảng cáo đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Sử dụng hình ảnh trẻ em để minh họa trên xuất bản phẩm nhưng không có sự đồng ý của cha, mẹ, người giám hộ theo quy định hiện hành đối với trẻ em dưới 07 tuổi hoặc không có sự đồng ý của trẻ em và của cha, mẹ, người giám hộ theo quy định hiện hành đối với trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng ảnh, hình vẽ, ký hiệu, ký tự để trình bày, minh họa xuất bản phẩm gây phản cảm hoặc không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Sử dụng hình ảnh bản đồ để trình bày, minh họa trên xuất bản phẩm nhưng thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về nộp xuất bản phẩm lưu chiếu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi nộp không đúng thời hạn hoặc không đủ số lượng xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không nộp xuất bản phẩm cho Thư viện quốc gia Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nộp lưu chiếu chưa hết thời hạn 10 ngày nhưng đã phát hành đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lưu chiếu nhưng đã phát hành đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp xuất bản phẩm cho Thư viện quốc gia Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lưu chiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về liên kết trong hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ban hành quyết định xuất bản trước khi ký hợp đồng liên kết xuất bản;

b) Giao kết hợp đồng liên kết không đầy đủ nội dung theo quy định;

c) Không lưu giữ bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của cá nhân trong trường hợp cá nhân đó là đối tác liên kết xuất bản hoặc không lưu giữ bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức trong trường hợp tổ chức là đối tác liên kết xuất bản.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi liên kết biên tập sơ bộ bản thảo nhưng đối tác liên kết không đủ điều kiện đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Liên kết xuất bản, tái bản tác phẩm, tài liệu nhưng không có văn bản hợp pháp chứng minh đã được sự chấp thuận của chủ sở hữu quyền tác giả đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Phát hành xuất bản phẩm liên kết trước khi có quyết định phát hành đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Liên kết xuất bản xuất bản phẩm nhưng không có hợp đồng liên kết bằng văn bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Thực hiện không đúng nội dung bản thảo đã được tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký duyệt để in hoặc phát hành trên phương tiện điện tử đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Liên kết biên tập sơ bộ bản thảo đối với tác phẩm, tài liệu không được liên kết biên tập sơ bộ đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có yêu cầu của giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng tên xuất bản phẩm.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 đến 02 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về hoạt động in xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cập nhật không đầy đủ thông tin về việc nhận chế bản, in, gia công sau in vào “Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in” theo mẫu quy định;

b) Lưu giữ không đầy đủ hồ sơ nhận in xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In xuất bản phẩm nhưng không có hợp đồng in được giao kết giữa nhà xuất bản và cơ sở in đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không lập “Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in”;

c) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm khi có thay đổi về người đứng đầu cơ sở in.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In xuất bản phẩm không đúng nội dung bản thảo đã được tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm hoặc không đúng nội dung bản thảo tài liệu không kinh doanh đã được cấp giấy phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Thực hiện chế bản hoặc gia công sau in xuất bản phẩm nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in;

c) Không lưu giữ hồ sơ nhận in xuất bản phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Nhận in xuất bản phẩm nhưng bản thảo để in không được ký duyệt đầy đủ theo quy định đối với từng tên xuất bản phẩm;

đ) In dưới 1.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có giấy phép xuất bản và không có bản thảo được cấp phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

e) Sử dụng giấy phép hoạt động in chưa được cấp đổi theo quy định để thực hiện chế bản, in, gia công sau in.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In xuất bản phẩm nhưng cơ sở in không duy trì đủ điều kiện hoạt động sau khi được cấp giấy phép hoạt động in;

b) In dưới 1.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) In từ 1.000 đến dưới 2.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có giấy phép xuất bản và không có bản thảo được cấp phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In từ 1.000 đến dưới 2.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) In gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng không có giấy phép in gia công xuất bản phẩm theo quy định đối với từng tên xuất bản phẩm.

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng máy photocopy và các thiết bị in để nhân bản xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép;

b) In dưới 1.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản và không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) In xuất bản phẩm nhưng không có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

7. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In từ 1.000 đến dưới 2.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản và không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) In xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng dưới 500 bản hoặc thành phẩm, bán thành phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động in từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động in từ 04 đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy sản phẩm in đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 4; khoản 5; điểm a và điểm b khoản 6; khoản 7 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.

Điều 29. Vi phạm về tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng dưới 50 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Bán xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng dưới 50 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản khi thay đổi loại hình tổ chức hoặc thay đổi người đứng đầu cơ sở phát hành hoặc thay đổi địa điểm trụ sở chính, địa điểm chi nhánh, địa điểm kinh doanh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Không làm thủ tục đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm khi di chuyển trụ sở chính hoặc chi nhánh sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương; thành lập hoặc giải thể chi nhánh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính; thành lập hoặc giải thể chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi không đặt trụ sở chính;

d) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm hoặc không bảo đảm đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở phát hành;

c) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu trái phép có số lượng dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 300 bản đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Không thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm;

đ) Không kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm trước khi trưng bày, giới thiệu, phát hành tại triển lãm, hội chợ;

e) Đưa vào triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp đối với từng tên xuất bản phẩm;

g) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 300 bản đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 500 bản trở lên đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng từ 100 đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu trái phép có số lượng từ 100 đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam nhưng không được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép;

đ) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 500 bản trở lên đối với từng tên xuất bản phẩm.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu trái phép có số lượng từ 300 đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng từ 300 đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm hoặc đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm c khoản 1; điểm a và điểm d khoản 2; điểm a và điểm c khoản 3; các điểm a, b, c, e và g khoản 4; các điểm a, b, c và d khoản 5; khoản 6 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm a và b khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3; các điểm a, b và c khoản 4; các điểm a, b và c khoản 5; khoản 6 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng;

b) Không ban hành quy chế nội bộ về thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu hoặc không gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy chế nội bộ về thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu đã ban hành;

c) Thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát hành nhưng không đảm bảo đủ trình tự, thủ tục thẩm định theo quy định;

d) Không báo cáo kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh nhưng không có giấy phép nhập khẩu, trừ trường hợp không phải cấp giấy phép;

b) Không tái xuất sau khi sử dụng đối với xuất bản phẩm nhập khẩu là tài liệu phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức hoặc là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để sử dụng riêng;

c) Không thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh trước khi phát hành đối với từng xuất bản phẩm;

d) Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký nhập khẩu đối với từng xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm nhưng không đủ điều kiện hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;

b) Bán xuất bản phẩm nhập khẩu thuộc loại không kinh doanh đối với từng xuất bản phẩm;

c) Phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu khi chưa có sự đồng ý của cơ quan yêu cầu thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu đối với từng xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm nhưng không có giấy phép;

b) Xuất khẩu xuất bản phẩm được xuất bản, in trái phép; xuất bản phẩm có quyết định đình chỉ in, đình chỉ phát hành, cấm lưu hành, tịch thu, thu hồi, tiêu hủy, xuất bản phẩm có nội dung bị cấm trong hoạt động xuất bản.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;
- b) Buộc tái xuất xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này;
- c) Buộc tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;
- d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 3; điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động xuất bản điện tử và phát hành xuất bản phẩm điện tử

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Xuất bản điện tử hoặc phát hành xuất bản phẩm điện tử nhưng không đảm bảo đủ năng lực về thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản điện tử;
- b) Không có biện pháp kỹ thuật theo quy định để ngăn chặn sao chép, can thiệp trái pháp luật vào nội dung xuất bản phẩm điện tử;

c) Xuất bản điện tử hoặc phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet không có tên miền Internet Việt Nam;

d) Phát hành xuất bản phẩm điện tử nhưng không có văn bản hợp pháp chứng minh đã được tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả chấp thuận đối với từng tên xuất bản phẩm;

đ) Không thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc loại bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Phát hành xuất bản phẩm điện tử không đúng nội dung bản thảo hoàn chỉnh đã được duyệt hoặc cấp giấy phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử kèm ứng dụng kỹ thuật, công nghệ gây mất an toàn, an ninh thông tin đối với phương tiện điện tử;

b) Bổ sung thông tin mà người sử dụng xuất bản phẩm điện tử không yêu cầu, trừ các thông tin được phép theo quy định của pháp luật hoặc có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

c) Can thiệp trái phép vào nội dung, hình thức của xuất bản phẩm điện tử để làm sai lệch nội dung hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Không chấp hành yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc dừng xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử hoặc loại bỏ, ngăn chặn người sử dụng tiếp cận một phần nội dung hoặc toàn bộ xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật;

đ) Phát hành xuất bản phẩm điện tử nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành trên phương tiện điện tử xuất bản phẩm đã có quyết định đình chỉ phát hành, thu hồi, cấm lưu hành, tiêu hủy đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Thực hiện xuất bản điện tử nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động bằng văn bản.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động phát hành điện tử từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc gỡ bỏ xuất bản phẩm điện tử đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 1; các điểm b, d và đ khoản 2; khoản 3 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ thông tin, báo cáo trong hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kê khai, đăng ký, báo cáo, giải trình không đúng nội dung, thời hạn hoặc không chính xác theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định;

b) Không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền danh mục tên xuất bản phẩm đã được cấp số xác nhận đăng ký xuất bản nhưng không thực hiện xuất bản.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung bị cấm trong hoạt động xuất bản;

b) Không báo cáo, giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông

Thanh tra chuyên ngành và cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này, cụ thể theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 1.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng đoàn thanh tra Thông tin và Truyền thông cấp Sở, Trưởng đoàn thanh tra của Cục Báo chí, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục Xuất bản, In và Phát hành có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 100.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra cấp Bộ Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 140.000.000 đồng;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 34. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra ngoại giao

Chánh Thanh tra Bộ Ngoại giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2; các điểm c, e, và g khoản 3 Điều 5; điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này và phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cụ thể như sau:

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền đến 200.000.000 đồng.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính.

Điều 35. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng

Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a và b khoản 1, điểm a và c khoản 2 Điều 6; điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 13; Điều 15; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, các điểm a, b và c khoản 4, các điểm a, b và c khoản 5 và khoản 6 Điều 29; các điểm a và d khoản 2, khoản 4 Điều 30 Nghị định này và phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cụ thể như sau:

1. Trạm trưởng, Đội trưởng biên phòng có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

2. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

- a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 36. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a và b khoản 1, điểm a và c khoản 2 Điều 6; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13; Điều 15; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, các điểm a, b, c và g khoản 4, các điểm a, b, c và đ khoản 5 và khoản 6 Điều 29; các điểm a và d khoản 2, khoản 4 Điều 30 Nghị định này và phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cụ thể như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 3.000.000 đồng.
2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 10.000.000 đồng.
3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
 - b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
 - b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
 - c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 37. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan

Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 15; điểm a, b và d khoản 2, khoản 4 Điều 30; điểm e khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định này và phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cụ thể như sau:

1. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.
2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng

Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
 - b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
 - c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
3. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:
- a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
 - b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường

Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 13; Điều 28; Điều 29; khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 30; Điều 31 Nghị định này và phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cụ thể như sau:

1. Đội trưởng Đội quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Tổng Cục trưởng Tổng cục quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 39. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6; Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9; Điều 11; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 13; Điều 15; Điều 16; các điểm a, c, e và g khoản 1, các điểm b, c, d và đ khoản 2, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 20;

khoản 3 Điều 21; Chương III Nghị định này, cụ thể theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Công an nhân dân. Cụ thể như sau:

1. Trạm trưởng, Đội trưởng Công an nhân dân có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng.
2. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
3. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
 - d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, e, g, h, i, k, l, n, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:
 - a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
 - b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
5. Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế có quyền:
 - a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
 - b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này, cụ thể theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 3 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p và q khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 triệu đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Các chức danh nêu tại các Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 và 40 Nghị định này và công chức, viên chức đang thi hành công vụ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2020.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 43 Nghị định này.

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

Hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong hoạt động in sản phẩm không phải xuất bản phẩm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, điểm b và điểm đ khoản 2, điểm b khoản 3, điểm a và điểm c khoản 4, điểm a khoản 5, khoản 6 (đối với điểm d, chỉ áp dụng đối với hành vi in nhãn hàng hóa, bao bì nhưng không có bản mẫu được cơ sở sản xuất đứng tên đặt in xác nhận), các khoản 8, 9 và 10 Điều 24; Điều 26 của Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản tiếp tục áp dụng cho đến khi có quy định mới thay thế.

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phúc

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Số: 1418/QĐ-BTTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**VỀ VIỆC BAN HÀNH TIÊU CHÍ NHẬN DIỆN “BÁO HÓA” TẠP CHÍ,
“BÁO HÓA” TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP, “BÁO HÓA”
MẠNG XÃ HỘI VÀ BIỂU HIỆN “TƯ NHÂN HÓA” BÁO CHÍ**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Kế hoạch số 156-KH/BTGTW ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, chấn chỉnh hoạt động báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội trong giai đoạn hiện nay;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2766/VPCP-KGVX ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng tiêu chí phân biệt báo, tạp chí điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Ban Tuyên giáo Trung ương tại văn bản số 3410-CV/BTGTW ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Hội Nhà báo Việt Nam tại văn bản số 176/CV-HNBNV ngày 15 tháng 7 năm 2022;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Báo chí và Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí nhận diện “báo hóa tạp chí”, “báo hóa” trang thông tin điện tử, “báo hóa” mạng xã hội và biểu hiện “tư nhân hóa” báo chí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng cục Báo chí, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Sở TTTT các tỉnh, TP. trực thuộc TW;
- Các cơ quan chủ quản báo chí;
- Các cơ quan báo chí;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, CBC, Cục PTTH&TTĐT, NT (300).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Anh Tuấn

TIÊU CHÍ NHẬN DIỆN “BÁO HÓA” TẠP CHÍ, “BÁO HÓA” TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP, “BÁO HÓA” MẠNG XÃ HỘI

VÀ BIỂU HIỆN “TƯ NHÂN HÓA” BÁO CHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1418/QĐ-BTTTT ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. MỤC ĐÍCH:

Luật Báo chí, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các văn bản quy phạm pháp luật đã phân định chức năng của báo, tạp chí, trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội.

Tuy nhiên, thời gian qua xuất hiện tình trạng nhiều cơ quan tạp chí có xu hướng tác nghiệp, xuất bản tin tức theo hướng gây hiểu nhầm là báo.

Một số trang thông tin điện tử tổng hợp có hình thức trình bày, dẫn nguồn, thậm chí, cử nhân viên đi tác nghiệp, tự sản xuất tin, bài gây hiểu lầm là báo điện tử.

Một số trang mạng xã hội có hình thức trình bày, đưa nội dung thông tin với danh nghĩa người dùng mạng xã hội nhưng thực chất được sản xuất, sao chép như tác phẩm báo chí gây hiểu lầm là báo điện tử.

Một số cơ quan báo chí trong quá trình liên kết đã giao chuyên trang, chuyên mục, chương trình, kênh chương trình cho văn phòng đại diện, nhóm phóng viên hoặc đối tác hợp tác chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động, thực hiện liên doanh, liên kết theo hướng người đứng đầu, lãnh đạo cơ quan báo chí không thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm, buông lỏng quản lý, ủy quyền, chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền quản lý, điều hành, kiểm soát nội dung liên kết trên thực tế cho đối tác để đối tác lấy lợi ích.

Tất cả thực trạng trên dẫn tới tình trạng “báo hóa” tạp chí, “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo hóa” mạng xã hội và biểu hiện “tư nhân hóa” báo chí.

Bộ Tiêu chí nhận diện “báo hóa” tạp chí, “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo hóa” mạng xã hội và biểu hiện “tư nhân hóa” báo chí giúp cơ quan chỉ đạo báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí ở Trung ương và địa phương, cơ quan chủ quản, các cơ quan báo chí và các tổ chức, cá nhân nhận diện, giám sát, khắc phục, chấn chỉnh, xử lý những dấu hiệu lệch hướng nhằm tạo ra môi trường lành mạnh, tạo ra cơ chế, chính sách hỗ trợ báo chí, truyền thông theo kịp sự phát triển của truyền thông hiện đại.

II. NHẬN DIỆN “BÁO HÓA” TẠP CHÍ:

Thể hiện gây hiểu nhầm là báo, chủ yếu diễn ra trên môi trường điện tử.

1. Về hình thức:

- Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm, mẫu trình bày giao diện trang chủ không ghi hoặc ghi “tạp chí” rất nhỏ gây khó khăn trong việc nhận biết hoặc gây hiểu nhầm cho bạn đọc.

- Chuyên trang nhưng mẫu trình bày giao diện trang chủ không ghi “chuyên trang”, không ghi thuộc tạp chí hoặc chỉ ghi tên cơ quan chủ quản gây hiểu nhầm là cơ quan báo chí độc lập trực thuộc trực tiếp cơ quan chủ quản.

- Tên các chuyên mục không thể hiện tính chất chuyên sâu, chuyên ngành mà sử dụng các từ ngữ có nội hàm rộng mang tính chất loại hình báo, cụ thể như: Bản tin hằng ngày, bản tin, bản tin truyền hình, tin nóng, tin hot, đời sống...

- Thiết lập tài khoản, trang, kênh trên các nền tảng mạng xã hội với tên gọi là báo, truyền hình để gây hiểu nhầm.

2. Về nội dung:

- Không thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép. Phản ánh vấn đề, nội dung không thuộc lĩnh vực tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép (VD: Tạp chí thuộc lĩnh vực môi trường phản

ánh về đấu thầu trong lĩnh vực giáo dục, tạp chí thuộc lĩnh vực sức khỏe, y tế phản ánh về trật tự xây dựng).

- Tạp chí khoa học nhưng có tỷ lệ thông tin phản ánh sự kiện, vụ việc sự vụ nhiều hơn, chênh lệch so với thông tin khoa học, lý luận, thông tin chuyên ngành.

3. Về hoạt động tác nghiệp:

- Tạp chí chuyên ngành, tạp chí khoa học nhưng cử phóng viên, nhà báo tác nghiệp hoặc yêu cầu cung cấp thông tin ngoài phạm vi tôn chỉ, mục đích thể hiện như: Điều tra theo đơn thư bạn đọc không phù hợp với chức năng, tôn chỉ, mục đích; tập trung khai thác những vụ việc nhằm mục đích ép ký hợp đồng tuyên truyền, quảng cáo để trục lợi.

- Cấp giấy giới thiệu không ghi cụ thể nơi đến làm việc; yêu cầu cung cấp toàn bộ hồ sơ, tài liệu như cơ quan thanh tra, điều tra; gây sức ép bằng cách liên tục điện thoại, nhắn tin gây phiền hà.

- Tác nghiệp thành nhóm không liên hệ trước; chỉ 01 phóng viên liên hệ nhưng khi đến làm việc là cả nhóm phóng viên thuộc nhiều tạp chí.

4. Về cơ cấu, tổ chức:

- Tạp chí khoa học, tạp chí chuyên ngành mở nhiều văn phòng đại diện, có nhiều phóng viên thường trú, cộng tác viên không tương xứng với quy mô hoạt động.

- Tạp chí sử dụng số lượng nhân sự không tương xứng quy mô hoạt động, tính chất của tạp chí chuyên ngành, tạp chí khoa học.

III. NHẬN DIỆN “BÁO HÓA” TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP, “BÁO HÓA” MẠNG XÃ HỘI:

1. Về hình thức:

Trình bày thể hiện gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí.

- Tên miền sử dụng từ ngữ gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí như: Báo, Tạp chí, Tin, Tin tức, News, Times, Online, Daily...

- Cách trình bày giao diện trang thông tin điện tử tổng hợp không ghi rõ là trang thông tin điện tử, mạng xã hội, chỉ ghi là cơ quan, tiếng nói, diễn đàn...

- Giao diện trang thông tin điện tử tổng hợp trình bày, thể hiện gần giống như nhận diện của sản phẩm báo chí (màu sắc, vị trí tên gọi...).

- Bố trí giao diện trang chủ của mạng xã hội thành các chuyên mục: Chính trị, xã hội, đời sống, văn hóa, giải trí... và đăng tải, tổng hợp các bài báo, hiển thị nội dung bài viết, tiêu đề, nội dung, chú thích ảnh, video-clip... như một tờ báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp.

- Giao diện trang thông tin điện tử tổng hợp ghi thông tin: Tòa soạn, Văn phòng đại diện, Ban phóng viên... như cơ quan báo chí, mục “Người trách nhiệm nội dung” ghi họ tên kèm thêm từ “nhà báo”, “phóng viên”.

2. Về nội dung:

- Tổng hợp tin bài từ các cơ quan báo chí theo ý đồ riêng, nghiêng về các thông tin tiêu cực, giật gân; tự tổng hợp tin tức từ các cơ quan báo chí thành bài viết và ghi thông tin Tổng hợp (PV).

- Mạng xã hội không có người dùng tương tác, chia sẻ thông tin; đăng bài viết của thành viên quản trị với cách viết gây hiểu nhầm là các bài báo.

3. Về kỹ thuật:

- Tự sản xuất tin bài như báo chí rồi chuyển cho cơ quan báo chí phát hành trên mạng, sau đó trang thông tin điện tử tổng hợp đăng tải lại ngay để hợp thức hóa nguồn tin.

- Tin bài đăng trên trang thông tin điện tử trước khi đăng trên sản phẩm báo chí ghi là nguồn tin, bài.

- Mạng xã hội tự sản xuất tin bài như cơ quan báo chí nhưng đăng dưới dạng người dùng đăng tải (một trang không quá 20 tài khoản đăng tải).

4. Về hoạt động:

- Cử nhân viên tới cơ quan, đơn vị để thu thập tin tức, tài liệu để viết bài, sản xuất sản phẩm truyền thông như phóng viên, nhà báo tác nghiệp.

5. Về nhân sự:

- Người chịu trách nhiệm nội dung, nhân sự trang thông tin điện tử tổng hợp đồng thời là phóng viên, biên tập viên của cơ quan báo chí.

- Trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội có số lượng nhân sự lớn, ký hợp đồng làm phóng viên.

IV. BIỂU HIỆN “TỰ NHÂN HÓA” TRONG HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT BÁO CHÍ

Cơ quan báo chí giao chuyên trang, chuyên mục, chương trình, kênh chương trình cho văn phòng đại diện, nhóm phóng viên hoặc đối tác hợp tác chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động, thực hiện liên doanh liên kết theo hướng người đứng đầu cơ quan báo chí buông lỏng quản lý, ủy quyền, chuyển giao quyền quản lý, điều hành, quyết định một phần hoặc toàn bộ nội dung chuyên trang, chuyên mục, chương trình, kênh chương trình liên kết trên thực tế cho đối tác để đối tác lấy lợi ích.

1. Đối với báo, tạp chí điện tử:

- Đơn vị liên kết có dấu hiệu được can thiệp vào hệ thống máy chủ để đăng, sửa, gỡ tin, bài.

- Hoạt động liên kết tạo lợi ích kinh tế, thương hiệu, ảnh hưởng cho phía đối tác liên kết chênh lệch nhiều hơn so với lợi ích, sự ảnh hưởng của cơ quan báo chí.

- Đối tác liên kết sử dụng cơ quan báo chí để “rửa nguồn”, “cấy nguồn” cho những tin, bài tự sản xuất để đăng tải; tin bài đăng lại của cơ quan báo chí nhưng sử dụng hình ảnh đóng dấu nhận diện thương hiệu của đối tác liên kết.

- Cơ quan báo chí cấp giấy giới thiệu cho nhân sự của đối tác liên kết để tác nghiệp báo chí.

- Nội dung tin, bài đăng tải trên các sản phẩm của cơ quan báo chí theo chủ đề, đề tài phục vụ lĩnh vực, tiêu chí của đối tác liên kết, mất cân đối về tỷ lệ thông tin, không đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí.

2. Đối với phát thanh, truyền hình:

- Doanh nghiệp truyền thông, quảng bá chương trình, kênh chương trình liên kết với đài phát thanh, đài truyền hình ngay trong chương trình, kênh chương trình và trên các phương tiện truyền thông tạo nhận thức cho khán, thính giả đây là sản phẩm báo chí của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đăng tải các chương trình tin tức, truyền hình do doanh nghiệp tự sản xuất trên mạng xã hội nước ngoài./.

**ĐẢNG ỦY KHỐI
DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Số 1672-CV/ĐUK

V/v thực hiện Quy định số 85-QĐ/TW
và Hướng dẫn số 99-HD/BTGTW

Kính gửi: - Các đảng ủy trực thuộc,
- Các ban, đơn vị Đảng ủy Khối

Thực hiện Hướng dẫn số 99-HD/BTGTW, ngày 20/3/2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định số 85 - QĐ/TW, ngày 07/10/2022 của Ban Bí thư về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet, mạng xã hội, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương đề nghị các đảng ủy trực thuộc, các ban, đơn vị Đảng ủy Khối chỉ đạo thực hiện những nội dung sau

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định số 85-QĐ/TW, Hướng dẫn số 99-HD/BTGTW đến các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ (các văn bản đã được sao lục, gửi các đảng ủy trực thuộc, các ban, đơn vị Đảng ủy Khối).

2. Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong công tác quản lý các thông tin liên quan đến việc thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet, mạng xã hội của cán bộ, đảng viên phù hợp với các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, góp phần bảo vệ chính trị nội bộ, phát hiện, giảm thiểu những tác động, ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường không gian mạng; chủ động phòng ngừa, nâng cao năng lực, ý thức, trách nhiệm của đảng viên khi tham gia các hoạt động trên không gian mạng.

3. Phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong việc thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet, mạng xã hội nhằm tuyên truyền, lan tỏa thông tin có nguồn gốc chính thống, tích cực, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch; không tham gia bình

luận tiêu cực tại các trang mà cá nhân đảng viên tương tác; không cho, cho mượn, cho thuê, thể chấp trang thông tin điện tử cá nhân hoặc nhận từ cá nhân khác đe thực hiện hành vi trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên khi thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet, mạng xã hội phải khai báo thông tin chính danh, ưu tiên sử dụng tên miền quốc gia “.vn” và tên miền tiếng Việt, hủy bỏ các trang thông tin điện tử cá nhân khi không còn sử dụng và báo cáo các thông tin liên quan đến trang thông tin cá nhân khi cấp ủy hoặc cơ quan chức năng yêu cầu.

Quy định số 85-QĐ/TW và Hướng dẫn số 99-HD/BTGTW kèm theo các phụ lục chi tiết, cụ thể, các cấp ủy chú ý thực hiện nghiêm túc, đầy đủ; quản lý văn bản, tài liệu mật theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có tình huống đột xuất phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cấp ủy báo cáo kịp thời về Đảng ủy Khối (qua Ban Tuyên giáo) để thống nhất phương án giải quyết./.

Nơi nhận:

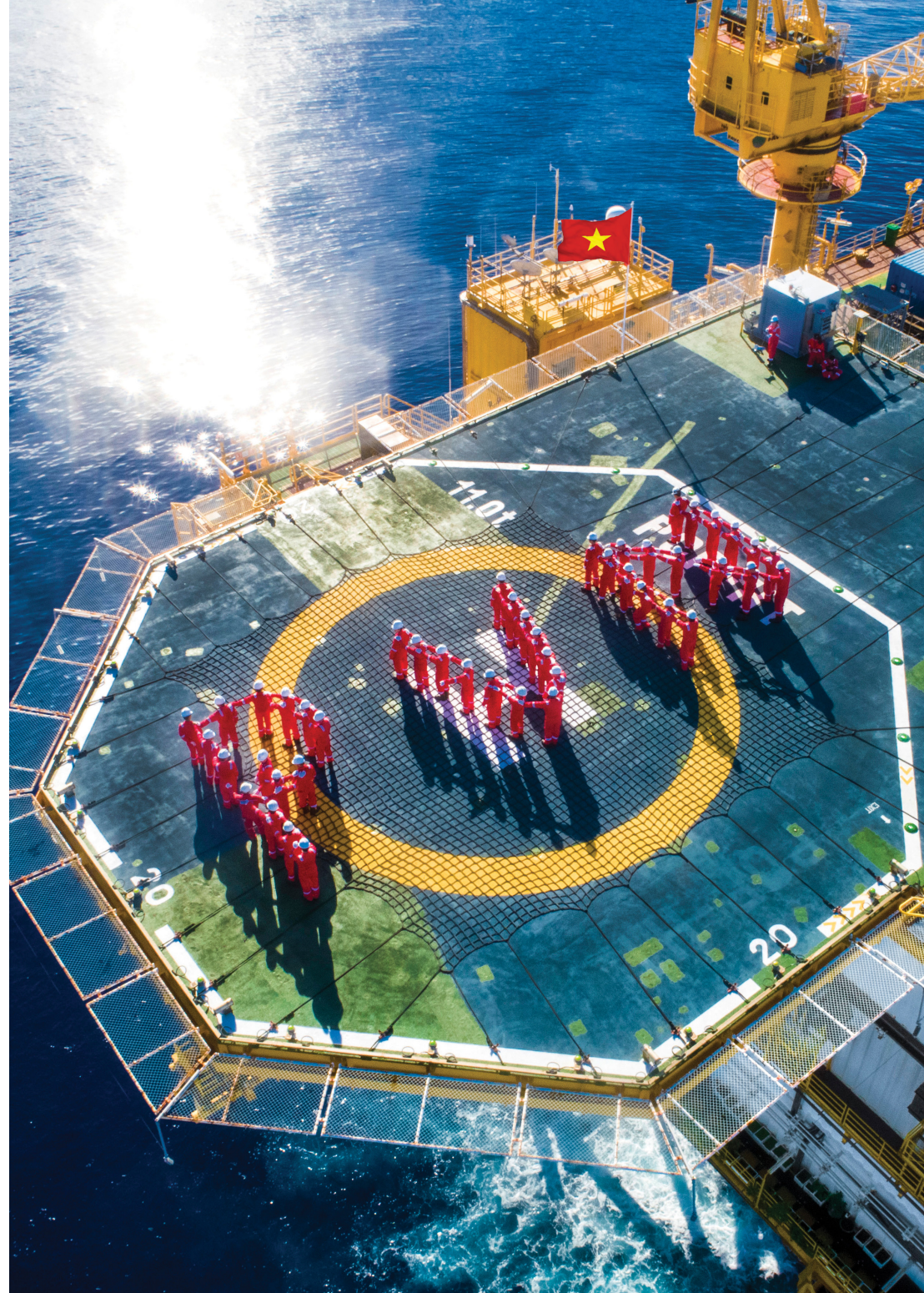
- Như trên,
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c),
- VP Ban Chỉ đạo 35 Trung ương,
- Thường trực Đảng ủy Khối,
- Ban Chỉ đạo 35 Đảng ủy Khối,
- Lưu VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ

(Đã ký)

Lê Văn Châu



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3279 /QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2021

BIỂN ĐÔNG TUNG BAY QUỐC KỲ

Nhạc và lời: Trương Quý Hải

V. Xuyên 2/1/2021

Trương Quý Hải

QUYẾT ĐỊNH

V/V PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ
VẬN HÀNH CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 6825/QĐ-DKVN ngày 29/11/2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp tại Công văn số 365/TT&VHDN ngày 02/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. “Quy định quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định này thay thế Quy định quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 6847/QĐ-DKVN ngày 02/12/2019 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV PVN (e-copy, để b/c);
- Ban TGD PVN (e-copy);
- Ban TT&VHDN (e-copy, để t/h);
- Các Ban/VP của PVN (e-copy, để p/h);
- Các tổ chức: Đảng bộ TĐ; Công đoàn DKVN; Đoàn TĐ; Hội CCB TĐ; Hội DKVN; Hội DN trẻ DK; CLB GD DK; Ban LLHT TĐ;
- Ban biên tập, Tổ thư ký (e-copy, để t/h);
- Lưu: VT, TT&VHDN (ĐMC-6151).

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Mạnh Hùng

QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3279 /QĐ-DKVN ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

1. Quản trị, vận hành có hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nhằm cung cấp thông tin, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật.

2. Xác định rõ cơ cấu tổ chức và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phù hợp với Bộ máy điều hành Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau tái cơ cấu.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ/cụm từ ngữ:

- “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” (gọi tắt là Tập đoàn) là nhóm công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, không có tư cách pháp nhân, được gắn bó chặt chẽ và lâu dài với

nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, bao gồm: (i) Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là PVN); (ii) Các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn; (iii) Các doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.

- “Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” (gọi tắt là PVN) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ (doanh nghiệp cấp I).

- “Lãnh đạo PVN” là người giữ chức danh, chức vụ tại công ty mẹ gồm: Chủ tịch Hội đồng Thành viên PVN, Thành viên Hội đồng Thành viên PVN, Tổng Giám đốc PVN, Phó Tổng Giám đốc PVN.

- “Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” (gọi tắt là Cổng thông tin điện tử PVN) gồm: trang thông tin điện tử trên Internet của PVN (tiếng Việt và tiếng Anh), trang thông tin điện tử nội bộ PVN, Chuyên trang thông tin điện tử PVN.

- “Trang thông tin điện tử trên Internet của PVN” (sau đây gọi là Website), gồm Website tiếng Việt và Website tiếng Anh được cấp phép hoạt động theo Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên internet số 176/GP-TTĐT ngày 11/9/2019 do Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp và các giấy phép sửa đổi, bổ sung của Giấy phép này hoặc thay thế Giấy phép này.

- “Trang thông tin điện tử nội bộ PVN” (sau đây gọi là Intranet) được vận hành trên mạng nội bộ Intranet của PVN.

- “Chuyên trang thông tin điện tử” là tên gọi của các trang thông tin điện tử và/hoặc các ứng dụng sử dụng tên miền thuộc PVN (.pvn.vn).

- Nguồn thông tin: Báo chí; cộng tác viên, đơn vị thuộc Tập đoàn (chủ động cung cấp tin, bài, hình ảnh và/hoặc được đặt viết tin, bài, hình ảnh).

- “Bài”: là những dạng bài thông tin, phản ánh, đáp ứng các tiêu chí cơ bản của một tác phẩm báo chí, thường được dùng để thông tin, phản ánh về những vấn đề, sự kiện, nhân vật, hoàn cảnh, tình

huống, người tốt, việc tốt... ở cấp độ trung bình, vừa phải (trên 1000 chữ).

- “Tin”: là thể loại báo chí cơ bản, ngắn gọn nhất, kịp thời nhất, phản ánh những sự kiện mới xảy ra, đang xảy ra, sắp xảy ra, có tầm quan trọng đối với xã hội (dưới 1000 chữ).

2. Các từ viết tắt:

- BBT: Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử PVN.

- TTK: Tổ Thư ký Cổng thông tin điện tử PVN.

- Ban/Văn phòng: là Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ máy giúp việc của PVN.

- Tổ chức: Là các tập thể gồm: Đảng bộ Tập đoàn; Công đoàn Dầu khí Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Tập đoàn; Hội Cựu chiến binh Tập đoàn; Hội Dầu khí Việt Nam; Hội Doanh nhân trẻ Dầu khí; Câu lạc bộ Giám đốc Dầu khí; Ban liên lạc Hưu trí Tập đoàn.

3. Các từ ngữ khác không được giải thích trong Quy định này được hiểu như giải thích trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 5. Cấu trúc Cổng thông tin điện tử PVN

1. Cổng thông tin điện tử PVN bao gồm Website, Intranet và các Chuyên trang thông tin điện tử khác của PVN.

a. Website:

- Gồm hai phiên bản: tiếng Việt và tiếng Anh.

- Có các địa chỉ: www.pvn.vn; www.pvn.com.vn;

www.petrovietnam.vn và www.petrovietnam.com.vn.

- Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, sản phẩm và phản ánh các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; Tổng hợp nội dung thông tin về đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực năng lượng, dầu khí và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội; Phản ánh các hoạt động của ngành Dầu khí Việt Nam và thế giới trên cơ sở dẫn lại các nguồn thông tin phù hợp với quy định của pháp luật.

- Là kênh thông tin chính thức để các đối tác, nhà đầu tư, nhà thầu trong và ngoài nước tìm hiểu thông tin và cơ hội hợp tác với Tập đoàn; là địa chỉ để các cá nhân, tổ chức quan tâm tìm hiểu các thông tin về ngành Dầu khí.

b. Intranet:

- Có địa chỉ là <http://intranet.pvn.vn>.
- Giới thiệu thông tin nội bộ PVN; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và các hoạt động liên quan đến Tập đoàn.

Tạo môi trường để cán bộ nhân viên bộ máy điều hành PVN tìm hiểu và chia sẻ thông tin liên quan đến lĩnh vực dầu khí, các mặt hoạt động của Tập đoàn và các thông tin được công chúng quan tâm.

c. Các Chuyên trang thông tin điện tử (Chuyên trang):

- Có địa chỉ sử dụng một trong những tên miền thuộc về Tập đoàn (.pvn.vn).
- Giới thiệu và chia sẻ thông tin liên quan đến các nội dung về các lĩnh vực chuyên môn cụ thể trong hoạt động của Tập đoàn.

2. Nội dung thông tin trên Cổng thông tin điện tử PVN được cập nhật thường xuyên và định kỳ theo nguyên tắc:

a. Trung thực, chính xác, khách quan, kịp thời phục vụ mọi mặt hoạt động của Tập đoàn.

b. Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; tuân thủ Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật bảo vệ bí mật Nhà nước, Luật Công nghệ thông tin, quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, quản lý thông tin trên internet, các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy định của PVN.

CHƯƠNG II QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH

Điều 6. Bộ phận quản lý, vận hành

1. Bộ phận quản lý, vận hành gồm:

a. BBT do Tổng Giám đốc PVN quyết định thành lập. BBT gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên.

b. TTK là bộ phận thường trực giúp việc cho BBT trong việc quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử PVN do Tổng Giám đốc PVN quyết định thành lập. TTK gồm Tổ trưởng và các Tổ viên.

c. Bộ phận kỹ thuật đảm bảo hoạt động công nghệ thông tin, vận hành kỹ thuật cho Cổng thông tin điện tử PVN; là đơn vị được PVN ký hợp đồng dịch vụ, thực hiện thông qua các cam kết trong hợp đồng dịch vụ.

2. Trong quá trình hoạt động để phù hợp với yêu cầu thực tế, cơ cấu tổ chức và thành phần của BBT, TTK sẽ được Tổng Giám đốc PVN xem xét quyết định điều chỉnh trên cơ sở đề xuất của Trưởng Ban Biên tập.

Điều 7. Nhiệm vụ và chế độ hoạt động của BBT

1. BBT thực hiện nhiệm vụ sau và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc PVN:

a. Chỉ đạo, tổ chức công tác quản lý, vận hành, duy trì và phát triển các hoạt động của Cổng thông tin điện tử PVN.

b. Phát triển nội dung, hình thức và công nghệ của Cổng thông tin điện tử PVN nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, thường xuyên đổi mới để phù hợp với thông lệ quốc tế và nêu bật được hình ảnh đặc trưng của Tập đoàn.

2. BBT hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc PVN.

BBT họp định kỳ 06 tháng 01 lần do Trưởng Ban triệu tập để tổng hợp, báo cáo, nhận xét, kiến nghị về hoạt động của Cổng thông tin điện tử PVN với nội dung chính bao gồm:

- Đánh giá chung về hiện trạng.

- Tổng hợp các ý kiến chỉ đạo của BBT và tình hình thực hiện nhiệm vụ của TTK.

- Tổng hợp tin, bài, ảnh được đăng trong kỳ.
- Kế hoạch quản lý và vận hành trong kỳ tiếp theo.
- Các đề xuất, kiến nghị.

Trong trường hợp đặc biệt, BBT có thể họp bất thường theo yêu cầu của Tổng Giám đốc PVN hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Biên tập

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến hoạt động của Cổng thông tin điện tử PVN; tổ chức quản lý, vận hành hoạt động của Cổng thông tin điện tử PVN nhằm đảm bảo đúng các nội dung theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Quyết định chương trình, kế hoạch cung cấp thông tin.

3. Đề xuất và trình Tổng Giám đốc PVN phê duyệt việc thay đổi cấu trúc, nội dung hệ thống của Cổng thông tin điện tử PVN.

4. Phê duyệt hoặc ủy quyền cho Phó Trưởng BBT hoặc Ủy viên BBT phê duyệt cho phép đăng tải và cập nhật nội dung thông tin loại A theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

5. Ký kết các văn bản hợp tác liên quan đến việc cung cấp nội dung thông tin cho Cổng thông tin điện tử PVN sau khi được sự chấp thuận của Tổng Giám đốc PVN.

6. Quản lý, giám sát tình hình bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu được cập nhật lên Cổng thông tin điện tử PVN.

7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được Tổng Giám đốc PVN giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng BBT

1. Giúp Trưởng BBT thực hiện các nhiệm vụ của BBT.

2. Điều hành hoạt động của BBT theo ủy quyền của Trưởng BBT.

3. Quản lý, giám sát tình hình bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu được cập nhật lên Cổng thông tin điện tử PVN theo nhiệm vụ được phân công.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên BBT

1. Ủy viên BBT có trách nhiệm đề xuất và giúp cho Trưởng BBT định hướng, phân loại, cập nhật nội dung thông tin đăng tải trên các chuyên mục, định hướng phát triển công tác vận hành Cổng thông tin điện tử PVN.

2. Cung cấp và theo dõi, giám sát bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử PVN và chỉ đạo TTK chỉnh sửa nội dung để đảm bảo các nội dung thông tin trong từng lĩnh vực được cung cấp chính xác và cập nhật thường xuyên.

3. Các thành viên BBT có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát, cập nhật, chỉnh lý kịp thời nội dung thông tin trên Cổng thông tin điện tử PVN theo chỉ đạo của Trưởng Ban BBT.

4. Định kỳ 03 tháng 01 lần rà soát tổng thể phần nội dung thông tin chung liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn để chủ động bổ sung, cập nhật nội dung thông tin hoặc yêu cầu TTK đề nghị các Ban/Văn phòng, Tổ chức hỗ trợ, phối hợp cung cấp nội dung thông tin.

5. Chịu trách nhiệm trước Trưởng BBT về những nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của TTK

1. Tiếp nhận và tổng hợp, tổ chức viết bài, biên tập và biên dịch (thuê ngoài) bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu được cung cấp từ các Ủy viên BBT, từ các Ban/Văn phòng, các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Tập đoàn, các bộ ngành, địa phương liên quan (qua các hình thức: email, văn bản, điện thoại, tin nhắn, trao đổi,...) và các phương tiện thông tin đại chúng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử PVN theo Quy trình đăng tải thông tin quy định tại Điều 19 Quy định này. Tiếp nhận, cập nhật, chỉnh sửa thông tin khi chưa chính xác. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát thông tin đăng tải.

2. Giúp BBT xây dựng, quản lý và tổ chức mạng lưới cộng tác viên.

3. Tổng hợp, báo cáo, đánh giá hoạt động của Cổng thông tin điện tử PVN.

4. Rà soát, đơn đốc việc cập nhật nội dung thông tin trên Cổng thông tin điện tử PVN định kỳ từ các Ủy viên BBT và/hoặc các Ban/Văn phòng, Tổ chức.

5. Quản lý ngân hàng dữ liệu thông tin nguồn, kiểm soát quyền truy cập khai thác thông tin nguồn, đảm bảo không phát tán thông tin nguồn khi chưa được phép của BBT.

6. Thực hiện các công việc khác do Trưởng BBT phân công.

CHƯƠNG III

QUY TRÌNH CUNG CẤP, CẬP NHẬT, PHÊ DUYỆT VÀ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN

Điều 12. Các nội dung thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử PVN

1. Thông tin trên Website gồm:

a. Bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu giới thiệu tổng quan về Tập đoàn (lịch sử hình thành và phát triển, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, thương hiệu và các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư; các hoạt động phát triển bền vững: khoa học công nghệ, đào tạo, phát triển nhân lực, an toàn sức khỏe môi trường, an sinh xã hội, thi đua khen thưởng...).

b. Bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu về các sự kiện nổi bật, các hoạt động của Tập đoàn, Tổ chức và cá nhân.

c. Các thông cáo báo chí, báo cáo thường niên của Tập đoàn.

d. Văn bản pháp quy liên quan đến lĩnh vực dầu khí.

e. Công trình nghiên cứu khoa học, tin tức dịch thuật từ nguồn tin trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

f. Đăng lại, trích dẫn bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu đã được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam về lĩnh vực năng lượng, dầu khí và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội trong và ngoài nước, tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

g. Các nội dung thông tin cần thiết khác.

2. Thông tin trên Intranet gồm:

a. Bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu giới thiệu chi tiết về PVN bao gồm cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b. Nhân sự, danh bạ điện thoại, email, lịch sự kiện, lịch công tác và lịch họp của PVN.

c. Văn bản pháp quy, quy định nội bộ và chỉ đạo điều hành của PVN.

d. Thông báo chung về các hoạt động của PVN (thể thao, văn hóa, chế độ, hiếu hỉ...).

e. Các nội dung thông tin cần thiết khác.

3. Nội dung thông tin, trình bày của các Chuyên trang thông tin điện tử do các Ban/Văn phòng đầu mối chịu trách nhiệm quản lý, vận hành. TTK chịu trách nhiệm phối hợp trong việc bố trí đưa các Chuyên trang lên Cổng thông tin điện tử PVN theo yêu cầu.

Điều 13. Các nội dung thông tin không được phép đăng tải trên Cổng thông tin điện tử PVN

Các nội dung thông tin không được phép đăng tải trên Cổng thông tin điện tử PVN được phân thành 05 loại như sau:

1. Có nội dung chống phá các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phung phí đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; gây hận thù, mâu thuẫn về dân tộc, tôn giáo; kích động bạo lực; tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy, tệ nạn xã hội, mê tin dị đoan; phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Tiết lộ các bí mật nhà nước, các tài liệu mật của Tập đoàn đã được quy định.

3. Xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

4. Đánh cắp và sử dụng trái phép thông tin riêng, mật khẩu, khóa mật mã của các cá nhân, tổ chức trên Internet; tạo và cài đặt các chương trình, phần mềm virus phá hoại.

5. Quảng cáo, tuyên truyền, mua bán các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Phân loại nội dung thông tin

Các nội dung thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử PVN được phân thành 03 loại như sau:

1. Nội dung thông tin loại A:

a. Giới thiệu tổng quan và chi tiết về Tập đoàn (lịch sử hình thành và phát triển, tổ chức bộ máy, tư cách pháp nhân, thương hiệu, chức năng, nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh...)

b. Các bài viết chuyên sâu giới thiệu về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng.

2. Nội dung thông tin loại B:

a. Các văn bản pháp quy liên quan đến lĩnh vực dầu khí; Các quy định nội bộ và chỉ đạo điều hành của Tập đoàn.

b. Các thông cáo báo chí, báo cáo thường niên.

c. Các công trình nghiên cứu khoa học, tin tức dịch thuật từ nguồn tin trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Nội dung thông tin loại C:

a. Thông tin nhân sự, danh bạ điện thoại, email, lịch sự kiện, lịch công tác và lịch họp của PVN.

b. Thông báo chung về các hoạt động của PVN (thể thao, văn hóa, chế độ, hiếu hỉ...).

c. Chỉ số PVN Index, bảng giá dầu.

d. Tin tức về hoạt động giao lưu nội bộ PVN.

e. Tin tức về hoạt động/sự kiện có Lãnh đạo PVN tham dự do Ban/Văn phòng đầu mối cung cấp.

f. Bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu do tạp chí Năng lượng Mới, Tạp chí điện tử Petrotimes, tạp chí Dầu khí và các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Tập đoàn biên soạn và gửi về Ban Biên tập/Tổ Thư ký.

g. Bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu đã được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam về lĩnh vực năng lượng, dầu khí và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội trong và ngoài nước.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt nội dung và đăng tải thông tin

1. Trưởng BBT, Phó Trưởng BBT và Ủy viên BBT được Trưởng BBT ủy quyền thực hiện phê duyệt nội dung và cho đăng tải thông tin loại A, B.

2. Tổ trưởng TTK phê duyệt đăng tải nội dung thông tin loại C.

Điều 16. Trách nhiệm phối hợp tổ chức, cung cấp, cập nhật và giám sát thông tin đăng tải lên Cổng thông tin điện tử PVN của các Ban/Văn phòng, Tổ chức

1. Các Ban/Văn phòng, Tổ chức có trách nhiệm định kỳ rà soát, cung cấp đầy đủ, chính xác hoặc chỉnh sửa, bổ sung kịp thời thông tin theo chức năng, nhiệm vụ của Ban/Văn phòng, tổ chức cho BBT/TTK để đăng tải theo các nội dung, chuyên mục hoặc chủ động đăng tải lên các Chuyên trang.

2. Trưởng các Ban/Văn phòng, Tổ chức chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo PVN về những thông tin do Ban/Văn phòng, Tổ chức mình cung cấp và chịu trách nhiệm kiểm soát, giám sát thông tin sau khi đăng tải.

3. Các Ban/Văn phòng, Tổ chức có trách nhiệm cử 01 cán bộ làm đầu mối xử lý, cung cấp thông tin.

4. Khi phát hiện các sai sót trong nội dung thông tin đăng tải, các Ban/Văn phòng, Tổ chức có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho TTK (qua địa chỉ email: pr@pvvn.vn). Chậm nhất sau 2h nhận được thông báo, thông tin phải được chỉnh sửa và cập nhật.

Điều 17. Cung cấp thông tin từ các cộng tác viên

PVN, BBT Cổng thông tin điện tử PVN khuyến khích các cộng tác viên, cán bộ công nhân viên đã và đang công tác trong Tập đoàn cung cấp thông tin cho Cổng thông tin điện tử PVN.

Điều 18. Về trích dẫn, đăng lại nội dung thông tin từ các nguồn khác

TTK chịu trách nhiệm kiểm tra nguồn gốc bài viết, tin tức, hình ảnh, tư liệu đảm bảo tuân thủ quy định về trích dẫn lại thông tin theo các quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ.

Điều 19. Quy trình đăng tải thông tin lên Cổng thông tin điện tử PVN

BBT, TTK và các cá nhân/tổ chức có liên quan đến việc đăng tải thông tin lên Cổng thông tin điện tử PVN phải tuân thủ các bước của quá trình đăng tải thông tin được quy định tại “Quy trình đăng tải thông tin lên Cổng thông tin điện tử PVN” (Mã số 86-11 và các sửa đổi/bổ sung nếu có).

CHƯƠNG IV KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 20. Kinh phí hoạt động của bộ máy quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử PVN

1. Nguồn kinh phí hoạt động được chi từ Chi phí quản lý doanh nghiệp của PVN được phê duyệt hằng năm.

2. Lập kế hoạch kinh phí hoạt động

a. Ban đầu mỗi thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử PVN có trách nhiệm cung cấp, phối hợp với Ban Kinh tế Đầu tư PVN xây dựng kế hoạch chi phí quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử PVN đưa vào kế hoạch chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty mẹ - PVN hằng năm trình Tổng giám đốc PVN xem xét, phê duyệt theo quy định.

b. Các khoản chi cơ bản thuộc kinh phí quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử PVN gồm:

- Phụ cấp kiêm nhiệm hằng tháng cho Ban Biên tập, Tổ Thư ký, đầu mối cung cấp thông tin tại các Ban/Văn phòng/Tổ chức;

- Chi phí nhuận bút, biên tập;
- Chi phí dịch thuật, hiệu đính;
- Chi phí in ấn tài liệu;
- Các khoản chi khác.

3. Thực hiện và thanh quyết toán chi phí

Ban đầu mỗi thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử PVN có trách nhiệm:

a. Tổ chức thực hiện theo kế hoạch và quyết định dự toán chi phí hằng năm được phê duyệt.

b. Thanh quyết toán chi phí theo Quy định này và các quy định liên quan của PVN.

c. Lập hồ sơ đề nghị thanh toán kèm theo đầy đủ hóa đơn, chứng từ đối với các khoản chi thực tế hàng quý.

Điều 21. Đối tượng hưởng và Định mức chi phí

1. Đối tượng hưởng:

a. Các thành viên BBT, TTK, các đầu mối cung cấp thông tin tại các Ban/Văn phòng, Tổ chức được hưởng chế độ phụ cấp kiêm nhiệm theo định mức quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quy định này.

b. Các thành viên BBT, TTK, cộng tác viên, các tác giả có tin, bài viết, hình ảnh đăng tải được hưởng nhuận bút, chi phí biên tập, dịch thuật, chi phí dịch thuật hiệu đính được quy định tại Khoản 3, 5 và 6 Điều 21 Quy định này. Ngoài ra, còn được hưởng thêm chi phí dịch thuật khi gửi thông tin song ngữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh).

2. Định mức chi phí:

Phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng của các thành viên BBT, TTK và đầu mối cung cấp thông tin tại các Ban/Văn phòng, Tổ chức được tính trên cơ sở đơn giá lương chức danh hiện hành do PVN quy định:

- BBT và TTK: Hệ số 1/người/tháng.
- Đầu mối cung cấp thông tin: Hệ số 0,5/người/tháng.

3. Chi phí nhuận bút được tính trên cơ sở giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (tương đương 0,1 đơn giá lương chức danh hiện hành do PVN quy định) nhân với hệ số giá trị tin, bài (thể loại, độ dài). Chi phí nhuận bút đã bao gồm chi phí biên tập (nếu có). Định kỳ hằng tháng, căn cứ trên số liệu thống kê tin, bài được đăng tải lên Cổng thông tin điện tử PVN của các tác giả gửi về và đề xuất của Tổ Thư ký, Trưởng Ban biên tập phê duyệt chi trả nhuận bút như dưới đây:

Thể loại	Độ dài	Hệ số giá trị tin, bài	Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (VNĐ)	Nhuận bút được hưởng (VNĐ)
Tin văn, tin sự kiện, tin văn bản + Ảnh	Dưới 500 chữ	2	200.000	400.000
Tin văn tự dịch thuật + Ảnh	Dưới 500 chữ	2,5	200.000	500.000
Tin tổng thuật + Ảnh	Từ 500-1000 chữ	3	200.000	600.000
Tin đột xuất + Ảnh (ngoài giờ làm việc)	Từ 500-1000 chữ	4	200.000	800.000
Tin ảnh	Trên 10 ảnh	2	200.000	400.000
Bài tổng thuật + Ảnh	Trên 1000 chữ	5	200.000	1.000.000
Bài phân tích, nghiên cứu, nhận định + Ảnh	Trên 1000 chữ	7,5	200.000	1.500.000
Bài đột xuất + Ảnh (ngoài giờ làm việc)	Trên 1000 chữ	8	200.000	1.600.000
Bài tiếng Anh + Ảnh	Trên 1000 chữ	7,5	200.000	1.500.000

4. Chi phí biên tập: đối với những bài, tin phải biên tập (sửa lỗi chính tả, ngữ pháp,...) trước khi đăng tải, người biên tập được hưởng không quá 25% trích lại từ nhuận bút của bài, tin đó, cụ thể như sau:

a. Sửa nội dung, bố cục, chính tả từ 1%-3% độ dài tin, bài, người biên tập được hưởng 15% trích lại từ nhuận bút của tin, bài đó.

b. Sửa nội dung, bố cục, chính tả từ 4%-7% độ dài tin, bài, người biên tập được hưởng 20% trích lại từ nhuận bút của tin, bài đó.

c. Sửa nội dung, bố cục, chính tả từ 8%-10% độ dài tin, bài, người biên tập được hưởng 25% trích lại từ nhuận bút của tin, bài đó.

d. Tin, bài có số lượng sai chính tả, nội dung trên 10% độ dài tin, bài, chuyển trả tác giả để chỉnh sửa, hoàn thiện.

5. Chi phí dịch thuật, hiệu đính:

a. Đơn giá dịch thuật được xây dựng hằng năm căn cứ theo giá thị trường của các công ty dịch thuật.

b. Đối với bản dịch cần hiệu đính (rà soát ngữ nghĩa), người hiệu đính sẽ được hưởng 20% ngoài chi phí dịch thuật của bản dịch đó. Các bản dịch cần hiệu đính do BBT/Tổ trưởng TTK quyết định trên cơ sở nội dung thực tế.

c. Việc biên tập, hiệu đính được TTK tổng hợp, xác nhận trên cơ sở bài, tin gốc nhận được và bài, tin được đăng tải (văn bản/file mềm).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. BBT, TTK, Tổ chức và Trưởng các Ban/Văn phòng PVN chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp PVN có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát và kiểm tra thực hiện Quy định này.

3. Mọi hành vi vi phạm Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của PVN và/hoặc quy định pháp luật.

Điều 23. Hiệu lực của Quy định

1. Quy định gồm 05 Chương, 23 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành và thay thế Quy định quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 6847/QĐ-DKVN ngày 02/12/2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Mọi sửa đổi bổ sung Quy định này do Tổng Giám đốc PVN quyết định./.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM
*CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4139/QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành “Quy chế Công bố thông tin của
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quy chế Quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 6825/QĐ-DKVN ngày 29/11/2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Công văn số 54/CVNB-ĐCT ngày 02/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

“Quy chế Công bố thông tin của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 5710/QĐ-DKVN ngày 07/10/2019 và Chương IX trong Quy chế Quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 6825/QĐ-DKVN ngày 29/11/2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Điều 3: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐTV Tập đoàn (e-copy);
- TGD, PTGD Đ.C.Thanh;
- Các PTGD PVN (e-copy);
- Ban Kiểm soát PVN;
- Ban Kinh tế - Đầu tư;
- Các Ban/VPTĐ (e-copy);
- Lưu: VT, BTH.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Vượng

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-DKVN
ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thành viên
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của Quy chế

Quy chế Công bố thông tin của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được ban hành nhằm thống nhất quản lý hoạt động công bố thông tin của PVN theo quy định pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước và hoạt động cung cấp thông tin ra bên ngoài PVN đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, nội dung chính xác, đúng thời hạn và đúng thẩm quyền.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về hoạt động công bố thông tin, cung cấp thông tin ra bên ngoài PVN, bao gồm các quy định về nội dung, thẩm quyền, trách nhiệm, quy trình công bố thông tin của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

- Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Các Ban chuyên môn tại Bộ máy giúp việc – Công ty mẹ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” (gọi tắt là Tập đoàn) là nhóm công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con,

không có tư cách pháp nhân, được gắn bó chặt chẽ và lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, bao gồm:

a) Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là PVN) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ (doanh nghiệp cấp I);

b) Các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn;

c) Các doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.

PVN và các doanh nghiệp trong Tập đoàn có tư cách pháp nhân; có vốn và tài sản riêng; có quyền chiếm hữu, định đoạt tài sản của mình theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận chung giữa các doanh nghiệp trong Tập đoàn.

2. “Ngày làm việc” là các ngày làm việc trong tuần theo quy định thời gian hành chính, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ luật Lao động.

3. “Trường hợp bất khả kháng” là trường hợp PVN không thể kiểm soát được việc xảy ra các sự kiện này hoặc không thể thiết lập các biện pháp hợp lý nhằm ngăn chặn để không cho nó xảy ra hoặc hạn chế thiệt hại khi nó xảy ra.

Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin, cung cấp thông tin ra bên ngoài PVN

1. Hoạt động công bố thông tin, cung cấp thông tin ra bên ngoài PVN phải bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của PVN, bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực, tính thống nhất trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với PVN.

2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố thông tin của PVN do Tổng giám đốc PVN hoặc người được Tổng giám đốc PVN ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Tổng giám đốc PVN hoặc người được Tổng giám đốc PVN ủy quyền chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

3. Trường hợp Tổng giám đốc PVN ủy quyền công bố thông tin thì Tổng giám đốc PVN có trách nhiệm gửi Giấy ủy quyền theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.1 kèm theo Quy chế này tới cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên trang thông tin điện tử tổng hợp của PVN. Người được ủy quyền công bố thông tin phải là người có thẩm quyền ký và được đóng dấu theo quy định của PVN.

4. Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại các Phụ lục kèm theo Quy chế này và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (dịnh dạng file là pdf, word, excel). Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại báo cáo nêu tại các Phụ lục kèm theo Quy chế này.

5. Báo cáo công bố thông tin qua mạng điện tử của PVN có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức và phương tiện công bố thông tin

1. Hình thức công bố thông tin gồm: văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử tổng hợp của PVN.

b) Cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN

c) Cổng thông tin doanh nghiệp (là cổng thông tin điện tử có tên miền <http://www.business.gov.vn> do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và vận hành): Tài khoản công bố thông tin của PVN trên Cổng thông tin doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập và hướng dẫn đăng ký. Ban Kinh tế - Đầu tư là đại diện của PVN trong việc sử dụng tài khoản công bố thông tin để cập nhật thông tin cơ bản của PVN và đăng tải báo cáo trên Cổng thông tin doanh nghiệp. Ban Kinh tế - Đầu tư phải đổi mật khẩu trong vòng 01 đến 03 ngày làm việc kể từ ngày được cung cấp tài khoản và có trách nhiệm bảo quản tài khoản, mật khẩu; báo cáo Tổng giám đốc PVN để thông báo kịp thời cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư nếu tài khoản,

mật khẩu bị mất, đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản.

3. Trường hợp thời điểm thực hiện công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng giám đốc PVN thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày làm việc đầu tiên ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin của PVN trên các phương tiện thông tin đại chúng khác do cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN quy định.

Điều 6. Ngôn ngữ công bố thông tin

Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng hoặc cần sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN đối với những nội dung cần hạn chế công bố thông tin, Tổng giám đốc PVN báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN và Hội đồng thành viên PVN về việc tạm hoãn công bố thông tin. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN sẽ xem xét, quyết định việc tạm hoãn công bố thông tin của PVN và thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Việc tạm hoãn công bố thông tin của PVN được công bố trên trang thông tin điện tử tổng hợp của PVN; đồng thời, Tổng giám đốc PVN phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục hoặc sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN đối với các nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

Điều 8. Điều chỉnh nội dung công bố thông tin

Trong trường hợp cần điều chỉnh các nội dung công bố thông tin, Ban Kinh tế - Đầu tư sẽ sửa đổi, cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp của PVN sau khi các nội dung thông tin điều chỉnh được phê duyệt. Tổng giám đốc PVN báo cáo các nội dung điều chỉnh công bố thông tin tới cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN và Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi các nội dung điều chỉnh được phê duyệt để thực hiện đăng tải thông tin theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Điều 9. Bảo quản, lưu trữ thông tin

Thông tin công bố phải được duy trì trên trang thông tin điện tử tổng hợp của PVN, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu là năm (05) năm. Ban Kinh tế - Đầu tư thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Điều 10. Các thông tin phải công bố định kỳ

1. Nội dung, thời hạn các thông tin phải công bố định kỳ:

a) Thông tin cơ bản về PVN và Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN;

b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của PVN đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN phê duyệt theo nội dung quy định tại Phụ lục 2.2 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện;

c) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của PVN theo nội dung quy định tại Phụ lục 2.3 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

d) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác theo nội dung quy định tại Phụ lục 2.4 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

e) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của PVN theo nội dung quy định tại Phụ lục 2.5 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

f) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của PVN theo nội dung quy định tại Phụ lục 2.6 kèm theo Quy chế

này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

g) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ - PVN và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

h) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ - PVN và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. PVN thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin quy định tại Khoản 1 trên trang thông tin điện tử tổng hợp của PVN, Cổng thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn; đồng thời gửi báo cáo tới cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN. Đối với thông tin có nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, Tổng giám đốc PVN báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN quyết định nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Điều 11. Các thông tin phải công bố bất thường

Tổng giám đốc PVN có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN và công bố công khai các thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện:

1. Tài khoản của PVN bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

2. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của PVN;

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của PVN;

4. Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

5. Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý PVN;

6. Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của PVN;

7. Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

8. Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Điều 12. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm công bố thông tin bất thường

Khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN phải công bố trên trang thông tin điện tử tổng hợp của PVN, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính của PVN; Cổng thông tin doanh nghiệp và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA PVN

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên PVN

1. Hội đồng thành viên PVN có trách nhiệm xem xét, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN phê duyệt đối với thông tin được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

2. Hội đồng thành viên PVN phân quyền cho Tổng giám đốc PVN phê duyệt nội dung các báo cáo công bố thông tin được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy chế này trên cơ sở thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ quy định tại Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp và báo cáo Hội đồng thành viên PVN về việc thực hiện các nội dung trên.

Điều 14. Trách nhiệm của Tổng giám đốc PVN

1. Tổng giám đốc PVN chịu trách nhiệm trình Hội đồng thành viên PVN phê duyệt đối với thông tin được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

2. Phê duyệt nội dung báo cáo công bố thông tin được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy chế này trước khi thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật và Quy chế này.

3. Tổng giám đốc PVN chịu trách nhiệm thực hiện hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của các Ban chuyên môn/Văn phòng PVN

1. Ban Kinh tế - Đầu tư: Chuẩn bị nội dung thông tin được quy định tại Khoản 3 Điều 4; Điểm a, Điểm b, Điểm c (phần: tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án), Điểm f (phần: thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN) - Khoản 1 Điều 10; Khoản 8 - Điều 11 của Quy chế này. Là đầu mối tổng hợp và dự thảo báo cáo công bố thông tin trình Phó Tổng giám đốc được phân công/ủy quyền công bố thông tin phê duyệt các nội dung thông tin cần phải công bố theo quy định

của pháp luật và Quy chế này. Tổ chức bảo quản, lưu trữ thông tin theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2. Ban Tài chính - Kế toán: Chuẩn bị nội dung thông tin được quy định tại Điểm c (phần: các khoản đầu tư tài chính, tình hình đầu tư tại các công ty con), Điểm e (phần: thông tin về giao dịch với các bên có liên quan, thông tin về giao dịch giữa PVN với các đối tượng khác), Điểm f (phần: thông tin về người có liên quan), Điểm g, Điểm h - Khoản 1 Điều 10; Khoản 1, Khoản 6, Khoản 7 - Điều 11 Quy chế này, gửi Ban Kinh tế - Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo công bố thông tin.

3. Ban Tổ chức và Quản trị nguồn nhân lực: Chuẩn bị nội dung thông tin được quy định tại Điểm c (số liệu về lao động, quỹ lương), Điểm f (phần: thông tin về người quản lý của PVN, tình hình sử dụng lao động) - Khoản 1 Điều 10; Khoản 4, Khoản 5 - Điều 11 của Quy chế này và gửi Ban Kinh tế - Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo công bố thông tin.

4. Ban Tổng hợp: Chuẩn bị nội dung thông tin được quy định tại Điểm e (phần: hoạt động của Hội đồng thành viên/Chủ tịch PVN), Điểm f (phần: hoạt động của Hội đồng thành viên/Chủ tịch PVN) - Khoản 1 Điều 10 của Quy chế này và gửi Ban Kinh tế - Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo công bố thông tin.

5. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp: chủ trì và phối hợp với Ban Kinh tế - Đầu tư trong việc thực hiện công bố thông tin chính thức của PVN ra bên ngoài theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

6. Văn phòng Tập đoàn: Chuẩn bị nội dung thông tin được quy định tại Điểm d - Khoản 1 Điều 10; Khoản 2, Khoản 3 - Điều 11 của Quy chế này và gửi Ban Kinh tế - Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo công bố thông tin.

7. Tất cả các Ban/Văn phòng PVN: Chuẩn bị nội dung thông tin được quy định tại Điểm f (phần: báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra phù hợp với chuyên môn, chức năng nhiệm vụ, nếu có) - Khoản 1 Điều 10, gửi Ban Kinh tế - Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo công bố thông tin; Phối hợp với Ban Kinh

tế - Đầu tư trong việc dự thảo báo cáo công bố thông tin đối với những nội dung liên quan thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách khi có thông báo của Ban Kinh tế - Đầu tư, trình Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực theo phân công nhiệm vụ phê duyệt các nội dung thông tin cần phải công bố theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 16. Phối hợp của Ban Kiểm soát PVN trong công bố thông tin

Ban Kiểm soát PVN hỗ trợ/phối hợp chuẩn bị nội dung thông tin liên quan đến Ban Kiểm soát PVN và Kiểm soát viên được quy định tại Điểm f Khoản 1 Điều 10 của Quy chế này và gửi Ban Kinh tế - Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo công bố thông tin.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI PHÁT NGÔN

Điều 17. Người phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí

1. Người thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng thành viên PVN/Tổng giám đốc PVN;
 - b) Người được Chủ tịch Hội đồng thành viên PVN/Tổng giám đốc PVN giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thường xuyên (sau đây gọi chung là Người phát ngôn);
 - c) Người có trách nhiệm thuộc PVN được Chủ tịch Hội đồng thành viên PVN/ Tổng giám đốc PVN ủy quyền thực hiện phát ngôn (sau đây gọi chung là Người ủy quyền phát ngôn) hoặc giao nhiệm vụ phối hợp cùng Người phát ngôn thực hiện phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.
2. Họ tên, chức vụ, địa chỉ liên hệ của Người phát ngôn phải được công bố bằng văn bản cho các cơ quan báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và phải được đăng tải trên cổng thông tin điện tử tổng hợp của PVN.
3. Người phát ngôn quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này nếu không thể thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

thì phải báo cáo để Chủ tịch Hội đồng thành viên PVN/Tổng giám đốc PVN ủy quyền cho người có trách nhiệm thuộc PVN thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

4. Việc phát ngôn quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này được thực hiện bằng văn bản, chỉ áp dụng trong từng vụ việc và có thời hạn nhất định.

5. Người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này không được ủy quyền tiếp cho người khác.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của Người phát ngôn

1. Người phát ngôn được nhân danh, đại diện cho PVN phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Thông tin do Người phát ngôn cung cấp là thông tin chính thức về hoạt động của PVN.
2. Người phát ngôn có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác nội dung thông tin đã cung cấp được các cơ quan báo chí đăng tải, phát hành.
3. Người phát ngôn có quyền yêu cầu Người đại diện phần vốn của PVN tại các đơn vị thành viên cung cấp thông tin của đơn vị có liên quan đến PVN để thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; trả lời các phản ánh, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc đăng, phát trên báo chí theo quy định của pháp luật.
4. Người phát ngôn có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau:
 - a) Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng, bí mật nội bộ ngành dầu khí, bí mật đời tư của các cá nhân, bí mật khác theo quy định của pháp luật và những thông tin không thuộc quyền hạn phát ngôn
 - b) Thông tin về các vụ án/vụ việc của PVN và/hoặc các đơn vị thành viên đang trong quá trình thanh tra, điều tra, giải quyết hoặc chưa xét xử, chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp cơ quan điều tra có yêu cầu cần thông tin trên báo chí để phục vụ cho công tác điều tra và đấu tranh phòng, chống tội phạm;

c) Những văn bản về chính sách, đề án của PVN hoặc có liên quan đến PVN đang trong quá trình soạn thảo hoặc không được phép công bố theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp xảy ra vụ việc cần có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng thành viên PVN/Tổng giám đốc PVN thì Người phát ngôn phải xin ý kiến chính thức trước khi phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí.

6. Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thành viên PVN/Tổng giám đốc PVN về tính chính xác, tính trung thực của nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Tổng giám đốc PVN có trách nhiệm ban hành các quy định nội bộ để tổ chức thực hiện Quy chế này và quản lý hoạt động cung cấp thông tin ra bên ngoài của PVN (bao gồm quy định về công tác phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, quy định để quản lý, vận hành các trang thông tin điện tử của PVN và an toàn thông tin, an ninh mạng của PVN).

2. Ban Kinh tế - Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác công bố thông tin theo quy định pháp luật và Quy chế này; Các Ban/Văn phòng PVN có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

3. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì thực hiện các công tác liên quan đến quy định về phát ngôn được quy định tại Điều 17, Điều 18 của Quy chế này.

4. Mọi hành vi vi phạm các quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin tại Quy chế này, tùy thuộc vào mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật, quy định PVN.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 06 Chương, 20 Điều và 06 Phụ lục, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Quy chế này thay thế “Quy chế Công bố thông tin của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 5710/QĐ-DKVN ngày 07/10/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

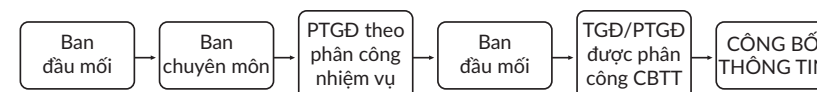
3. Bãi bỏ các nội dung quy định về công bố thông tin, phát ngôn và cung cấp thông tin tại Chương IX Quy chế Quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 6825/QĐ-DKVN ngày 29/11/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên PVN quyết định./.

Phụ lục 1

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Quy trình công bố thông tin của PVN được thực hiện theo lưu đồ dưới đây:



Trong đó:

- **Bước 1:** Ban Kinh tế - Đầu tư làm đầu mối thông báo, đôn đốc các Ban chuyên môn phối hợp chuẩn bị các nội dung thông tin cần công bố theo thời hạn quy định tại Quy chế này, hoàn thành trước 01 tháng so với thời hạn công bố theo quy định.

- **Bước 2:** Các Ban chuyên môn chuẩn bị nội dung thông tin được quy định tại Điều 15 của Quy chế này trình Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực. Các Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực

có trách nhiệm kiểm tra, soát xét nội dung báo cáo công bố thông tin do các Ban chuyên môn/Văn phòng dự thảo, hoàn thành trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Ban Kinh tế - Đầu tư.

- **Bước 3:** Thông tin sau khi được Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực theo phân công nhiệm vụ phê duyệt chuyển tới Ban Kinh tế - Đầu tư tổng hợp, hoàn thành trong vòng 01 ngày kể từ khi nhận được phê duyệt của Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực theo phân công nhiệm vụ.

- **Bước 4:** Ban Kinh tế - Đầu tư đầu mối trình Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám đốc được phân công/ủy quyền công bố thông tin, hoàn thành trong vòng 02 ngày kể từ khi nhận được nội dung thông tin cần công bố từ các Ban chuyên môn gửi tới.

- **Bước 5:** Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc được phân công/ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này, hoàn thành trong vòng 02 ngày kể từ khi nhận được văn bản trình của Ban Kinh tế - Đầu tư.

Tạm hoãn công bố thông tin

Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng, các Ban chuyên môn/Văn phòng phải trình Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực theo phân công nhiệm vụ phê duyệt và thông báo tới Ban Kinh tế - Đầu tư. Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục, các Ban chuyên môn/ Văn phòng có trách nhiệm trình Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực theo phân công nhiệm vụ phê duyệt thông tin cần công bố để gửi Ban Kinh tế - Đầu tư.

Điều chỉnh nội dung công bố thông tin

Trong trường hợp cần điều chỉnh các nội dung công bố thông tin, các Ban chuyên môn/Văn phòng phải trình Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực theo phân công nhiệm vụ phê duyệt và thông báo tới Ban Kinh tế - Đầu tư.

Phụ lục 2

CÁC BIỂU MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-DKVN ngày 22 / 7/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Phụ lục 2.1

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-DKVN ngày 22 / 7/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UQ-DKVN Hà Nội, ngày tháng năm 20

Kính gửi: - Cơ quan đại diện chủ sở hữu của PVN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

I. BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Tên giao dịch của doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ liên lạc:.....

Website:

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B):

Ông (Bà):

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp:Nơi cấp:

Điện thoại liên hệ:Email:

Chức vụ tại doanh nghiệp:

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A.

Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 20 đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 2.2

BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM...

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-DKVN ngày 22/7/2021
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM ...

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM ...

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
-	Sản phẩm 1		
-	Sản phẩm 2		
-	...		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	
7	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	
8	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	
9	Các chỉ tiêu khác		

2. Kế hoạch đầu tư phát triển của PVN trong năm (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...)

Phụ lục 2.3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM ...

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-DKVN ngày 22/7/2021
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM ...

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;
- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của PVN.

BẢNG SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA PVN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có)
1	Sản phẩm sản xuất chủ yếu				
-	Sản phẩm 1				
-	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng			

3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
	Lợi nhuận sau thuế				
4	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng			
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người			
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng			
-	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng			
-	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng			

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA PVN

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm ...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

- Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà PVN nắm trên 50% vốn điều lệ.
- Tình hình đầu tư của PVN vào các công ty này.
- Tóm tắt về hoạt động, tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT KINH DOANH
TẠI CÁC CÔNG TY CON DO PVN NẤM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về PVN (tỷ đồng)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do PVN nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	Các công ty con do PVN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Phụ lục 2.4
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM ...
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-DKVN
ngày 22/7/2021
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
-	Sản phẩm 1				
-	Sản phẩm 2				
...					
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm				

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA PVN

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.
2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.
3. Trách nhiệm với nhà cung cấp.
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động của PVN.

Phụ lục 2.5

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA PVN 6 THÁNG/NĂM ...

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-DKVN

ngày 22 /7/2021

của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH PVN.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch PVN liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản ...

BẢNG SỐ 1

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH PVN

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1				
2				
3				
...				

2. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

BẢNG SỐ 2

THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					

Giải thích:

(2): ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): ghi rõ nội dung giao dịch (ví dụ: hợp đồng kinh tế, hợp đồng cho vay, hợp đồng đi vay...);

(5): ghi rõ giá trị giao dịch (ví dụ: tỷ đồng, nghìn USD...);

(6): ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

3. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GIỮA PVN VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Thông tin về các giao dịch có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên của PVN liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu... theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3 THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH CỦA PVN

TT	Nội dung giao dịch	Đối tác giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					

Giải thích:

(2): ghi rõ nội dung giao dịch (ví dụ: hợp đồng kinh tế, hợp đồng cho vay, hợp đồng đi vay, hợp đồng mua sắm...);

ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(4): thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(5): ghi rõ giá trị giao dịch (ví dụ: tỷ đồng, nghìn USD...);

(6): ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

Phụ lục 2.6 BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA PVN NĂM ...

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4139 /QĐ-DKVN

ngày 22/7/2021

của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin chung

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu được thống kê theo Bảng số 1.

BẢNG SỐ 1 CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1			
2			
3			
...			

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ PVN

1. Danh sách người quản lý PVN

Thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

BẢNG SỐ 2
DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
1					
2					
3					
...					

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý PVN

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý PVN theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3
TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ PVN

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương/năm	Tiền thưởng, thu nhập khác
1						
2						
3						
...						

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch PVN

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch PVN liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản ... theo Bảng số 4.

BẢNG SỐ 4
CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1				
2				
3				
...				

III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

BẢNG SỐ 5
DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1						
2						
3						
...						

2. Các báo cáo của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (nếu có)

V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của PVN

BẢNG SỐ 6
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA PVN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
1						
2						
3						
...						

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan

BẢNG SỐ 7

THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					

Giải thích:

- (2): ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;
- (3): thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;
- (4): ghi rõ nội dung giao dịch (ví dụ: hợp đồng kinh tế, hợp đồng cho vay, hợp đồng đi vay...);
- (5): ghi rõ giá trị giao dịch (ví dụ: tỷ đồng, nghìn USD...);
- (6): ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của PVN (người):
- Mức lương trung bình người lao động/năm (triệu đồng):
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm (triệu đồng):

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3325/QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

KIỆN TOÀN BAN CHỈ ĐẠO VÀ TỔ THƯ KÝ XỬ LÝ SỰ CỐ,
KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp - Thành viên Thường trực Ban Chỉ đạo xử lý khủng hoảng truyền thông Tập đoàn

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. KIỆN TOÀN Ban Chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo, Tổ thư ký) nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; gồm các đồng chí như danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có chức năng, nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo dự báo, ngăn ngừa và xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông; Tổ thư ký có chức năng, nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo xử lý sự cố,

khủng hoảng truyền thông theo nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm, quyền hạn như quy định tại Phụ lục và Sổ tay xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông kèm theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 370/QĐ-DKVN ngày 15/12/2021 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thư ký xử lý khủng hoảng truyền thông.

Điều 4. Các Phó Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các ban có liên quan thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ thư ký xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- HĐTV TĐ (e-copy để b/c);
- Các PTGD (e-copy để t/h);
- Các Ban/Văn phòng TĐ (e-copy để t/h);
- Các đơn vị thành viên, trực thuộc (để t/h);
- Lưu VT (VP), TT&VHDN.

TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
(Đã ký)

Lê Mạnh Hùng

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO, TỔ THƯ KÝ XỬ LÝ SỰ CỐ, KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 3325 /DKVN-TT&VHDN ngày 18 tháng 5 năm 2023)

TT	Chức danh/Đơn vị công tác	Phân công
I	Ban Chỉ đạo	
1.	Đ/c Lê Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc PVN	Trưởng Ban
2.	Đ/c Bùi Minh Tiến - Thành viên HĐQT PVN	Phó trưởng Ban
3.	Đ/c Đỗ Chí Thanh - Phó Tổng giám đốc PVN	Phó Trưởng Ban Thường trực
4.	Trưởng Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp PVN	Thành viên thường trực
5.	Trưởng Ban Tổ chức và Quản trị Nguồn nhân lực PVN	Thành viên
6.	Trưởng Ban Pháp chế & Kiểm tra PVN	Thành viên
7.	Trưởng Ban Kinh tế - Đầu tư PVN	Thành viên
8.	Trưởng Ban Công nghệ - An toàn - Môi trường PVN	Thành viên
9.	Chánh Văn phòng PVN	Thành viên
10.	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phụ trách công tác thông tin, tuyên truyền	Thành viên
11.	Tổ trưởng Tổ Quản lý rủi ro PVN	Thành viên
12.	Tổng giám đốc Vietsovpetro	Thành viên
13.	Tổng giám đốc PVGAS	Thành viên
14.	Tổng giám đốc PVFCCo	Thành viên
15.	Tổng giám đốc PVCFC	Thành viên
16.	Tổng giám đốc BSR	Thành viên
17.	Tổng giám đốc PTSC	Thành viên
18.	Chủ tịch HĐQT PVComBank	Thành viên

19.	Chủ tịch HĐQT Petrosetco	Thành viên
II	Tổ thư ký	
1.	Phó Trưởng Ban TT&VHDN PVN phụ trách công tác truyền thông	Tổ trưởng
2.	Trưởng phòng TT&QHCC, Ban TT&VHDN PVN	Tổ phó
3.	Trưởng phòng TT&VHDN, Ban TT&VHDN PVN	Tổ viên
4.	Phó Trưởng phòng TT&QHCC, Ban TT&VHDN PVN	Tổ viên
5.	Chuyên viên phòng TT&QHCC thực hiện nhiệm vụ xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông	Tổ viên

PHỤ LỤC

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO VÀ TỔ THƯ KÝ XỬ LÝ SỰ CỐ, KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3325/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Nguyên tắc hoạt động

- Ban Chỉ đạo (BCĐ) làm việc theo chế độ tập thể, bảo đảm nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, thảo luận thống nhất, Trưởng BCĐ kết luận và chỉ đạo thực hiện.

- BCĐ không làm thay hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Tập đoàn.

- Mỗi thành viên BCĐ có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin với các thành viên khác trong quá trình giải quyết công việc

theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BCĐ; đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân trước BCĐ và Trưởng BCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Chế độ làm việc

- Các thành viên BCĐ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

- Trưởng BCĐ, Phó trưởng BCĐ định kỳ hoặc đột xuất làm việc với Thành viên Thường trực BCĐ, Tổ thư ký (TTK) để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của BCĐ.

- TTK gửi giấy mời, tài liệu cuộc họp tới các thành viên BCĐ trước 03 ngày làm việc. Trường hợp đột xuất, khẩn cấp giải quyết các vấn đề cấp bách, xử lý khủng hoảng truyền thông (KHTT), TTK thừa lệnh Trưởng ban triệu tập họp khẩn cấp qua hình thức điện thoại, tin nhắn.

- Thành viên BCĐ được quyền giao chủ trì và huy động cán bộ ban/văn phòng, đơn vị do mình trực tiếp quản lý, phụ trách để thực hiện nhiệm vụ được Trưởng BCĐ phân công, báo cáo Trưởng BCĐ về kết quả thực hiện.

- Trường hợp sự cố truyền thông có mức ảnh hưởng thấp, Thành viên Thường trực BCĐ và TTK trao đổi, làm việc với các cơ quan liên quan để xử lý.

- Trường hợp sự cố, khủng hoảng truyền thông (KHTT) ảnh hưởng nghiêm trọng, BCĐ và TTK thực hiện theo Quy trình xử lý KHTT (tại Sổ tay xử lý KHTT kèm theo).

3. Chế độ họp của BCĐ

- BCĐ họp thường kỳ 06 tháng/lần và tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá các công việc đã được thực hiện và triển khai nhiệm vụ của quý, năm tiếp theo. Khi cần thiết, Trưởng BCĐ triệu tập họp đột xuất để bàn về công tác chỉ đạo, giải quyết công việc phát sinh.

- Trưởng BCĐ quyết định thời gian, chương trình, nội dung các kỳ họp.

- Các vấn đề BCĐ thảo luận, quyết định tập thể:

+ Chương trình, kế hoạch công tác của BCĐ.

- + Báo cáo xử lý vụ việc giữa hai kỳ họp.
- + Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của BCD.
- + Những nội dung quan trọng khác theo đề nghị của thành viên BCD.

- Thường trực BCD tổ chức họp theo đề xuất của TTK để cho ý kiến giải quyết, xử lý vụ việc phức tạp, phát sinh trong thực tế. Thường trực BCD có thể mở rộng thành phần họp đến một số thành viên BCD hoặc các ban/văn phòng/đơn vị liên quan theo chỉ đạo của Trưởng BCD.

- Trường hợp không tổ chức họp BCD, TTK sẽ có trách nhiệm gửi các dự thảo văn bản xin ý kiến các thành viên BCD; tiếp thu, hoàn thiện dự thảo văn bản trình Trưởng BCD.

- Trưởng BCD thay mặt BCD kết luận và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Kết luận tại các kỳ họp được thông báo bằng văn bản đến các đơn vị có liên quan để thực hiện.

- Các thành viên BCD khi không thể tham dự các cuộc họp thì phải báo cáo Trưởng BCD và tham gia ý kiến bằng văn bản (khi có yêu cầu).

4. Quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo

- BCD chịu sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng thành viên, Ban điều hành Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi chung là Lãnh đạo Tập đoàn) trong việc xử lý sự cố, KHTT của PVN và các đơn vị thành viên.

- Chỉ đạo, phối hợp, hướng dẫn, yêu cầu các ban/văn phòng/đơn vị thành viên có liên quan đến sự cố, KHTT triển khai nhiệm vụ của BCD.

II. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng BCD

- Chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Tập đoàn trong việc chỉ đạo, kiểm tra quản trị rủi ro xử lý sự cố, KHTT.

- Chỉ đạo, điều phối các Phó Tổng giám đốc, các ban/văn phòng PVN, các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn có liên quan đến sự cố, KHTT.

- Chỉ đạo TTK phối hợp với các tập thể, cá nhân có liên quan để triển khai xử lý khi có phát sinh sự cố, KHTT.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Thường trực BCD (gồm: Trưởng ban, các Phó trưởng ban và Thành viên Thường trực Ban Chỉ đạo)

- Thay mặt BCD chỉ đạo việc quản trị rủi ro, triển khai xử lý sự cố, KHTT có nguy cơ ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh và hoạt động của PVN và các đơn vị thành viên; giải quyết các công việc thường xuyên, hoặc phát sinh đột xuất giữa hai phiên họp của BCD.

- Giải quyết hoặc kiến nghị BCD giải quyết các đề xuất của thành viên BCD.

- Cho ý kiến chỉ đạo, triển khai xử lý kịp thời các sự cố, KHTT phù hợp với các quy chế, quy định liên quan của PVN và pháp luật hiện hành.

3. Trách nhiệm của các thành viên BCD

- Tham mưu, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ do Trưởng BCD phân công.

- Căn cứ Quy trình xử lý sự cố, KHTT và phương án xử lý đã được thông qua BCD, từng thành viên BCD thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Chủ động tham gia nhận diện rủi ro trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, nắm bắt các sự cố, KHTT, từ đó tổng hợp, góp ý cập nhật quy trình xử lý KHTT (nếu cần thiết).

- Kịp thời phát hiện, báo cáo, đề xuất với Trưởng BCD các biện pháp giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Tham gia chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp của BCD theo nhiệm vụ được giao; tham dự đầy đủ các cuộc họp của BCD; thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của BCD.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từng thành viên BCD chủ động phối hợp, trao đổi thông tin với các thành viên khác để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng BCD phân công.

4. Trách nhiệm của TTK giúp việc xử lý khủng hoảng truyền thông

- Tham mưu xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của BCD; tham mưu công tác lãnh đạo, chỉ đạo của BCD đối với quá trình và kết quả xử lý sự cố, KHTT của Tập đoàn.
- Tham mưu xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng nội dung triển khai, theo từng giai đoạn, báo cáo BCD phê duyệt thực hiện.
- Tham mưu xây dựng các báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoặc đột xuất; đề xuất nội dung và chuẩn bị các cuộc họp của BCD/Thường trực BCD; xây dựng kết luận kỳ họp.
- Phối hợp, trao đổi thông tin; tham mưu nhận diện rủi ro trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, xây dựng các kế hoạch, chương trình hoạt động nhằm phòng ngừa sự cố, KHTT.
- Phối hợp ban chuyên môn (KTĐT, TCKT, QTNL...) rà soát các thông tin nhạy cảm có thể dẫn đến sự cố, KHTT để báo cáo BCD kịp thời xử lý, thực hiện theo Quy chế công bố thông tin của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 4139/QĐ-DKVN ngày 22/7/2021.
- Tổ chức họp định kỳ 3 tháng/lần hoặc đột xuất theo chỉ đạo của Thường trực BCD.
- Thực hiện các công việc do BCD phân công.

ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP TW
ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2023

Số: 1199 - CV/ĐU

V/v thông tin, tuyên truyền về công tác
xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị
và thông tin đối ngoại

Kính gửi: - Các cấp ủy Đảng trực thuộc;

- Các đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tập đoàn.

Thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới (Kết luận 57); Kế hoạch số 90-KH/ĐUK, ngày 07/6/2023 của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương (DNTW) về Thông tin, tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2023 (Kế hoạch 90); Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Đảng ủy Tập đoàn) yêu cầu các cấp ủy Đảng trực thuộc, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tập đoàn nghiêm túc triển khai thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Phổ biến, quán triệt Kết luận 57 của Bộ Chính trị và Kế hoạch 90 của Đảng ủy Khối DNTW tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người lao động trong toàn Tập đoàn (văn bản kèm theo).

2. Thông qua giới thiệu Kết luận 57 và Kế hoạch 90 nhằm tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết 281-NQ/ĐU ngày 15/5/2019 của Đảng ủy Tập đoàn về công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp và Kết luận 234-KL/ĐU ngày 18/8/2022 của Đảng ủy Tập đoàn về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 281.

3. Trong các thông tin, tuyên truyền chú trọng nêu bật việc cụ thể hóa phương châm hành động năm 2023 của Tập đoàn “Quản trị biến động, mở rộng quy mô, tăng tốc chuyển đổi số, dịch chuyển mô hình, nâng cao năng suất, tái tạo kinh doanh”;

gắn với nhấn mạnh kết quả thực hiện Nghị quyết 308-NQ/ĐU ngày 20/3/2023 của Đảng ủy Tập đoàn về việc giao nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 cho cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, doanh nghiệp, đơn vị các đảng bộ, chi bộ, đơn vị trực thuộc; Quyết định 529/QĐ-DKVN ngày 02/02/2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc Giao mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp giữa nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó chú trọng giới thiệu các mô hình, tập thể, cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện.

4. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc gắn với thực hiện Quyết định 3325/QĐ-DKVN ngày 18/5/2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ thư ký xử lý sự cố, khủng hoảng truyền thông; chủ động nắm bắt, xử lý các thông tin hoạt động dầu khí trên Biển Đông; hoạt động của các nhà thầu, đối tác dầu khí nước ngoài; các hoạt động đối ngoại Dầu khí;...

5. Tuyên truyền về phong trào lao động sản xuất, sáng kiến, sáng tạo,... của người lao động Dầu khí chào mừng đại hội công đoàn các cấp và hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong toàn Tập đoàn.

Giao Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn chủ trì, phối hợp với các Ban tham mưu giúp việc Đảng ủy Tập đoàn triển khai thông tin, tuyên truyền trong toàn Đảng bộ; theo dõi kết quả thực hiện và tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương theo quy định.

Nơi nhận:

- Đảng ủy Khối DNTW (để b/c),
- Ban TG ĐUK DNTW (để b/c),
- Ban Thường vụ ĐU TD (để c/đạo),
- HDTV, TGD TD (để p/h c/đạo),
- Các cấp ủy trực thuộc (để t/h),
- CĐ DKVN, ĐTN & HCCB TD (để t/h),
- Lưu VP/BTG ĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
(Đã ký)

Phạm Xuân Cảnh

TỰ HÀO PETROVIETNAM

Nhạc: Đào Tiến
Lời thơ: Lê Mạnh Hùng

Tự hào - Phần khởi



Pe - tro Việt Nam đã ra đời đoàn quân sáu mốt, chung nguyện
ước xây dựng ngành kinh tế hàng đầu. Từ ngày gian
khó nay trưởng thành hiện thực hóa ước mơ.
Khai thác vàng đen thăm dò chế biến xây mới những nhà máy
khí điện đạm với những con tàu chở khát vọng đi muôn
nơi. Ôi! Những chiến binh trên mặt trận kinh tế,
chung sức chung lòng vượt qua gian khó hoàn thành nhiệm
vụ của Tổ quốc trao cho. Pe - tro Việt
Nam năng lượng mới cho tương lai.
Pe - tro Việt Nam vinh quang trên tầm
cao mới mãi vươn xa.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

**ĐẢNG ỦY KHỐI
DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023

Số: 06 -NQ/ĐUK

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI MỘT BAN CHẤP HÀNH

ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG KHÓA III

Về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp trong Khối Doanh nghiệp Trung ương

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, Đảng ủy Khối và các cấp ủy đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/ĐUK ngày 08/6/2012 “về nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong Khối Doanh nghiệp Trung ương về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở”. Công tác nghiên cứu, quán triệt, triển khai, xây dựng chương trình hành động và ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận, hướng dẫn của cấp ủy được quan tâm, tổ chức thực hiện hiệu quả, có nhiều hình thức đa dạng, sáng tạo, phù hợp với nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Công tác tuyên truyền được thực hiện với nhiều hình thức phong phú, sinh động. Công tác xây dựng văn hóa trong Đảng, trong doanh nghiệp tiếp tục được chú trọng, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; nhận thức của cán bộ, đảng viên, người lao động về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp được nâng cao; quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế - chính trị - xã hội” được quán triệt và nhận thức đầy đủ hơn, cụ thể hóa trong nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của mỗi doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở đã tạo nên sức mạnh nội sinh trong tiến trình xây dựng và phát triển bền vững của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng, đơn vị trong Khối. Các giá trị cốt lõi của văn hóa doanh nghiệp ngày càng được

thấm nhuần, dần trở thành những chuẩn mực đạo đức, lối sống của từng cá nhân và tổ chức trong doanh nghiệp, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị được nâng lên; kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ giao tiếp, ứng xử, phục vụ khách hàng có nhiều chuyển biến; môi trường giao tiếp, làm việc được cải thiện.

Tuy nhiên, ở một số cấp ủy: nhận thức về xây dựng và phát triển con người Việt Nam hiện đại chưa đầy đủ; sự lãnh đạo, chỉ đạo còn chưa thường xuyên; chưa kịp thời cụ thể hóa và cập nhật các quy định, quy chế, hướng dẫn; công tác tuyên truyền về thực hiện văn hóa doanh nghiệp chưa liên tục, chất lượng chưa cao; chưa phân công bộ phận giúp việc tham mưu, theo dõi, đôn đốc; công tác chính trị tư tưởng chưa được quan tâm đúng mức; vai trò nêu gương của lãnh đạo trong thực thi văn hóa doanh nghiệp còn mờ nhạt. Còn có cán bộ lãnh đạo cấp cao của một số tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật bị xử lý theo quy định của Đảng, của pháp luật làm ảnh hưởng đến môi trường văn hóa của doanh nghiệp.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do: Một số cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở; chưa đặt đúng vị trí nhiệm vụ xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong mối quan hệ với nhiệm vụ chính trị của đơn vị; tư duy phát triển văn hóa doanh nghiệp, xây dựng con người phát triển toàn diện chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng, phức tạp, đa dạng của đời sống, nhất là những chuyển động và tác động của mặt trái cơ chế thị trường. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, người lao động về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở ở một số doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị chưa được chú trọng. Công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; việc biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình về xây dựng và thực hiện văn hóa

doanh nghiệp, văn hóa công sở chưa được quan tâm đúng mức. Việc nhắc nhở, phê bình, kỷ luật các tập thể, cá nhân vi phạm chưa nghiêm túc, quyết liệt. Một số cán bộ, đảng viên, người lao động chưa tự giác tu dưỡng, rèn luyện, chưa đề cao ý thức xây dựng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững của đất nước. Văn hóa doanh nghiệp nằm trong văn hóa kinh doanh là biểu hiện văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp. Văn hóa doanh nghiệp là toàn bộ hệ thống các chuẩn mực về tinh thần và hành vi ứng xử của tất cả các thành viên trong doanh nghiệp, hướng tới những giá trị tốt đẹp nhất, tạo ra nét độc đáo riêng biệt đồng thời là sức mạnh lâu bền của doanh nghiệp trên thương trường. Văn hóa doanh nghiệp có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng, là một công cụ và không thể thiếu trong quản lý điều hành, là một phương pháp quản trị doanh nghiệp cơ bản, là nền tảng cho sự đổi mới sáng tạo và phát triển các công nghệ mới cho doanh nghiệp, đơn vị.

- Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và truyền thống của doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nâng cao đạo đức nghề nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội và của cán bộ, đảng viên, người lao động trong Đảng bộ Khối; phải được cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch công tác của cấp ủy, tổ chức đảng, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị và các tổ chức chính trị - xã hội. Cấp ủy lãnh đạo, triển khai, tạo sự thống nhất về nhận thức và đồng thuận để toàn thể cán bộ, đảng viên, người lao động

cùng hưởng ứng, tham gia; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở.

- Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở phải phù hợp với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ chính trị của từng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất nhận thức của các cấp ủy đảng và của cán bộ, đảng viên, người lao động, nhất là người đứng đầu, tạo bước chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong tổ chức và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở. Nâng cao văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của cán bộ, đảng viên, người lao động; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kỷ luật lao động, đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ; đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Xây dựng doanh nghiệp đồng thuận, kỷ cương, đoàn kết, văn minh; hướng tới khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm; củng cố lòng tin của xã hội đối với doanh nghiệp nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- 38/38 đảng ủy trực thuộc ban hành nghị quyết chuyên đề hoặc chỉ thị, kết luận về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở.

- 100% doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trong Khối triển khai, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở; 100% cán bộ, đảng viên và 90% trở lên người lao động thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế về văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở.

- 100% doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

- 100% doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị chấp hành tốt quy chế quản lý văn hóa của địa phương nơi doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về đẩy mạnh xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, lãnh đạo doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng, thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở. Xác định xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở là một trong những nhiệm vụ quan trọng của từng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

- Thống nhất nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, ban điều hành, nhất là người đứng đầu các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị và toàn thể cán bộ, đảng viên, người lao động về công tác xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở; xác định phát triển văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, ban điều hành và cả hệ thống chính trị tại đảng bộ, gần mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở với các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Quán triệt sâu sắc, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Tiếp tục triển khai có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Triển khai Bộ tiêu chí văn hoá kinh doanh Việt Nam, xây dựng doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá kinh doanh Việt Nam; phấn đấu đến năm 2025: 15% trở lên các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng được công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá kinh doanh Việt Nam”.

- Thường xuyên đổi mới hình thức và nội dung tuyên truyền về văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở trong nội bộ doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị và truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đẩy mạnh tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp để mỗi cán bộ, đảng viên, người lao động hiểu rõ vai trò, sức mạnh to lớn của văn hóa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, từ đó nêu cao trách nhiệm trong xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở, bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của đất nước, của ngành, doanh nghiệp, đơn vị.

- Xác định văn hóa doanh nghiệp là giá trị cốt lõi, là tài sản vô hình của doanh nghiệp, góp phần tạo nên sức mạnh của doanh nghiệp. Văn hóa doanh nghiệp là một công cụ quan trọng và không thể thiếu trong quản lý điều hành để triển khai chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời tạo ra động lực cho người lao động và sự đoàn kết trong doanh nghiệp, đơn vị. Văn hóa doanh nghiệp là một phương pháp quản trị doanh nghiệp cơ bản, là nền tảng cho sự đổi mới sáng tạo và phát triển các công nghệ mới cho doanh nghiệp, đơn vị.

- Coi trọng văn hóa ứng xử trong kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Phát huy truyền thống văn hoá dân tộc (truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết, trọng chữ tín, cần cù và linh hoạt...) và truyền thống của doanh nghiệp, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá kinh doanh trên thế giới (tôn trọng luật lệ, sự cam kết, tầm nhìn xa trông rộng, tác phong công nghiệp, trình độ khoa học - công nghệ, phương pháp, năng lực tổ chức, quản trị hiện đại...) để hoàn thiện văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Xây dựng, rà soát, bổ sung quy chế, quy định, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, chuẩn mực hành vi ứng xử của cán bộ, đảng viên, người lao động trong doanh nghiệp, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, rà soát, bổ sung quy chế, quy định, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức doanh nhân,

chuẩn mực hành vi ứng xử của cán bộ, đảng viên, người lao động vào các quy chế, quy định, điều lệ trong doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở; triển khai đồng bộ công tác tuyên truyền; phát huy tính sáng tạo của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở tại các đơn vị; trở thành nhiệm vụ thường xuyên, gắn với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, của từng cán bộ, đảng viên, người lao động. Cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo nhân rộng các mô hình, điển hình tiêu biểu, cách làm hay trong thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở; khuyến khích cán bộ, đảng viên, người lao động giao lưu, chia sẻ những giải pháp, cách làm hiệu quả trong thực thi công vụ, nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), các kết luận, quy định của Trung ương khoá XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Coi trọng đạo đức công vụ, đạo đức kinh doanh gắn với kỷ luật, kỷ cương trong từng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, văn hóa trong Đảng, trở thành tấm gương đạo đức cho xã hội, nêu cao ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

- Cấp ủy, lãnh đạo các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương và Đảng ủy Khối về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp trong chấp hành các quy định, quy tắc về chuẩn mực đạo đức, ứng xử của ngành, đơn vị; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chú trọng giáo dục, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán

bộ, đảng viên, người lao động. Tổ chức sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chuyên đề của chi bộ về việc thực hiện các quy chế, quy định văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở.

- Triển khai, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở gắn với công tác xây dựng đảng. Đưa việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện văn hoá doanh nghiệp, văn hoá công sở của các cấp uỷ đảng là một trong những nội dung đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên hằng năm.

3. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, ban điều hành các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy về văn hóa doanh nghiệp. Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, nội quy, quy chế làm việc,... phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của văn hóa doanh nghiệp; tạo cơ sở để tổ chức và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức thượng tôn pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Thực hiện nghiêm các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn, đẩy lùi quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng.

- Quan tâm xây dựng và giữ gìn uy tín thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; tăng cường liên doanh liên kết, xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất, kinh doanh. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, nâng cao trách nhiệm xã hội, vì lợi ích cộng đồng. Coi phát triển văn hóa doanh nghiệp là yêu cầu cơ bản và cấp thiết để phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn chặt với chuyển đổi số, tạo môi trường số trải nghiệm cho cán bộ, đảng viên, người lao

động và khách hàng; văn hóa doanh nghiệp kiến tạo nền tảng tinh thần, tạo động lực và tăng cường sức mạnh nội sinh cho chuyển đổi số của doanh nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách hành chính trong Đảng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành và trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ; cải tiến nội dung, hình thức hội họp theo hướng hiệu quả, tiết kiệm thời gian, kinh phí, bảo mật và an toàn thông tin. Xây dựng môi trường, cảnh quan làm việc xanh, sạch, đẹp, thân thiện.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, người lao động cam kết thực hiện các thiết chế văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội phát động các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập; cổ vũ, động viên cán bộ, đoàn viên, hội viên thực hiện tốt văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy định quản lý cán bộ, đảng viên, người lao động; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, không để xảy ra sai phạm, tiêu cực trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và về phong cách, thái độ trong giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp, với khách hàng. Kịp thời giải quyết các nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của cán bộ, đảng viên, người lao động phù hợp với các quy định của đảng, tình hình thực tế của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam. Thực hiện trách nhiệm xã hội gắn với bảo vệ môi trường, các hoạt động từ thiện, nhân đạo, tri ân gia đình chính sách, chia sẻ với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người, giữ gìn di sản văn hóa dân tộc, thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về các mô hình hiệu quả, các cách làm hay trong công tác xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở.

4. Bảo đảm các nguồn lực cho việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Thành lập, bổ sung, kiện toàn bộ phận/cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy, lãnh đạo doanh nghiệp; phân công cấp ủy viên phụ trách công tác xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

- Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ trí thức và nhân lực trẻ; thường xuyên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo với người lao động, tạo sự cởi mở, chân thành, động viên người lao động tích cực lao động, học tập, cống hiến cho doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

- Có chính sách hợp lý để thu hút, trọng dụng nhân tài và giữ chân người tài, tạo sự gắn bó với doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Trọng dụng, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ những người tài giỏi, có khả năng thể hiện, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp tới đồng nghiệp, khách hàng và xã hội.

- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát đối với hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, nhất là trong chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; công tác cán bộ; việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản, phương tiện của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tệ nạn xã hội...

- Xây dựng, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực gắn với phát triển văn hóa doanh nghiệp. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho đội ngũ cán bộ, Đảng viên, người lao động, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động trẻ về chính trị, học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức xây dựng văn hóa kinh doanh, kiến thức hội nhập và quản trị doanh nghiệp. Rèn luyện tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; đề cao tinh thần học tập suốt đời, hỗ trợ, khuyến khích cán bộ, đảng viên, người lao động tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm.

- Quan tâm xây dựng, đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu hoạt động văn hóa, thể thao trong doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị như các cơ sở phòng tập, sân bãi thi đấu thể dục thể thao, thư viện, mạng xã hội, mạng nội bộ... Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, nâng cao thể lực, thể chất cho cán bộ, đảng viên, người lao động.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện văn hóa doanh nghiệp

- Cấp ủy, lãnh đạo các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở của cán bộ, đảng viên, người lao động. Nghiêm túc, kịp thời nhắc nhở, phê bình, xử lý kỷ luật cán bộ, Đảng viên, người lao động có hành vi vi phạm. Đưa nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở vào chương trình kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp hằng năm.

- Các cấp ủy, ban điều hành định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, những cách làm sáng tạo, hiệu quả trong xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở. Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc căn cứ vào đặc điểm, tình hình của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình hành động quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết này. Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết đến cán bộ, đoàn viên, hội viên, người lao động; phát động cán bộ, đoàn viên, hội viên, người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua xây dựng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị văn hóa.

2. Các ban, đơn vị của Đảng ủy Khối theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu Đảng ủy Khối triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Nghị quyết có liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách.

3. Ban Tuyên giáo chủ trì, phối hợp với các ban và Văn phòng Đảng ủy Khối hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện và tham mưu công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Đ/c Trần Tuấn Anh, UVBCT,
- Trưởng Ban Kinh tế TW (để báo cáo);
- Văn phòng và các ban đảng TW (để báo cáo);
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ Khối;
- Các ban, đơn vị của Đảng ủy Khối;
- Các đảng ủy trực thuộc;
- Lưu VT.

T/M BAN CHẤP HÀNH

BÍ THƯ

(Đã ký)

Nguyễn Long Hải

**ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP TW
ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2023

Số: 407 - KH/ĐU

KẾ HOẠCH

**TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG VỀ
XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP THEO
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI MỘT BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG KHÓA III
(Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK, ngày 28/4/2023)**

Năm 2019, trước những khó khăn, thách thức trong nội tại và khách quan, nhằm xây dựng lại hình ảnh của Tập đoàn kinh tế kỹ thuật hàng đầu đất nước; nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp, kế thừa những giá trị văn hóa của quá trình xây dựng và phát triển, Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn) đã ban hành Nghị quyết 281 - NQ/ĐU, ngày 15/5/2019 về công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp (gọi tắt là Nghị quyết 281). Sau 03 năm triển khai, Đảng ủy Tập đoàn tổ chức sơ kết, đánh giá những kết quả đã đạt được, bổ sung, cụ thể các giải pháp cho giai đoạn tiếp theo và ban hành Kết luận số 234 - KL/ĐU, ngày 18/8/2022 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 281 (Kết luận 234). Thống nhất chỉ đạo từ Đảng ủy, Tổng Giám đốc Tập đoàn đã ban hành Kế hoạch số 3623/KH-DKVN, ngày 03/7/2019 về công tác truyền thông và văn hoá doanh nghiệp (TT&VHDN); ngày 27/11/2019, Hội đồng thành viên Tập đoàn đã ban hành Quyết định số 6774/QĐ-DKVN phê duyệt Đề án tái tạo văn hoá Petrovietnam (Đề án) và thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Đề án; cùng với đó là hệ thống hơn 40 văn bản được ban hành trong những năm qua thể hiện sự quyết tâm, đồng thuận, nhất quán của cả hệ thống chính trị trong công tác xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK, ngày 28/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương, Kế hoạch số 89-KH/ĐUK, ngày 06/6/2023 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn ban hành Kế hoạch tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương khóa III (Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK, ngày 28/4/2023) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Tiếp tục phát huy những giá trị đã đạt được, để văn hóa doanh nghiệp là sức mạnh nội sinh bền vững của mỗi đơn vị, thực hiện Nghị quyết 06-NQ/ĐUK của Đảng ủy Khối, gắn với tiếp tục triển khai Nghị quyết 281, Kết luận 234 của Đảng ủy Tập đoàn.

- Định hình giá trị cốt lõi “Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình”, xây dựng được văn hóa nền tảng, từng bước làm giàu văn hóa bản sắc; xác định văn hoá doanh nghiệp là lực lượng sản xuất trực tiếp, văn hoá đi trước, định hướng tạo đà cho tái tạo kinh doanh, thúc đẩy, hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững, nâng cao vị thế và uy tín của Tập đoàn, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ Tập đoàn trong sạch, vững mạnh.

- Quán triệt quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế - chính trị - xã hội”, công tác xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các doanh nghiệp, đoàn thể cần được triển khai đồng bộ, thiết thực, hiệu quả.

II. NỘI DUNG:

1. Quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK của Đảng ủy Khối gắn với tiếp tục triển khai Nghị quyết 281 và Kết luận 234. Căn cứ Nghị quyết/Kết luận của Đảng ủy Khối, Đảng ủy Tập đoàn, 100% Chi/Đảng bộ trực thuộc xây dựng, ban hành Nghị quyết chuyên đề (trường hợp đã ban hành nghị quyết, yêu cầu cấp ủy ban hành: kết luận, kế hoạch, chương trình hành động) về văn hóa doanh nghiệp; chỉ đạo, phối hợp với lãnh đạo đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt bàn giải pháp, phương hướng tiếp tục triển khai thực hiện (hoàn thành trong quý III/2023).

2. Xác định phát triển văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, từ đó gắn mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng văn hóa doanh nghiệp phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của chiến lược phát triển Tập đoàn và từng đơn vị (sau khi chiến lược được cấp thẩm quyền phê duyệt).

3. Chỉ đạo triển khai Bộ tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam, 100% doanh nghiệp chưa đạt chuẩn và đơn vị thành viên của các doanh nghiệp đã đạt chuẩn đăng ký xây dựng doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam, phấn đấu hết nhiệm kỳ 2020-2025 trên 30% doanh nghiệp thuộc Tập đoàn được công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”.

4. Hợp nhất các đầu mối tham mưu, thực hiện chức năng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, truyền thông, an sinh xã hội; tiến tới thành lập Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp khi đảm bảo điều kiện. Bố trí nguồn lực, nhân lực, thời gian, tài chính cho xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

5. Thực hiện trách nhiệm xã hội gắn với bảo vệ môi trường, các hoạt động từ thiện, nhân đạo, tri ân người có công với cách mạng, gia đình chính sách, chia sẻ với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người, giữ gìn di sản văn hóa dân tộc (thực hiện thường xuyên).

6. Tổ chức sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chuyên đề chi bộ, 100% đơn vị phổ cập đào tạo, huấn luyện về thực hiện quy định, quy tắc ứng xử văn hóa doanh nghiệp. 100% cán bộ, đảng viên và tối thiểu 90% người lao động thực hiện nghiêm túc các quy định, quy tắc ứng xử về văn hóa doanh nghiệp.

7. Kết hợp thực hiện một nhiệm vụ để giải quyết nhiều mục tiêu, nhiệm vụ khác nhau, làm tốt công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp đồng thời làm tốt việc triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), các kết luận, quy định của Trung ương khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ và các hoạt động xã hội; xây dựng văn hóa số trong giai đoạn chuyển đổi số; thông qua các hoạt động phát hiện các nhân tố, mô hình, cá nhân tiêu biểu để nhân rộng, lan tỏa các giá trị văn hóa (thực hiện thường xuyên).

8. Đưa nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm; tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, người lao động (thực hiện thường xuyên).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Hội đồng Thành viên Tập đoàn trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển đến 2030, tầm nhìn 2045, chỉ đạo hoàn thiện sứ mệnh, tầm nhìn gắn với thương hiệu, nhãn hiệu của Tập đoàn.

2. Tổng giám đốc Tập đoàn trên cơ sở Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương, thúc đẩy triển khai hiệu quả Đề án tái tạo

văn hóa Petrovietnam. Kiện toàn tổ triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam trong tháng 7/2023.

3. Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn chủ trì, phối hợp Tổ triển khai Đề án tái tạo văn hóa Petrovietnam, Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này; Chỉ đạo các tạp chí, bản tin, trang tin điện tử trong Tập đoàn triển khai tuyên truyền việc thực hiện Kế hoạch; Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy kết quả thực hiện.

4. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn bổ sung kế hoạch, phối hợp với Ban Tuyên giáo Đảng ủy kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các đoàn thể trực thuộc căn cứ vào tình hình cụ thể triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Đảng ủy Tập đoàn.

Nơi nhận:

- ĐUK DNTW (để b/cáo),
- BCS Đảng UBQLVNN tại DN (để b/cáo),
- Ban TG ĐUK DNTW (để b/cáo),
- Các đ/c UVBCH ĐB, TV.HĐTV,
- TGD, P.TGD Tập đoàn (để c/d và t/h),
- CĐ ĐKVN, ĐTN, Hội CCB TĐ (để t/h),
- Các cấp ủy trực thuộc (để t/h),
- Lãnh đạo các đơn vị thuộc TĐ (để t/h),
- Các Ban/VP/VPĐU TĐ (để t/h),
- Lưu Ban TGDƯ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
(Đã ký)

Phạm Xuân Cảnh


TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6774/QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT “ĐỀ ÁN TÁI TẠO VĂN HÓA PETROVIETNAM” VÀ THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ biên bản số 6434/BB-DKVN ngày 08/11/2019 biên bản họp Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn tại công văn số 137/CVNB-ĐCT ngày 12/9/2019, 166/CVNB-ĐCT ngày 01/11/2019, 177/CVNB-ĐCT ngày 22/11/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án tái tạo Văn hóa Petrovietnam” (đề án) tại Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thành lập Ban chỉ đạo triển khai đề án với nội dung như các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Tập đoàn, các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội và các đơn vị của Tập đoàn triển khai thực hiện Đề án. Ban chỉ đạo tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Tổng giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện “Đề án tái tạo Văn hóa Petrovietnam” tại Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; xác định, lựa chọn chuyên gia có năng lực để tư vấn trong quá trình triển khai đề án.

Điều 4. Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng/ Trưởng các Ban thuộc Tập đoàn, và Người đại diện phân vốn của PVN tại các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Đảng ủy Tập đoàn (b/cáo);
- Các Thành viên HĐQT Tập đoàn (e-copy);
- Tổng giám đốc, các Phó TGĐ Tập đoàn (e-copy);
- Kiểm soát viên Tập đoàn;
- Công đoàn, Đoàn TN, Hội CCB Tập đoàn /CQTĐ;
- Các Ban/Văn phòng Tập đoàn (e-copy);
- Người ĐDPV của PVN tại các đơn vị;

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Sỹ Thanh

PHỤ LỤC 01

ĐỀ ÁN TÁI TẠO VĂN HÓA PETROVIETNAM TẠI CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6774 /QĐ-DKVN
ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng thành viên
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. SỰ CẦN THIẾT

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có lịch sử phát triển lâu dài nhờ đó văn hóa dầu khí đã hình thành và phát triển mà đỉnh cao là tinh thần nhiệt huyết của những người đi tìm lửa. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan văn hóa dầu khí chưa được nhận diện mà cụ thể là hệ thống giá trị văn hóa chưa được rõ nét, còn mơ hồ. Vì vậy, tái tạo lại văn hóa dầu khí là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhận diện những giá trị cốt lõi của văn hóa Dầu khí đã được định hình cho đến nay.

2. Hoàn thiện, hệ thống các giá trị cốt lõi phù hợp điều kiện hiện nay, sàng lọc, bảo vệ giá trị văn hóa nền tảng; bổ sung những giá trị văn hóa ưu việt; từng bước loại bỏ những yếu tố văn hóa không phù hợp ảnh hưởng, cản trở sự phát triển bền vững của Tập đoàn; phát huy những giá trị văn hóa chọn lọc. Xây dựng văn hóa bản sắc, xây dựng hình ảnh người Dầu khí “Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình”.

3. Phổ biến đến toàn thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) tại PVN được thông tin đầy đủ, nhận thức đúng về VHDN và vai trò của VHDN trong sự phát triển bền vững của Tập đoàn; trong đó “Cẩm nang Văn hóa Dầu khí” (CNVHDK) là tài liệu văn hóa quan trọng và không thể thiếu trong công tác quản trị, hướng đến tính tự chủ ở mỗi CBCNV, từ đó chủ động, tự giác thực hiện Văn hóa Petrovietnam một cách tự nguyện, tự nhiên, trở thành thói quen hằng ngày.

4. Lãnh đạo Tập đoàn, các Ban/Văn phòng gương mẫu trong thực hiện CNVHDK.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

1. Thực hiện tuyên truyền phổ biến CNVHDK bằng nhiều hình thức: tuyên truyền miệng; ấn phẩm tuyên truyền trực quan; các phương tiện truyền thông của Tập đoàn như tạp chí, website, intraweb, hệ thống màn hình trong tòa nhà,...; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, sáng tác văn học, tiểu phẩm... về chủ đề Văn hóa Petrovietnam; hoàn thiện Hệ thống nhận diện Thương hiệu Tập đoàn.

2. Hoàn thiện các quy chế, quy định trong xử lý, giải quyết công việc làm căn cứ xây dựng văn hóa thực thi công việc, tính tuân thủ và hiệu quả; Xây dựng đoàn kết nội bộ gắn với kỷ cương, kết quả công việc và hiệu quả lao động... tạo thói quen trong tư duy và hành vi của đội ngũ làm cơ sở tái tạo văn hóa dầu khí trong hệ sinh thái quản trị hiệu quả.

3. Sắp xếp vị trí làm việc của các Ban/Văn phòng khoa học, đổi mới hình ảnh, không gian làm việc, tạo nét riêng biệt của từng Ban/Văn phòng Tập đoàn thông qua việc trang trí phòng làm việc, hành lang xanh, sạch, đẹp gắn với tuyên truyền hình ảnh những công trình, lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn, hình ảnh hoạt động của các Ban/Văn phòng. Triển khai thực hiện quy trình 5S.

Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đời sống văn hóa, nâng cao thể chất cho CBCNV như: phòng truyền thống, khu lưu niệm, phòng đọc sách, phòng tập luyện thể dục, thể thao...

4. Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo cho toàn thể CBCNV theo mô hình phát triển năng lực: năng lực chuyên môn, năng lực văn hóa, năng lực lãnh đạo, các kỹ năng bổ trợ. Xây dựng văn hóa học tập, hướng đến một tổ chức học tập bằng cách thúc đẩy tinh thần tự học, tự đào tạo, Lãnh đạo Tập đoàn trực tiếp tham gia hướng dẫn, đào tạo cho CBCNV.

Thuê các chuyên gia, đối tác uy tín tư vấn, xây dựng dự án tái tạo Văn hóa Petrovietnam.

5. Định kỳ tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết, chia sẻ giữa CBCNV thông qua các hình thức: teambuilding, ngày hội gia đình, chương trình gặp mặt tọa đàm giữa lãnh đạo và CBCNV, tổ chức các cuộc thi, các hoạt động giao lưu thể thao, văn hóa, văn nghệ ...

6. Có hình thức khen thưởng phù hợp cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; phê bình, xử phạt các tập thể, cá nhân không thực hiện theo đúng quy định.

7. “Đề án tái tạo Văn hóa Petrovietnam” được thực hiện theo từng giai đoạn, trên cơ sở nhiệm vụ chung. Trong dịp tuần lễ Văn hóa Dầu khí - Tháng 8 hằng năm, Tập đoàn tổ chức đánh giá và xây dựng kế hoạch triển khai các chương trình cụ thể của năm tiếp theo, làm cơ sở thực hiện tại Công ty Mẹ - Tập đoàn và áp dụng tại các đơn vị thành viên. Trước mắt tập trung triển khai một số hoạt động trọng tâm trong năm 2020 (phụ lục kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban TT&VHDN giữ vai trò điều phối xuyên suốt, là đầu mối phối hợp với các Ban/Văn phòng, Tổ triển khai, giám sát thực hiện CNVHDK và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng nội dung triển khai, theo từng giai đoạn, báo cáo Tổng giám đốc phê duyệt.

Phối hợp với Ban Tổ chức và Quản trị nguồn nhân lực, Văn phòng Tập đoàn xây dựng các ngày truyền thống và nghi lễ văn hóa của Petrovietnam; hệ thống giải thưởng và hình thức xử lý vi phạm Văn hoá Petrovietnam.

Tham mưu chương trình họp, làm việc định kỳ của lãnh đạo với các Ban/Văn phòng, các tổ chức về xây dựng VHDK.

2. Ban Tổ chức và Quản trị nguồn nhân lực chủ trì, phối hợp với Ban TT&VHDN triển khai thực hiện nội dung 4, 6; đề xuất, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo: mỗi CBCNV 01 năm ít nhất được tham gia 01 khóa học kỹ năng làm mới bản thân, xây dựng thói quen tốt.

3. Văn phòng Tập đoàn chủ trì thực hiện nội dung số 2, 3.
- Phối hợp với Ban Pháp chế - Kiểm tra thực hiện nội dung số 2
 - Phối hợp với Ban TT&VHDN, Công đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện nội dung số 3.

4. Ban Pháp chế - Kiểm tra: Tham gia thực hiện nội dung 1
- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Hệ thống nhận diện Thương hiệu Tập đoàn.

5. Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, các Ban/Văn phòng thường xuyên tuyên truyền CBCNV, hội viên thực hiện tốt CNVHDK, triển khai thực hiện nội dung 1 và 5; tham gia tích cực, thực hiện trách nhiệm các nội dung trong quá trình triển khai đề án tái tạo VHDK.

- Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh cơ quan Tập đoàn phối hợp tổ chức tốt các hội thi, hội diễn, các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao... (mỗi quý tổ chức ít nhất một hoạt động); thành lập các câu lạc bộ sở thích lành mạnh; hướng dẫn, giám sát người lao động thực hiện các nội dung của đề án.

6. Ban Kinh tế - Đầu tư, Ban Tài chính - Kế toán có trách nhiệm tổng hợp, điều tiết nguồn chi phí đảm bảo cho các hoạt động triển khai đề án trên cơ sở đề xuất của các Ban/Văn phòng. Trước hết bố trí nguồn chi phí kế hoạch năm 2020 và các năm tiếp theo để thực hiện đề án.

7. Tổ triển khai, giám sát thực hiện CNVHDK nêu cao vai trò giám sát của Ban thanh tra nhân dân; hình thành các đội giám sát thực hiện VHDK; tham mưu đề xuất các hình thức khen thưởng, chế tài trong quá trình triển khai thực hiện văn hóa Dầu khí.

Ban/Văn phòng thuộc thành phần Tổ triển khai, giám sát thực hiện CNVHDK được phân công làm đầu mối phụ trách các nội dung có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng nội dung, đề xuất các Ban/Văn phòng, các tổ chức phối hợp thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

V. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai đề án được đưa vào chi phí quản lý của Công ty mẹ - Tập đoàn theo kế hoạch phê duyệt hằng năm; trong

quá trình triển khai đối với những nội dung phát sinh ngoài kế hoạch cần thực hiện chi phí do Tổng giám đốc quyết định phê duyệt từ nguồn dự phòng/trình HĐQT phê duyệt.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI TRONG TỪNG NĂM

Kèm theo Đề án tái tạo Văn hóa Petrovietnam

TT	Nội dung	Thời gian	Ban đầu mối phụ trách
	Năm 2019		
1.	Hội nghị triển khai đề án “Tái tạo Văn hóa Petrovietnam”	Quý IV	Ban TT&VHDN
2.	Thành lập các đội kiểm tra thực hiện Văn hóa Dầu khí		Tổ triển khai và giám sát thực hiện VHDK
	Năm 2020		
3	Xây dựng dự án “Tái tạo văn hóa Petrovietnam” Khảo sát, đánh giá hiện trạng thực hiện văn hóa tại cơ quan Tập đoàn	Quý I	Ban TT&VHDN
4	Hoàn thiện cẩm nang Văn hóa Dầu khí - Các ngày truyền thống và nghi lễ văn hóa của Petrovietnam. - Hệ thống giải thưởng Văn hoá Petrovietnam		
5	Triển khai may đồng phục, làm thẻ nhân viên mới		Văn phòng Tập đoàn
6	Tổ chức đào tạo thực hiện quy trình 5S		Ban TC&QTNNL
7	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Hệ thống nhận diện Thương hiệu Tập đoàn		Ban Pháp chế và Kiểm tra

8	Xây dựng phòng đọc sách	Quý II	Văn phòng Tập đoàn
9	Xây dựng phòng thể thao		
10	Xây dựng Phòng truyền thống Dầu khí		
11	Đề xuất phê duyệt phương án quy hoạch tổng thể khu lưu niệm công trình Dầu khí đầu tiên tại Việt Nam		Ban TT&VHDN
12	Thiết kế các ấn phẩm tuyên truyền thống nhất bộ nhận diện thương hiệu		
13	Tổ chức Tết thiếu nhi cho con CBNV Cơ quan Tập đoàn	Quý III	Đoàn Thanh niên cơ quan Tập đoàn
14	Tổ chức tuyên dương học sinh đạt thành tích cao con CBNV Cơ quan Tập đoàn		
15	Tổ chức ngày hội gia đình Cơ quan Tập đoàn		Công đoàn Cơ quan
16	Tổ chức hoạt động về nguồn, giáo dục truyền thống lịch sử		Hội Cựu chiến binh Cơ quan Tập đoàn
17	Đánh giá kết quả 01 năm triển khai đề án	Quý IV	Ban TT&VHDN
18	Đào tạo các chương trình phát triển năng lực, các kỹ năng bổ trợ	Cả năm	Ban TC&QTNNL
19	Sắp xếp bố trí lại vị trí làm việc cho Ban/Văn phòng, trang trí hành lang các tầng trong tòa nhà		Văn phòng Tập đoàn
20	Biên soạn lược sử ngành Dầu khí		Ban TT&VHDN
21	Tổ chức triển khai các nội dung thực hiện dự án “Tái tạo văn hóa Petrovietnam”		
22	Tổ chức chương trình sinh hoạt nghiệp vụ		Các ban

Các năm tiếp theo: Tổng giám đốc căn cứ kết quả thực hiện của năm trước, điều kiện cụ thể từng năm xây dựng chương trình hoạt động phù hợp triển khai các nhiệm vụ chung.

PHỤ LỤC 02 BAN CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định 6774 /QĐ-DKVN ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

STT	Họ và tên, Chức danh	Nhiệm vụ trong Ban chỉ đạo
1	Ông Trần Sỹ Thanh, Chủ tịch HĐTV	Trưởng ban
2	Ông Lê Mạnh Hùng, Thành viên HĐTV, Tổng giám đốc Tập đoàn	Phó Trưởng ban thường trực
3	Ông Đỗ Chí Thanh, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn	Phó trưởng ban
4	Ông Trần Quang Dũng, Trưởng Ban TT&VHDN	Thành viên thường trực
5	Bà Nghiêm Thùy Lan, Chủ tịch Công đoàn Dầu khí VN	Thành viên
6	Bà Bùi Thị Nguyệt, Trưởng ban TC&QTNNL	Thành viên
7	Ông Trần Bình Minh, Chánh Văn phòng	Thành viên
8	Bà Mai Thị Nhật Lan, Trưởng ban PC&KTr	Thành viên

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 6825/QĐ-DKVN ngày 29/11/2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc ban hành “Quy chế quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 6526/QĐ-DKVN ngày 12/11/2021 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Hội đồng Thành viên PVN phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn tại công văn số 91/CVNB-ĐCT ngày 05/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nhãn hiệu PVN) mẫu kèm theo.

Điều 2. Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu PVN theo quy định và ban hành hệ thống nhận diện thương hiệu thống nhất, đồng bộ.

Điều 3. Nhãn hiệu PVN được sử dụng thống nhất trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Điều 4. Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng/ Trưởng các Ban thuộc Tập đoàn, và Thủ trưởng/Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Đảng ủy Tập đoàn (b/cáo);
- HĐTV Tập đoàn (e-copy);
- Ban TGD Tập đoàn (e-copy);
- Kiểm soát viên Tập đoàn;
- Công đoàn DKVN, Đoàn TN, Hội CCB TĐ;
- Lưu: VT, HĐTV(11b).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TUQ. CHỦ TỊCH

THÀNH VIÊN

(Đã ký)

Phạm Xuân Cảnh

MẪU NHÃN HIỆU PETROVIETNAM

(Kèm theo Quyết định số 6655 ngày 18/11/2021
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

1. Mô tả nhãn hiệu Petrovietnam

Nhãn hiệu Petrovietnam là một thể thống nhất, kết hợp giữa biểu tượng ngọn lửa đỏ và hàng chữ màu xanh PETROVIETNAM - tên giao dịch quốc tế của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Dòng chữ PETROVIETNAM màu xanh biển bố cục chặt chẽ, đồng nhất thể hiện sự mạnh mẽ, vững chãi; màu xanh biển cũng thể hiện vùng hoạt động đặc trưng của Petrovietnam gắn với sứ mệnh bảo vệ vùng biển, vùng trời Tổ quốc. Ngọn lửa đỏ thể hiện năng lượng tràn đầy, tinh thần nhiệt huyết, tiên phong; ngọn lửa bay lên thể hiện sự chuyển động, thích ứng linh hoạt của thương hiệu; ngọn lửa được cách điệu tạo hình dáng đất nước Việt Nam một lần nữa khẳng định sự gắn kết không thể tách rời sứ mệnh của Petrovietnam với đất nước.

Cùng với màu nguyên bản, kết hợp với giải pháp màu chuyển, nhãn hiệu Petrovietnam cho thấy một sự sống động trong tinh thần của Petrovietnam, sự năng động, hiện đại, tinh thần quốc tế hóa, cùng xu hướng số hoá, dễ dàng ứng dụng và nổi bật trên các phương tiện truyền thông kỹ thuật số.

2. Mẫu nhãn hiệu Petrovietnam và phương án dựng vẽ

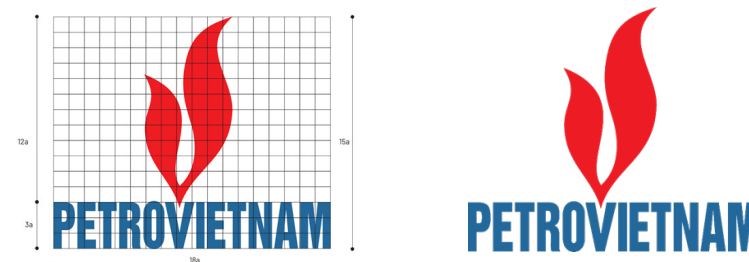
Các chi tiết chính của Nhãn hiệu PVN gồm ngọn lửa đỏ hai nhánh và hàng chữ PETROVIETNAM. Việc xác định tọa độ của các chi tiết khi dựng vẽ được hỗ trợ bằng các ô lưới có kích thước cạnh quy ước như sau:

a) Quy định về phương pháp dựng vẽ các chi tiết chính của nhãn hiệu PVN:

- Ngọn lửa đỏ hai nhánh: Ngọn lửa bùng lên từ lòng chữ V của dòng chữ PETROVIETNAM cách cạnh đáy dưới của khung chữ PETROVIETNAM 2,75a. Hai nhánh lửa được vẽ tròn trong hình chữ nhật kích thước (6a x 13a). Có chiều cao gấp 4 lần chiều cao

của chữ PETROVIETNAM. Nhánh lửa bên phải cao 12a; nhánh lửa bên trái cao 8,5a.

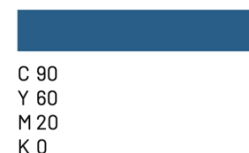
- Dòng chữ PETROVIETNAM màu xanh, được thiết kế trên cơ sở hiệu chỉnh một số ký tự và khoảng cách giữa các chữ trên nền font UTM HelvetIns (thuộc bộ chữ ABC), có chiều cao bằng 3a, trải dài theo chiều ngang là 18a.



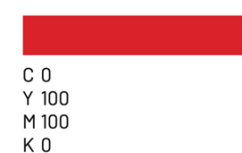
b) Quy định về màu sắc của Nhãn hiệu Petrovietnam theo các hệ màu tương đương như sau:

• Với màu solid

Màu dòng chữ PETROVIETNAM – BLUE



Màu ngọn lửa – RED

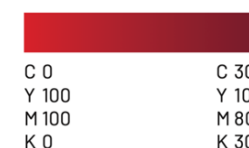


• Với màu chuyển

Màu dòng chữ PETROVIETNAM – BLUE



Màu ngọn lửa – RED



c) Mô tả Nhân hiệu Petrovietnam theo các hệ màu tương đương như sau:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM

*

Số: 6656/QĐ-DKVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt và ban hành “Sổ tay văn hóa Petrovietnam”

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 6825/QĐ-DKVN ngày 29/11/2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc ban hành “Quy chế quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 6526/QĐ-DKVN ngày 12/11/2021 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Hội đồng Thành viên PVN phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn tại công văn số 91/CVNB-ĐCT ngày 05/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo quyết định này “Sổ tay Văn hóa Petrovietnam”.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 6899/QĐ-DKVN ngày 12/11/2018 và quyết định số 7889/QĐ-DKVN ngày 11/12/2018 của Hội đồng Thành viên. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm chỉ đạo, áp dụng thực hiện “Sổ tay Văn hóa Petrovietnam” trong toàn Tập đoàn, đây là nội dung đào tạo nhập môn cho tất cả cán bộ, người lao động tham gia làm việc trong Tập đoàn.

Điều 4. Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban thuộc Tập đoàn, và Thủ trưởng/Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Đảng ủy Tập đoàn (b/cáo);
- HĐQT Tập đoàn (e-copy);
- Ban TGD Tập đoàn (e-copy);
- Kiểm soát viên Tập đoàn;
- Công đoàn DKVN, Đoàn TN, Hội CCB TD;
- Lưu: VT, HĐQT(11b).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TUQ. CHỦ TỊCH

THÀNH VIÊN

(Đã ký)

Phạm Xuân Cảnh

SỔ TAY VĂN HÓA PETROVIETNAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6656/QĐ-DKVN ngày 18/11/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Ngày 27/11/1961 đánh dấu sự hình thành tổ chức đầu tiên của những người lao động Dầu khí và trở thành Ngày truyền thống của ngành Dầu khí Việt Nam.

Lịch sử hình thành phát triển của ngành Dầu khí Việt Nam gắn liền với những đổi thay của đất nước. Trải qua thành công và thất bại, bằng sự bền bỉ, sáng tạo và cả nhọc nhằn của những bàn tay, khối óc, với biết bao mồ hôi, nước mắt, những thế hệ người lao động Dầu khí đã chung tay xây dựng nên ngôi nhà Dầu khí hôm nay.

Cốt cách và bản sắc riêng biệt của người lao động Dầu khí được kết tinh cùng năm tháng đã tạo nên truyền thống văn hóa của những người đi tìm lửa.

Ngọn lửa Dầu khí được truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác tạo nên bản sắc của văn hoá Dầu khí; là giá trị mà người Dầu khí trân trọng, gìn giữ và phát triển; coi đó là phương thức hành xử để người Dầu khí luôn được nhận ra dù ở bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào.

Giữ cho ngọn lửa truyền thống luôn bùng sáng, sưởi ấm trái tim và hun đúc nhiệt huyết của các thế hệ người lao động Dầu khí là nền tảng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam).

Sổ tay văn hóa Petrovietnam là tài liệu mà người lao động Petrovietnam luôn nắm rõ, cam kết thực hiện và cùng tham gia giám sát, điều chỉnh để tài liệu này thực sự là cách hiểu, cách sống và cách làm việc của người lao động Petrovietnam. Mỗi người lao động Petrovietnam không chỉ là người thụ hưởng văn hóa mà còn là người kiến tạo văn hóa Petrovietnam.

I. TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

1. Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn năng lượng hàng đầu đất nước, khu vực, có vị thế trên trường quốc tế.

2. Sứ mệnh

Tối ưu hóa nguồn năng lượng dầu khí, phát triển bền vững các nguồn năng lượng mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Khẩu hiệu

“Petrovietnam - Năng lượng cho phát triển”

II. GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình”

Giá trị cốt lõi là “kim chỉ nam” định hướng về thái độ hành xử của người lao động, là những giá trị mang tính phổ quát, bền vững và được áp dụng tại Petrovietnam.

1. Khát vọng

Khát vọng là giá trị truyền thống và phẩm chất đáng quý của người lao động Petrovietnam. Giá trị này kế thừa từ lịch sử, với hình ảnh “những người đi tìm lửa” từ những ngày đầu thành lập ngành Dầu khí Việt Nam. Nhờ có khát vọng mà bao thế hệ người lao động Petrovietnam đã kiên trì học hỏi, đồng cam cộng khổ, dấn thân vào thử thách và luôn cháy bỏng khát vọng “tìm dầu để làm giàu cho Tổ quốc”. Điều đó tạo nên sự khác biệt và là nền tảng cho những thành công của Petrovietnam.

Để nuôi dưỡng “Khát vọng”, người lao động Petrovietnam cần:

- **Sống nhiệt huyết đam mê:** Luôn khát khao và chinh phục các đỉnh cao nghề nghiệp.

- **Dám dấn thân, cống hiến:** Luôn làm việc hết mình, không quản ngại khó khăn và thử thách. Luôn tận tâm, tận lực vì mục tiêu chung.

- **Rèn trí lực, thể lực:** Nuôi dưỡng sức khỏe thể chất, rèn luyện ý chí và sức khỏe tinh thần.

- **Trần trở tìm giải pháp:** Giữ tinh thần tích cực và luôn nghiên cứu, đưa ra giải pháp tốt hơn cho mọi vấn đề.

- **Vươn đến tầm khu vực:** Cam kết thúc đẩy bản thân cùng đội ngũ đạt đến đẳng cấp cao hơn và thành tựu lớn hơn.

2. Trí tuệ

Nếu “Khát vọng” là ngọn lửa thôi thúc bên trong để người lao động Petrovietnam mỗi ngày cống hiến, thì “Trí tuệ” chính là chiếc la bàn để sự cống hiến đó trở thành hiện thực. Hoạt động trong lĩnh vực đòi hỏi độ phức tạp về khoa học - kỹ thuật, mỗi người lao động Petrovietnam phải biết sử dụng và khai thác một cách tối ưu trí tuệ của mình, trí tuệ của tập thể và trí tuệ của nhân loại. Petrovietnam có được sự phát triển như ngày hôm nay là kết quả của sự học hỏi, nỗ lực sáng tạo và cải tiến không ngừng của các thế hệ người lao động.

Để nâng cao “Trí tuệ”, người lao động Petrovietnam cần:

- **Chủ động tự học hỏi:** Luôn phát triển năng lực bản thân theo chiến lược của tổ chức.

- **Hoàn thiện hơn mỗi ngày:** Đam mê học hỏi, nghiên cứu và tìm tòi, cập nhật làm phong phú kiến thức của bản thân.

- **Tư duy và phản biện:** Luôn suy nghĩ đa chiều, tôn trọng sự khác biệt, hướng tới mục tiêu chung.

- **Sáng tạo và đột phá:** Đề xuất nhiều giải pháp, lựa chọn cách làm hay, tạo giá trị khác biệt.

- **Đạt tiêu chuẩn thời đại:** Cập nhật kiến thức nghề, chia sẻ cùng đồng nghiệp, hòa nhịp cùng thế giới.

3. Chuyên nghiệp

Là tổ chức đi đầu trong lĩnh vực dầu khí, mang trong mình khả năng hội nhập từ rất sớm, tính chuyên nghiệp phải là phẩm chất mà tất cả người lao động Petrovietnam cần thấm nhuần và thực hành mỗi ngày. Không chỉ thế, đứng trước những thách thức và biến động vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng trở nên

phức tạp và đòi hỏi tiêu chuẩn rất cao, tính “Chuyên nghiệp” càng phải được Petrovietnam ưu tiên hàng đầu.

Để tăng cường “Chuyên nghiệp”, người lao động Petrovietnam cần:

- **Tận tâm và trách nhiệm:** Xác định rõ vai trò, nỗ lực làm đúng và hoàn thành trên mức mong đợi.
- **Chủ động và chuẩn hóa:** Hiểu rõ, làm chủ công việc trong mọi hoàn cảnh, thiết lập hệ thống quy trình chuẩn mực.
- **Minh bạch và kỷ cương:** Thông tin rõ ràng, đầy đủ và kịp thời, thực thi đúng quy định.
- **Hỗ trợ và cộng tác:** Cùng chung chí hướng, phối hợp nhịp nhàng, tối ưu hiệu suất.
- **Là đối tác đáng tin:** Thấu hiểu các bên có liên quan, thực hiện tốt nhất trách nhiệm và cam kết.

4. Nghĩa tình

Mỗi thành tựu và bước tiến của Petrovietnam đều có sự đóng góp và hy sinh thầm lặng của những người trong và ngoài Ngành Dầu khí, cũng như sự ưu ái và ban tặng của thiên nhiên. Ý thức được điều này, các thế hệ người lao động Petrovietnam luôn sống với nhau một cách nghĩa tình, đây là chất keo gắn kết, là nét văn hóa riêng của Petrovietnam.

Để gìn giữ “Nghĩa tình”, người lao động Petrovietnam cần:

- **Biết ơn người đi trước:** Trân quý sự đóng góp của các thế hệ trong và ngoài ngành cho hoạt động của Petrovietnam, trách nhiệm trong các hoạt động tri ân.
- **Quan tâm đến đồng nghiệp:** Lắng nghe đồng cảm, chia sẻ thẳng thắn, góp ý mang tính xây dựng, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc và cuộc sống.
- **Đối đãi nhau thân ái:** Cư xử với nhau bằng tấm lòng nhân ái để cơ quan là nhà, đồng nghiệp là anh em, đi xa thấy nhớ, ấm áp khi về.
- **Biết quý trọng thiên nhiên:** Luôn có thái độ trân trọng, hành động bảo vệ thiên nhiên

- **Cống hiến vì tập thể:** Hành động vì lợi ích chung, sống trách nhiệm với cộng đồng. Dám lên tiếng bảo vệ lợi ích chính đáng và sự bình đẳng về cơ hội.

III. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

“Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả”

Phương châm hành động là nguyên tắc cao nhất chi phối hành động của người lao động Petrovietnam. Đây chính là cách người lao động Petrovietnam kiến tạo ra những giá trị tối ưu trong công việc.

1. Đoàn kết

Đoàn kết tạo nên sức mạnh. Đoàn kết là tôn trọng, thấu hiểu, chia sẻ và thống nhất về ý chí, hành động vì mục tiêu chung.

- **Tôn trọng góc nhìn đa chiều,** luôn đặt mình vào hoàn cảnh của đồng nghiệp, phòng, ban, đơn vị khác để thấu hiểu và đồng cảm; không đổ lỗi, ngụy biện mà cùng xây dựng “văn hóa nhận lỗi”. Sẵn sàng chia sẻ thông tin, hỗ trợ và phối hợp để cùng hoàn thành công việc.

- **Hiểu rõ mục tiêu chung,** tăng cường tự đào tạo và đào tạo nội bộ, thực hiện tốt văn hóa làm việc nhóm. Chủ động tham gia các hoạt động tập thể, quan tâm hỗ trợ đồng nghiệp.

- **Rà soát hệ thống quản lý,** phân công/phân nhiệm, quy trình công việc để hiểu rõ phạm vi trách nhiệm của bản thân, gia tăng tốc độ và hiệu quả phối kết hợp. Khi phát hiện mâu thuẫn, luôn đề xuất giải pháp xử lý kịp thời, không để phát sinh đơn thư khiếu kiện.

2. Kỷ cương

Kỷ cương là thượng tôn pháp luật, tuân thủ các quy tắc đạo đức, quy định của công ty và các nghĩa vụ thuộc phạm vi trách nhiệm, đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng.

- **Tuân thủ pháp luật,** thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định, nội quy của công ty và Tập đoàn. Chấp hành theo đúng phân công, quyền hạn, nghĩa vụ và quy trình nghiệp vụ.

- Có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo tần suất, tiến độ và chất lượng công việc. Tham gia đầy đủ, nghiêm túc tất cả các kỳ họp, các khóa đào tạo/huấn luyện và các sự kiện theo yêu cầu của tổ chức.

- Lãnh đạo gương mẫu, cán bộ nhân viên có trách nhiệm tuân thủ, giám sát, ngăn chặn và báo cáo kịp thời các vi phạm đến cấp có thẩm quyền.

3. Sáng tạo

Sáng tạo là tạo ra cách làm mới mang lại kết quả tốt hơn và hiệu quả cao hơn.

- Có đề xuất/sáng kiến/giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, tháo gỡ khó khăn đối với nhiệm vụ được phân công.

- Thực hiện tốt công tác cải tiến và nâng cấp hoạt động quản trị ở các bộ phận chức năng và cả tổ chức. Thực hiện văn hóa 5S, văn hóa số.

- Khuyến khích, ghi nhận, khen thưởng các sáng kiến nâng cao chất lượng, hiệu quả và hiệu suất công việc cho cá nhân, bộ phận và cả tổ chức.

4. Hiệu quả

Hiệu quả là đạt được mục tiêu tối ưu trong hiện tại, đồng thời tạo tiền đề để đạt được kết quả lớn hơn trong tương lai.

- Suy nghĩ thấu đáo, dự báo các rủi ro, làm việc có kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát thực thi công việc một cách khoa học.

- Sử dụng tối ưu các nguồn lực (con người, nguồn vốn, tài sản, thời gian, công nghệ, thông tin, v.v...) để tăng hiệu suất công việc và hiệu quả quản trị. Tránh thất thoát hoặc gây lãng phí các nguồn lực của tổ chức.

- Hiểu rõ mục tiêu và thước đo kết quả công việc. Thực hành tốt các nguyên lý và thói quen giúp liên tục nâng cao hiệu quả cá nhân và hiệu quả tập thể. Luôn hướng tới hiệu quả cao nhất và nỗ lực để tạo ra những kết quả đột phá.

IV. QUY TẮC ĐẠO ĐỨC

Những quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn là những quy định mang tính bắt buộc thực thi. Quy tắc đạo đức là những quy định về chuẩn mực hành xử (bao gồm những hành vi được mong đợi và những hành vi không được phép thực hiện) của Petrovietnam trong công việc và trong các mối quan hệ.

1. Quy tắc đạo đức của Petrovietnam

a. Trong nội bộ

- Minh bạch, công bằng, công khai trong tuyển dụng, đề bạt, đánh giá nhân sự trên nguyên tắc phù hợp giữa yêu cầu công việc và năng lực người lao động; không định kiến, gian lận hay thiên vị. Thực hiện nhất quán những quy định và nguyên tắc đối với tất cả các thành viên.

- Hình thành môi trường làm việc cởi mở, đối thoại đa chiều, khuyến khích các thành viên bày tỏ ý kiến để xây dựng tập thể. Cam kết bảo vệ quyền lợi, vị trí công việc của các thành viên đấu tranh hoặc đưa ra các quan điểm, ý kiến đúng đắn nhưng bị đe dọa.

- Trao quyền hạn, cung cấp nguồn lực phù hợp theo quy định với từng đối tượng, vị trí; tạo điều kiện cho người lao động thực thi hiệu quả công việc được giao.

- Phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể. Tuy nhiên, trách nhiệm tập thể gắn liền với trách nhiệm cá nhân có liên quan.

- Tôn trọng thông tin, sự riêng tư cá nhân, chỉ sử dụng cho các công việc được pháp luật cho phép. Không truy vấn những vấn đề thuộc về cá nhân mà những vấn đề đó không làm ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích của tổ chức.

b. Với đối tác (khách hàng/nhà cung cấp/cơ quan nhà nước/cộng đồng xã hội)

- Luôn tôn trọng đối tác, minh bạch, công khai trong cung cấp thông tin, hoạt động mua sắm, đấu thầu, đầu tư.

- Ứng xử bình đẳng, thực hiện nhất quán các quy định, nguyên tắc đối với tất cả đối tác.

- Giữ cam kết và bảo mật thông tin của đối tác theo quy định của pháp luật và sự thỏa thuận giữa các bên.

- Xây dựng mối quan hệ gắn kết, hợp tác bền vững với các cơ quan của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp khác.

- Thực hiện trách nhiệm cộng đồng. Cam kết và nỗ lực bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn sản xuất, khai thác và sử dụng tài nguyên một cách tối ưu.

2. Quy tắc đạo đức của người lao động Petrovietnam

- Tôn trọng và tuân thủ các quy định của tổ chức. Giữ cam kết với đối tác. Tuân thủ quy định bảo mật thông tin. Chịu trách nhiệm về hậu quả của việc phát tán thông tin.

- Chấp hành quyết định, phân công của cấp quản lý trực tiếp. Không báo cáo vượt cấp, xử lý và giải quyết công việc vượt quá thẩm quyền theo quy định/phân công.

- Bảo vệ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực được giao. Không lạm dụng quyền hạn, không tư lợi, thiên kiến trong quá trình giải quyết công việc.

- Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn trong lao động, sản xuất. Đề cao tinh thần tiết kiệm, chú trọng bảo vệ môi trường.

- Biết nhận trách nhiệm cá nhân. Trân trọng các góp ý để tiếp thu, sửa chữa. Thẳng thắn thừa nhận và học hỏi từ những sai lầm và khuyết điểm.

3. Quy tắc đạo đức của cán bộ lãnh đạo, quản lý Petrovietnam

Cán bộ lãnh đạo, quản lý là cán bộ được bổ nhiệm các vị trí từ phó ban hoặc tương đương trở lên đang làm việc trong các ban/văn phòng, tổ chức thuộc Tập đoàn và người đại diện được Petrovietnam giới thiệu giữ các chức vụ thành viên HĐQT/HĐTV, Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó tổng giám đốc/Phó giám đốc doanh nghiệp, trưởng/phó các đơn vị sự nghiệp, thành viên Ban kiểm soát, kế toán trưởng tại các đơn vị, cam kết:

- Thực hiện đầy đủ các chức năng quản trị (dự báo, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát) để tạo ra giá trị tối ưu. Tuyệt đối không trốn tránh, thoái thác, đùn đẩy trách nhiệm. Người đứng đầu đơn vị/tổ chức sẵn sàng nhận trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót, dù là nhỏ nhất, xảy ra ở đơn vị/tổ chức phụ trách.

- Gương mẫu trong mọi việc. Thấu hiểu năng lực của nhân viên và phân công nhiệm vụ phù hợp. Tôn trọng và tạo niềm tin cho nhân viên. Bảo vệ danh dự của nhân viên khi bị phản ánh, khiếu nại, tố cáo không đúng sự thật.

- Chủ động phối hợp với các bên liên quan để thực hiện công việc hiệu quả. Công khai và thực hiện các quy trình nghiệp vụ, đảm bảo các yêu cầu được giải quyết đúng luật, đúng thời gian quy định. Trường hợp công việc cần kéo dài quá thời gian quy định, phải thông báo công khai, đề xuất hướng giải quyết với các bên có liên quan.

- Đảm bảo tính chính trực, khách quan trong công việc. Không che giấu và làm sai lệch nội dung phản ánh về những việc không đúng quy định của pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn, mạo danh tổ chức, thực hiện các hoạt động xã hội để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

V. QUY ƯỚC ỨNG XỬ

1. Chuẩn mực giao tiếp

Để xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong giao tiếp, cần đảm bảo nguyên tắc: Giao tiếp với thái độ lịch sự, cởi mở và thân thiện. Từ ngữ ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và truyền cảm. Luôn lắng nghe chân thành, nắm bắt được ý kiến, đề nghị của đồng nghiệp/đối tác, kể cả các ý kiến, đề nghị trái chiều. Nhanh chóng giải quyết hoặc hướng dẫn, giải thích các thắc mắc, đề nghị của đồng nghiệp, đối tác. Trong giao tiếp cần tôn trọng những quy định mang tính quốc tế, phù hợp với phong tục tập quán, văn hóa địa phương, qui định về phòng chống dịch bệnh.

1.1. Giao tiếp trực tiếp

- Chủ động chào hỏi đồng nghiệp khi đến nơi làm việc, trong giờ làm và khi rời công sở bằng thái độ thân thiện.
- Chủ động chào đón/đáp lễ đúng nghi thức xã giao với đối tác, giữ tư thế lưng thẳng, giữ ánh mắt giao tiếp và bắt tay chặt vừa phải. Khi ở vị trí xã hội thấp hơn, ít tuổi hơn hoặc người đối diện là phụ nữ thì cần chờ đối tác giơ tay trước; bắt tay lần lượt theo thứ tự từ người có chức vụ cao hơn, người cao tuổi hơn.
- Chủ động giới thiệu theo nguyên tắc trang trọng và ngắn gọn, từ người có vị trí chức vụ cao đến thấp thuộc đơn vị mình với đối tác trong các cuộc gặp gỡ, hội họp.
- Trao danh thiếp theo hướng đọc của người nhận, thể hiện sự trang trọng. Nhận danh thiếp và nhắc lại tên người trên danh thiếp để thể hiện sự tôn trọng và dễ ghi nhớ.
- Lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi để làm rõ ý và trình bày ý kiến ngắn gọn, rõ ràng và đầy đủ. Chú ý ngôn ngữ hình thể, ánh mắt giao tiếp và ngữ điệu nhằm đảm bảo thông điệp được truyền đi nhất quán và trọn vẹn, tránh hiểu nhầm, hiểu không hết ý.

1.2. Giao tiếp qua điện thoại

- Đặt chuông điện thoại đủ nghe, không làm ảnh hưởng đến người xung quanh.
- Xưng danh trước khi nói chuyện. Mở đầu/kết thúc cuộc gọi bằng lời chào/cảm ơn.
- Nói chuyện điện thoại cần ngắn gọn, rõ ràng, vừa đủ nghe, không bật loa ngoài khi là cuộc gọi cá nhân.
- Khi tham gia hội họp để điện thoại ở chế độ im lặng, không sử dụng điện thoại để nhắn tin, làm việc riêng; hạn chế nhận cuộc gọi, nếu phải trả lời cuộc gọi gấp thì cần xin phép rời phòng họp và trả lời cuộc gọi ngắn gọn, nhanh chóng.
- Cần gọi lại khi có cuộc gọi nhớ của cấp trên/đồng nghiệp/đối tác; kịp thời trả lời khi nhận được tin nhắn.

1.3. Giao tiếp qua các phương tiện điện tử

- Với thư điện tử: đặt tiêu đề ngắn gọn, rõ ràng; không nên gộp nhiều vấn đề vào một thư mà nên tách riêng để tạo thuận lợi cho người nhận phản hồi. Điều chỉnh tiêu đề khi chủ đề đã thay đổi so với thư ban đầu. Văn phong mạch lạc, rõ ý, nên đánh số thứ tự cho các nội dung, nên có câu chào hỏi mở đầu và kết thúc thư. Đọc kiểm tra, rà soát nội dung, chính tả, những từ viết tắt trước khi gửi thư.
- Gửi thư điện tử: chọn đúng người gửi tới và người được gửi kèm (carbon copy/cc) phù hợp. Cần tránh việc lạm dụng trả lời toàn bộ người nhận (reply all), nếu việc trả lời toàn bộ không nhằm mục đích thông tin gì thêm cho những người khác thì chỉ nên trả lời cho người gửi và người được gửi kèm có liên quan. Khi nhận thư, cần trả lời sớm ngay khi có thể.
- Không sử dụng địa chỉ thư điện tử được cơ quan đơn vị cấp để giao dịch cho mục đích cá nhân, kiện cáo hoặc truyền bá những nội dung không lành mạnh. Thực hiện các quy định bảo mật thông tin và cẩn trọng trong phát ngôn. Thư điện tử là một bằng chứng pháp lý được công nhận.
- Tham gia các khóa đào tạo/họp/sự kiện trực tuyến cần: nắm rõ chương trình; chuẩn bị thật kỹ nội dung, biết rõ vai trò cá nhân và mục tiêu cần đạt được khi tham gia; đảm bảo các thiết bị công nghệ, kỹ thuật ổn định, thông suốt trong quá trình tham gia; chủ động chia sẻ thông tin và tích cực thảo luận về các nội dung diễn ra; thể hiện quan điểm, nói lên những ý kiến cá nhân trong mọi vấn đề, để mọi người cùng thảo luận và hỗ trợ.
- Tâm thế giao tiếp trực tuyến cũng đảm bảo tính chuẩn mực như giao tiếp trực tiếp. Màn hình giao tiếp trực tuyến để góc độ phù hợp, tránh chia sẻ các thông tin không liên quan hoặc gây sự chú ý/tò mò không cần thiết. Chủ động kiểm soát micro, để âm lượng phù hợp, không để xảy ra tình trạng phát nhiều âm thanh ngoài nội dung cuộc họp cho mọi người cùng nghe hay để nội dung cuộc họp cho những người không liên quan nghe.

1.4. Giao tiếp trên mạng xã hội

- Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin một cách tích cực để đưa các thông tin hữu ích, hợp pháp lên mạng xã hội. Tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Tập đoàn và đơn vị về bảo mật thông tin.

- Không đăng tải, chia sẻ thông tin nội bộ của Petrovietnam/ đơn vị trên mạng xã hội khi các thông tin đó chưa được kiểm chứng và chưa được công bố chính thức, công khai.

- Không cung cấp và đưa thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân; không giả mạo tổ chức, cá nhân và phát tán thông tin sai sự thật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Có các hành vi, ứng xử phù hợp với những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc và văn hóa Petrovietnam trong phát ngôn cá nhân và tham gia không gian mạng. Không sử dụng từ ngữ/ngôn ngữ phản cảm, gây thù hận, kích động bạo lực, phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo.

- Tùy theo thẩm quyền/vụ việc mà có biện pháp ngăn chặn hoặc báo cáo những hành vi lợi dụng mạng xã hội gây phương hại đến lợi ích quốc gia, Tập đoàn, đơn vị; cũng như những hành vi vi phạm quy định pháp luật, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Môi trường làm việc, diện mạo, tác phong

- Tuân thủ quy chuẩn 5S trong mọi hoạt động. Tác phong nhanh nhẹn, chuyên nghiệp, đúng giờ.

- Thực hiện mặc đồng phục, trang phục bảo hộ lao động theo quy định của đơn vị/bộ phận công tác. Đảm bảo trang phục công sở lịch sự, sạch sẽ.

- Kiểu tóc gọn gàng, thẩm mỹ, phù hợp và thuận tiện trong công việc.

- Luôn tuân thủ nguyên tắc xếp hàng, nhường lối cho người mang vật nặng, cho cấp trên, người lớn tuổi và phụ nữ.

- Không làm việc riêng, không tụ tập, trò chuyện ồn ào gây ảnh hưởng đến người xung quanh.

3. Sự kiện/hoạt động xã hội

- Tham gia các cuộc họp/sự kiện với tâm thế chủ động, luôn có mặt ít nhất 5 phút trước khi bắt đầu, ngồi theo vị trí quy định. Thông báo cho người chủ trì trong trường hợp đến muộn hoặc không thể tham dự. Chú ý lắng nghe người khác với thái độ tôn trọng, tích cực. Khi muốn phát biểu, cần đưa ra tín hiệu, tuân thủ sự điều hành của người chủ trì, phát biểu ngắn gọn và tránh ngắt lời người khác. Không làm việc riêng trong cuộc họp.

- Tham gia các sự kiện xã hội với thái độ thân thiện và tôn trọng những người xung quanh; trang phục phù hợp, hành vi đúng mực, hạn chế rượu bia và thuốc lá. Khuyến khích nói chuyện vui vẻ, hoà nhập vào các chủ đề một cách cởi mở và thân thiện.

- Tham gia đầy đủ, tích cực và đóng góp cho các hoạt động tập thể. Tham gia các cuộc thi một cách công bằng, không gian lận hoặc có hành vi gian dối nhằm đoạt được hoặc gây ảnh hưởng đến các giải thưởng, các thành tích cho cá nhân/tập thể.

- Luôn có ý thức tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí khi tổ chức/tham gia các hoạt động tập thể.

- Không được kết hợp các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội mang danh nghĩa tập thể để tham quan du lịch.

NGHỊ QUYẾT

Về việc Quản lý, sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ “Quy chế Quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 5382/QĐ-DKVN ngày 19/9/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ “Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 1346/QĐ-DKVN ngày 24/3/2020 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc quản lý, sử dụng Nhãn hiệu PVN (Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022);

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-DKVN ngày 09/8/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Hội đồng thành viên PVN phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Công văn số 14/CVNB-ĐCT ngày 19/01/2023 và Công văn số 27/CVNB-ĐCT ngày 02/3/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ghi nhận kết quả công tác quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) năm 2022 tại Báo cáo của Tổng Giám đốc PVN tại Công văn nội bộ số 14/CVNB-ĐCT ngày 19/01/2023 và Công văn nội bộ số 27/CVNB-ĐCT ngày 02/3/2023.

Điều 2. Về việc sử dụng Nhãn hiệu PVN của một số Công ty/ đơn vị:

1. Đối với Công ty Cổ phần PVI (PVI Holdings) và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance):

a) Chấp thuận để PVI Holdings chấm dứt sử dụng Nhãn hiệu PVN; chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN số 6396/HĐ-DKVN ký ngày 25/12/2020 kể từ ngày 01/01/2023.

b) Chấp thuận để PVI Insurance tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu PVN; Tổng Giám đốc PVN báo cáo Hội đồng thành viên PVN để quyết định việc sử dụng Nhãn hiệu PVN của PVI Insurance theo từng năm.

c) Giao Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PVN tại PVI Holdings phối hợp với PVN quản lý, giám sát việc sử dụng Nhãn hiệu PVN của PVI Insurance.

2. Đối với Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) và các đơn vị thành viên của PTSC:

a) Yêu cầu PTSC và các đơn vị thành viên của PTSC trong danh sách được cấp phép sử dụng Nhãn hiệu PVN tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022 bắt buộc phải sử dụng Nhãn hiệu PVN trong tất cả các hoạt động của đơn vị.

b) Không chấp thuận miễn phí sử dụng Nhãn hiệu PVN cho các đơn vị thành viên của PTSC.

c) Phí sử dụng Nhãn hiệu PVN của Công ty cổ phần Dịch vụ

Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quảng Ngãi) từ năm 2015 cho đến khi hết thời hạn Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhân hiệu PVN (ngày 31/12/2025) là 50.000.000 đồng/năm (Năm mươi triệu đồng/năm).

3. Phí sử dụng Nhân hiệu PVN của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Sông Hồng (PVEP Sông Hồng) yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022.

4. Chấp thuận mẫu Nhân hiệu như đề xuất của Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) tại Công văn số 84/XLDK-TCHC ngày 06/01/2023 và Công văn số 257/XLDK-TCHC ngày 24/01/2022. PVN sẽ thực hiện đăng ký và là chủ sở hữu duy nhất của Nhân hiệu này. Trong thời gian chờ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhân hiệu đối với Nhân hiệu do PetroCons đề xuất, Nhân hiệu này chỉ được sử dụng trong nội bộ đơn vị.

Điều 3. Điều chỉnh Danh sách các Công ty/đơn vị được cấp phép sử dụng Nhân hiệu PVN tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022 (“Danh sách”) như sau:

1. Bổ sung vào Danh sách Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được phép sử dụng Nhân hiệu PVN.

2. Đưa ra khỏi Danh sách 06 Công ty/đơn vị không được phép/tiếp tục sử dụng Nhân hiệu PVN gồm:

a) 03 Công ty/đơn vị là doanh nghiệp cấp II của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL), bao gồm: (i) Công ty Cổ phần Hữu hạn Dầu khí Cambodia (PVOIL Cambodia); (ii) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Giang (PVOIL Hà Giang); (iii) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế (PVOIL Thừa Thiên Huế);

b) 03 Công ty/đơn vị là doanh nghiệp cấp II của PVEP, bao gồm: (i) Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (PVEP POC); (ii) Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Nước ngoài (PVEP Overseas); (iii) Công ty TNHH MTV PVEP Venezuela (PVEP Venezuela).

3. Điều chỉnh tên 03 Công ty/đơn vị trong Danh sách như sau:

a) “Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans)” thành “Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans)” (Mục XIII.14 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022);

b) “Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (PVOIL Bạc Liêu)” thành “Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (PVOIL Bạc Liêu)” (Mục XIII.16 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022);

c) “Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (PVOIL Trà Vinh)” thành “Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (PVOIL Trà Vinh)” (Mục XIII.19 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022).

Điều 4. Giao Tổng Giám đốc PVN xem xét quyết định các vấn đề sau:

1. Điều chỉnh Danh sách các Công ty/đơn vị được cấp phép sử dụng Nhân hiệu PVN đối với các Công ty/đơn vị thuộc PVOIL sau tái cơ cấu (sáp nhập/hợp nhất).

2. Quyết định việc miễn phí sử dụng Nhân hiệu PVN và chấm dứt sử dụng Nhân hiệu PVN cho các Công ty/đơn vị đã được Hội đồng thành viên PVN phê duyệt chủ trương phá sản/giải thể hoặc nằm trong diện giám sát tài chính đặc biệt của PVN hoặc Doanh nghiệp cấp II của PVN; Quyết định việc điều chỉnh phí sử dụng Nhân hiệu PVN cho các Công ty/đơn vị sử dụng Nhân hiệu PVN để các Công ty/đơn vị thực hiện nhiệm vụ PVN giao nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn mức phí tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022.

3. Quyết định việc tiếp tục sử dụng/chấm dứt sử dụng Nhân hiệu PVN của Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí Việt Nam (PETROSETCO) và các đơn vị thành viên của Petrosetco.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Tổng Giám đốc PVN, Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban có liên quan của PVN, Người đại diện phần vốn của PVN tại các Công ty/đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch HĐQT PVN (để b/cáo);
- Các TV HĐQT PVN (e-copy);
- Tổng Giám đốc PVN;
- Phó TGĐ Đ.C.Thanh;
- Các Phó TGĐ PVN (e-copy);
- Ban Kiểm soát PVN (e-copy);
- Ban PCKTr;
- Các Ban: KSNB, KTĐT, TCKT, TT&VHDN, CNK&LHD (e-copy);
- NDDPV của PVN tại các Công ty/đơn vị có liên quan (Ban PC&KTr thông báo);
- Lưu: VT, HĐQT (b).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TUQ. CHỦ TỊCH

THÀNH VIÊN

(Đã ký)

Phạm Xuân Cảnh

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5799 /KH-DKVN

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2020



KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TÁI TẠO VĂN HÓA PETROVIETNAM TRONG TOÀN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam lần thứ III, nhiệm kỳ 2020 - 2025; nhằm thống nhất thực hiện tái tạo văn hóa Petrovietnam trong toàn Tập đoàn, Tập đoàn xây dựng kế hoạch triển khai trong toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai, thực hiện văn hóa doanh nghiệp (VHDN) đi vào thực chất, hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển từng đơn vị, hướng tới mục tiêu chiến lược của đơn vị và Tập đoàn.

- Mỗi cán bộ công nhân viên (CBCNV), người lao động (NLĐ) đều hiểu rõ vai trò của VHDN đối với bản thân cũng như trong sự phát triển bền vững của đơn vị và Tập đoàn, tự giác thực hiện những quy định về văn hóa doanh nghiệp.

- Đầu tư con người, công sức, thời gian, tài chính tổ chức thực hiện VHDN hiệu quả, thiết thực, thường xuyên, liên tục.

II. NỘI DUNG

1. Đưa nội dung thực hiện VHĐN vào thỏa ước lao động tập thể, các quy định của đơn vị, có sự cam kết song phương giữa người sử dụng lao động và người lao động về thực hiện VHĐN tại hội nghị người lao động năm 2020.

2. Tổng hợp, rà soát hoàn thiện các quy chế, quy định trong xử lý, giải quyết công việc thành bộ quy chế quản trị làm căn cứ xây dựng văn hóa thực thi công việc, tính tuân thủ và hiệu quả.

3. Xác định các quy định, các giá trị văn hóa của đơn vị làm chuẩn mực để CBCNV, NLĐ thực hiện: căn cứ Cẩm nang văn hóa dầu khí, các đơn vị hệ thống lại, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới (nếu chưa có).

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến bằng các công cụ truyền thông, tăng cường tuyên truyền trực quan về những quy định, các giá trị văn hóa của đơn vị đến CBCNV biết và hiểu để nâng cao nhận thức, ý thức trong việc thực hiện các giá trị chung.

5. Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống nhận diện thương hiệu và sử dụng thống nhất, đúng quy định thể hiện thông qua hệ thống cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm, sản phẩm... đáp ứng công việc, hoạt động đều mang dấu ấn văn hóa.

6. Chính trang, sắp xếp vị trí làm việc của CBCNV, NLĐ thân thiện, hiện đại, khoa học áp dụng, thực hiện mô hình 5S tại văn phòng, nhà máy, công trình dầu khí; đổi mới hình ảnh, không gian làm việc, tạo nét riêng biệt của từng bộ phận.

7. Lựa chọn, tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo cho toàn thể CBCNV theo mô hình phát triển năng lực: năng lực chuyên môn, năng lực văn hóa, năng lực lãnh đạo, các kỹ năng bổ trợ (như chương trình 07 thói quen hiệu quả, văn hóa đáng tin...) phù hợp với yêu cầu của đơn vị. Xây dựng văn hóa học tập, hướng đến một tổ chức học tập bằng cách thúc đẩy tinh thần tự học, tự đào tạo, tăng cường đào tạo nội bộ trong CBCNV.

8. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết, chia sẻ giữa CBCNV thông qua các hình thức: teambuilding, ngày hội gia đình, chương trình đối thoại, tọa đàm giữa lãnh đạo và CBCNV, tổ chức các cuộc thi, các hoạt động giao lưu thể thao, văn hóa, văn nghệ...

9. Có hình thức khen thưởng, vinh danh phù hợp cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; phê bình, xử phạt các tập thể, cá nhân không thực hiện theo đúng quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết với các nhiệm vụ cụ thể đảm bảo 9 nội dung, có tiến độ cho từng nhiệm vụ theo giai đoạn. Các nội dung 1, 2, 3, 4 triển khai ngay, hoàn thành các quy định chậm nhất quý II/2021; các nội dung 5, 6, 7, 8, 9 căn cứ điều kiện đơn vị bắt đầu triển khai từ năm 2021 có tiến độ hoàn thành vào năm 2023 và thực hiện liên tục, thường xuyên trong các năm. Đối với đơn vị đã và đang có kế hoạch triển khai tiếp tục thực hiện; thường xuyên rà soát, cập nhật những nội dung mới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Triển khai của đơn vị gửi Ban Truyền thông và Văn hóa Doanh nghiệp Tập đoàn cho ý kiến/hợp nội bộ để hoàn thiện trước khi ban hành trong tháng 12/2020.

- Phân công, kiện toàn nhân sự phụ trách văn hóa doanh nghiệp của đơn vị; người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm chính, phân công 01 đồng chí Lãnh đạo phụ trách và ít nhất một cán bộ chuyên trách về công tác văn hóa doanh nghiệp; thường xuyên giữ mối liên hệ với Tập đoàn (qua Ban TT&VHĐN). Các tài liệu về triển khai văn hóa doanh nghiệp hiện có của đơn vị và danh sách Lãnh đạo, cán bộ phụ trách cập nhật (theo mẫu) gửi về Tập đoàn trước ngày 15/12/2020 vào địa chỉ email tutuong&vanhoadoanhnghiep@pvn.vn

- Định kỳ hằng quý đơn vị báo cáo tình hình, triển khai thực hiện về Tập đoàn (qua Ban TT&VHĐN) trước ngày 25 của tháng cuối quý.

Giao Ban TT&VHDN hướng dẫn, giám sát, đôn đốc quá trình thực hiện tại đơn vị.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy Tập đoàn (để b/cáo);
- HĐQT Tập đoàn (e-copy để b/cáo);
- Tổng giám đốc, các Phó TGĐ Tập đoàn (e-copy);
- BCD triển khai Đề án;
- Các đơn vị thành viên (DS kèm theo, để t/hiện);
- Công đoàn, Đoàn TN, Hội CCB Tập đoàn;
- Lưu: VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Đỗ Chí Thanh

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

*

Số: 4094/KH-DKVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2022

**KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI HỆ THỐNG NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU
PETROVIETNAM TRONG TOÀN TẬP ĐOÀN**

Thực hiện Quyết định số 6655/QĐ-DKVN ngày 18/11/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn/Petrovietnam) về việc Phê duyệt Nhãn hiệu của Tập đoàn và Quyết định số 418/QĐ-DKVN ngày 25/01/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc Phê duyệt và ban hành Hệ thống nhận diện thương hiệu Tập đoàn; Thông báo kết luận số 3848/TB-DKVN ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Hội thảo về công tác Thương hiệu Petrovietnam; Tập đoàn xây dựng Kế hoạch triển khai Hệ thống nhận diện thương hiệu Petrovietnam trong toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (toàn Tập đoàn), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tạo dựng, quảng bá rộng rãi hình ảnh Petrovietnam năng động, linh hoạt, thích ứng với xu thế phát triển mới góp phần làm gia tăng uy tín, giá trị thương hiệu, liên kết chuỗi giá trị dầu khí với sứ mệnh: “Tối ưu hóa nguồn năng lượng dầu khí, phát triển bền vững các nguồn năng lượng mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

- Đầu tư công sức, thời gian, tài chính tổ chức triển khai thống nhất trong toàn Tập đoàn.

II. NỘI DUNG

- Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu của Petrovietnam là một thể thống nhất, bao gồm toàn bộ thiết kế nhãn hiệu (logo), font chữ, đồ họa bổ trợ và màu sắc đại diện; thể hiện bản sắc, hiện đại, mang phong cách riêng tạo nên dấu ấn nhận diện thương hiệu, thể hiện nhất quán hình ảnh tích cực về một Tập đoàn năng lượng tiên phong trong mọi hoạt động.

- Hệ thống nhận diện thương hiệu mới được sử dụng cùng Hệ thống nhận diện thương hiệu ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-DKVN ngày 16/01/2012 của Tổng Giám đốc Tập đoàn, có lộ trình thay đổi phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo tính thống nhất:

+ Từ năm 2022 đến khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu mới (dự kiến hết năm 2024): Nhãn hiệu mới được sử dụng trong các hoạt động của Petrovietnam và đơn vị như: trong ứng dụng tư liệu số; thiết kế nội thất/trang thiết bị văn phòng, trang phục, sản phẩm/quà tặng...

+ Sau khi nhận được giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu mới (trong và ngoài nước): Nhãn hiệu mới được áp dụng thay thế hoàn toàn nhãn hiệu tại Quyết định số 364/QĐ-DKVN trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam (dự kiến từ năm 2025).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Ban/Văn phòng Tập đoàn.

1.1. Ban Pháp chế Kiểm tra – Kiểm tra Tập đoàn

- Thực hiện các thủ tục đăng ký nhãn hiệu mới trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định, bao gồm cả nhãn hiệu nhánh của các đơn vị thành viên (hoàn thành thủ tục trong năm 2022).

- Đầu mối phối hợp với các ban chức năng của Tập đoàn sửa đổi “Quy chế quản lý thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”, hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu Petrovietnam phù hợp trong từng giai đoạn (tại mục II).

- Đầu mối phối hợp các ban/văn phòng Tập đoàn giám sát thường xuyên; tổ chức đoàn kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu Petrovietnam của các công ty/đơn vị theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Petrovietnam.

1.2. Ban Truyền thông & Văn hóa doanh nghiệp Tập đoàn

- Kiểm soát hình ảnh, thiết kế sử dụng Nhãn hiệu Petrovietnam

- Giám sát, tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả và đề xuất lãnh đạo Tập đoàn giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

1.3. Các Ban/Văn phòng Tập đoàn

- Văn phòng áp dụng sử dụng nhãn hiệu mới trong thiết kế nội thất/trang thiết bị văn phòng, sản phẩm/quà tặng... hoàn thành trong năm 2022.

- Các ban Tập đoàn thực hiện đồng loạt sử dụng nhãn hiệu mới trong các văn bản nội bộ, ứng dụng số, trang trí văn phòng... hoàn thành chậm nhất trong tháng 8/2022.

2. Các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu Petrovietnam

- Việc sử dụng Nhãn hiệu Petrovietnam thực hiện bắt buộc đối với các doanh nghiệp cấp II của Tập đoàn (các doanh nghiệp có vốn góp của Petrovietnam và do Petrovietnam nắm giữ quyền chi phối); các doanh nghiệp cấp III của Tập đoàn (các doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp cấp II và do doanh nghiệp cấp II giữ quyền chi phối).

- Đăng ký bổ sung các ngành nghề của đơn vị (nếu có), thiết kế nhãn hiệu mới của đơn vị cùng các đơn vị trực thuộc theo quy định tại Quyết định 418/QĐ-DKVN ngày 25/01/2022 và được điều chỉnh quy định màu sắc theo mẫu thiết kế tại phụ lục gửi kèm; báo cáo để Tập đoàn xem xét, phê duyệt và thực hiện đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu (hoàn thành chậm nhất ngày 30/9/2022). Đơn vị tuyệt đối không tự đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu mới của đơn vị có sử dụng hình ảnh Nhãn hiệu của Petrovietnam (nếu không được Tập đoàn ủy quyền).

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể với từng sản phẩm ứng dụng áp dụng nhãn hiệu mới của Petrovietnam, triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu mới tại công ty/đơn vị báo cáo Tập đoàn (chậm nhất ngày 15/12/2022).

3. Các tổ chức chính trị, đoàn thể - xã hội thuộc Tập đoàn áp dụng từng nội dung cụ thể của hệ thống nhận diện thương hiệu của Tập đoàn phù hợp với hoạt động của tổ chức từ tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy Tập đoàn;
- HĐQT, TGD, các PTGD Tập đoàn (e-copy);
- Các Ban/VP Tập đoàn/VPĐU;
- CDDK, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn;
- CĐ, Hội CCB, ĐTN, Ban LLHT CQ Tập đoàn;
- Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn (DS kèm theo);
- Lưu VT (VP), TT&VHDN

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
(Đã ký)

Đỗ Chí Thanh

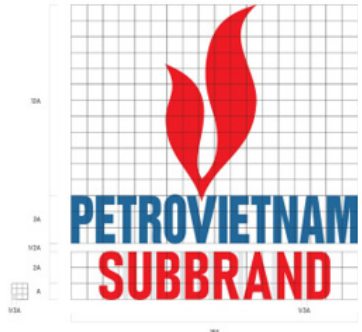
PHỤ LỤC

Kèm theo Kế hoạch số 4094/KH-DKVN ngày 21 tháng 7 năm 2022

QUY ĐỊNH VỀ NHÃN HIỆU (LOGO) THƯƠNG HIỆU NHÁNH

Cấu trúc logo thương hiệu nhánh thuộc Tập đoàn gồm toàn bộ logo Petrovietnam và tên thương hiệu nhánh màu đỏ (giống màu ngọn lửa đặt phía dưới chính giữa chữ PETROVIETNAM được phân chia và phát triển bố cục theo hình bên

Tên thương hiệu nhánh sử dụng font Bahnschrift, dáng Bold Condensed, chiều cao bằng chữ PETROVIETNAM (chiều cao bằng 3A khoảng cách giữa các chữ là 1/3A, A = chiều rộng một cột trong hệ thống lưới).



Tên thương hiệu nhánh sử dụng tên viết tắt của đơn vị hoặc tên thương mại, tên gọi giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh.

Các thương hiệu nhánh được phép tùy biến thiết kế các chữ cái trong tên thương hiệu nhánh trong phạm vi cho phép, nhưng không được cạnh tranh về hình ảnh và thiết kế với logo Tập đoàn. Việc sử dụng cần đảm bảo không làm thay đổi tỷ lệ và vị trí các yếu tố cấu thành logo. Việc sáng tạo cần được Tập đoàn chấp thuận.



CHỈ THỊ
VỀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐỒNG BỘ, THỐNG NHẤT
THƯƠNG HIỆU/NHÃN HIỆU TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Thời gian qua, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã ban hành các văn bản về công tác quản lý, sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu của PVN, bao gồm: Quyết định số 6655/QĐ-DKVN ngày 18/11/2021 về việc Phê duyệt nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Quyết định số 418/QĐ-DKVN ngày 25/01/2022 về việc Phê duyệt và ban hành Hệ thống nhận diện Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Kế hoạch số 4094/KH-DKVN ngày 21/7/2022 về việc triển khai Hệ thống nhận diện Thương hiệu Petrovietnam trong toàn Tập đoàn và Quyết định số 5929/QĐ-DKVN ngày 14/10/2022 về việc Quản lý, sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo tại các văn bản nêu trên, nhiều đơn vị đã xây dựng kế hoạch, phương án, lộ trình sử dụng nhãn hiệu đảm bảo thống nhất hệ thống nhận diện Thương hiệu trong toàn Tập đoàn. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc theo yêu cầu.

Để đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý, sử dụng thương hiệu/nhãn hiệu trong toàn Tập đoàn; Tổng giám đốc PVN yêu cầu các ban/văn phòng PVN, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Tập đoàn, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của PVN nghiêm túc thực hiện ngay các nội dung sau:

1. Nguyên tắc sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN:

a) Các đơn vị/doanh nghiệp sau có trách nhiệm sử dụng Nhãn hiệu của PVN:

- Các doanh nghiệp cấp II của Tập đoàn (các doanh nghiệp có vốn góp của PVN và do PVN nắm giữ quyền chi phối), ngoại trừ Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY) và Ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank);

- Các doanh nghiệp cấp III của Tập đoàn (các doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp cấp II và do doanh nghiệp cấp II của Tập đoàn nắm giữ quyền chi phối)

- Các đơn vị trực thuộc (các chi nhánh, ban quản lý, văn phòng đại diện; các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo, sự nghiệp).

Ngoài các đơn vị/doanh nghiệp nêu trên, các đơn vị/doanh nghiệp khác chỉ được sử dụng Nhãn hiệu PVN khi được Hội đồng thành viên PVN cho phép.

b) Việc sử dụng Nhãn hiệu PVN: phải được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và thống nhất trong mọi hoạt động của Tập đoàn. Đối với Nhãn hiệu mới của PVN, trong thời gian chờ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Nhãn hiệu này chỉ được sử dụng trong hoạt động nội bộ của PVN và đơn vị/doanh nghiệp.

2. Đối với các đơn vị/doanh nghiệp:

a) Khẩn trương thiết kế nhãn hiệu mới áp dụng cho các doanh nghiệp cấp II, doanh nghiệp cấp III thuộc doanh nghiệp cấp II tuân thủ các văn bản hướng dẫn của PVN. Các doanh nghiệp cấp II làm đầu mối tổng hợp các mẫu nhãn hiệu mới của doanh nghiệp và các doanh nghiệp cấp III thuộc doanh nghiệp cấp II, báo cáo PVN chậm nhất ngày 30/12/2022 (phụ lục kèm theo) để PVN xem xét, đăng ký quyền sở hữu theo các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ hiện hành. Đơn vị/doanh nghiệp tuyệt đối không tự đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu có sử dụng hình ảnh nhãn hiệu của PVN (trừ trường hợp được PVN ủy quyền). Trong mọi trường hợp, PVN là chủ sở hữu duy nhất của các nhãn hiệu này.

b) Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể sử dụng Nhãn hiệu mới của PVN tại đơn vị/doanh nghiệp, báo cáo PVN trước ngày 30/12/2022.

c) Các doanh nghiệp cấp II có trách nhiệm giám sát, quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu PVN tại đơn vị và các doanh nghiệp cấp III trực thuộc doanh nghiệp cấp II, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Quy chế Quản lý Thương hiệu PVN và các văn bản liên quan. Trước khi thực hiện thoái vốn tại doanh nghiệp cấp III, đề nghị các doanh nghiệp cấp II xây dựng phương án đảm bảo doanh nghiệp cấp III sẽ chấm dứt việc sử dụng Nhãn hiệu PVN ngay sau khi các doanh nghiệp cấp II hoàn tất việc thoái vốn.

d) Các đơn vị/doanh nghiệp được cấp phép sử dụng Nhãn hiệu PVN có trách nhiệm ký kết hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN (hợp đồng) với PVN nhằm đảm bảo tính hợp pháp và được bảo hộ khi sử dụng Nhãn hiệu PVN trong hoạt động của đơn vị/doanh nghiệp. Các đơn vị/doanh nghiệp thực hiện ký kết hợp đồng/phụ lục hợp đồng theo quy định, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ nộp phí sử dụng nhãn hiệu theo yêu cầu của PVN.

3. Các ban/văn phòng PVN, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Tập đoàn đối chiếu áp dụng thực hiện Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN đảm bảo tuân thủ các quy định của PVN.

Nơi nhận:

- HĐTV PVN (để báo cáo);
- Các PTGD PVN (để chỉ đạo tổ chức thực hiện);
- Các đơn vị (danh sách kèm theo để thực hiện);
- Các ban/văn phòng PVN (để thực hiện);
- CĐĐKVN, ĐTN, Hội CCB Tập đoàn (để thực hiện);
- Lưu: VT, TT&VHDN.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Mạnh Hùng

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG MẪU NHÃN HIỆU MỚI

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 7273 /CT-DKVN ngày 15 tháng 12 năm 2022)

Tên Công ty/Đơn vị	Tỷ lệ vốn góp		Đăng ký mẫu nhãn hiệu mới	
	DN cấp II	DN cấp III	Đã gửi	Chưa gửi
I. Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling)	PVN 50,4 %		X	
1. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí (PVD Well Services)		PV Drilling 100%		X
2. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (PVD Tech)		PV Drilling 97%		X
3. Công ty TNHH MTV Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí (PVD Logging)		PV Drilling 100%		X
4. Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (PVD Offshore)		PV Drilling 100%		X
5. Công ty TNHH MTV Khoan dầu khí nước sâu (PVD Deepwater)		PV Drilling 100%		X
6. Công ty TNHH PV Drilling Overseas (PVD Overseas)		PV Drilling 81,56%		X

7. Công ty Cổ phần Đào tạo kỹ thuật PVD (PV Training)		PV Drilling 51,8%		X
II. Công ty Cổ phần PVI (PVI Holdings)	PVN 35 %			X
1. Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		PVI 100%	X	
III. Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	PVN 54,47 %			X
1. Công ty Cổ phần Kết cấu Kim Loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)		PetroCons 50,97 %		X
2. Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí - DOBC		PetroCons 51 %		X
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)		PetroCons 51 %		X
4. Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC Đông Đô)		PetroCons 34,87 %		X
5. Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)		PetroCons 36 %		X
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)		PetroCons 72,22 %		X
7. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)				X

IV. Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí (PVChem)	PVN 36 %		X	
1. Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam		PVChem 51 %	X	
2. Công ty TNHH MTV Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí (DMC)		PVChem 100 %	X	
3. Công ty TNHH MTV PVChem - Tech		PVChem 100 %	X	
V. Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)	PVN 59,58 %		X	
1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc		PVFCCo 75 %	X	
2. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung		PVFCCo 75 %	X	
3. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ		PVFCCo 75 %	X	
4. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ		PVFCCo 75 %	X	
5. Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ		PVFCCo 43,34 %	X	
VI. Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	PVN 75,56 %		X	
1. Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam		PVCFC 51,03 %		X

VII. Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	PVN 100 %			X
1. Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước (PVEP POC)		PVEP 100 %		X
2. Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí nước ngoài (PVEP OVS)		PVEP 100 %		X
3. Công ty TNHH MTV PVEP Venezuela		PVEP 100 %		X
4. Công ty TNHH MTV Dầu khí Sông Hồng		PVEP 100 %		X
VIII. Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)	PVN 79,94 %		X	
1. Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh (PV Power DHC)		PV Power 94,83 %	X	
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Service)		PV Power 51 %	X	
3. Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (PV Power HHC)		PV Power 84,14 %	X	
4. Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PV Power NT2)		PV Power 59,37 %	X	
5. Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC)		PV Power 51 %	X	

IX. Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	PVN 51 %			X
1. Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC		PTSC 100 %		X
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC		PTSC 51 %		X
3. Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		PTSC 51 %		X
4. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC		PTSC 100 %		X
5. Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ		PTSC 59,61 %		X
1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi		PTSC 95,19 %		X
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC		PTSC 100 %		X
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC		PTSC 84,95 %		X
9. Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa		PTSC 54,69 %		X
10. Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình		PTSC 51 %		X
11. Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)		PTSC 28,75 %		X

X. Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Việt Nam (Petrosetco)	PVN 24,22 %			X
1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL)		Petrosetco 44 %		X
2. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS)		Petrosetco 60%		X
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV)		Petrosetco 70 %		X
4. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT)		Petrosetco 99,79 %		X
XI. Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	PVN 29 %			X
1. Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí (PVE-SC)		PVE 87 %		X
2. Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí (PVE-PMC)		PVE 72 %		X
XII. Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP (PVMR)	PVN 41 %			X
1. Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)		PVMR 53,75 %		X
2. Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam (PVPaint)		PVMR 51 %		X

3. Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam PV EIC (PV EIC-TSR)		PVMR 28,8 %		X
XIII. Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)	PVN 80,52 %		X	
1. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội)		PVOIL 71,35 %		X
2. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (PVOIL Vũng Áng)		PVOIL 56,5 %		X
3. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế (PVOIL Thừa Thiên Huế)		PVOIL 74,67 %		X
4. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)		PVOIL 65,18 %		X
5. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)		PVOIL 57,18 %		X
6. Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ)		PVOIL 67,64 %		X
7. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh (PVOIL Tây Ninh)		PVOIL 78,62 %		X
8. Công ty TNHH Xăng dầu Dầu khí Lào (PVOIL Lào)		PVOIL 100 %		X

9. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng (PVOIL Hải Phòng)		PVOIL 72 %		X
10. Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL LUBE)		PVOIL 62,67 %		X
11. Công ty Kinh doanh Dầu Quốc tế (PVOIL Singapore)		PVOIL 51 %		X
12. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (PVOIL Thanh Hóa)		PVOIL 56,86 %		X
13. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân (PVOIL Cái Lân)		PVOIL 70,5 %		X
14. Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans)		PVOIL 71 %		X
15. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu nội địa Lào (PVOIL Lao Trading)		PVOIL 100 %		X
16. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (PVOIL Bạc Liêu)		PVOIL 96,09 %		X
17. Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông (PETROMEKONG)		PVOIL 89,37 %		X
18. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình (Thái Bình PSC)		PVOIL 51 %		X
19. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (PVOIL Trà Vinh)		PVOIL 96,27 %		X

20. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PVOIL Nam Định)		PVOIL 56,75 %		X
21. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình (PVOIL Thái Bình)		PVOIL 68 %		X
22. Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)		PVOIL 94,78 %		X
23. Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)		PVOIL 51,01 %		X
24. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung (PVOIL Miền Trung)		PVOIL 71,43 %		X
25. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (PVOIL Phú Yên)		PVOIL 67,13 %		X
26. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Giang (PVOIL Hà Giang)		PVOIL 80,37 %		X
27. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (PVOIL Phú Thọ)		PVOIL 71,7 %		X
28. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (PVOIL Bình Thuận)		PVOIL 61,85 %		X
29. Công ty Cổ phần Hữu hạn Dầu khí Cambodia (PVOIL Cambodia)		PVOIL 51 %		X
30. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (PVOIL Ninh Bình)		PVOIL 20,26 %		X

31. Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí (Petechem JSC)		PVOIL 29 %		X
XIV. Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS)	PVN 95,76 %		X	
1. Công ty Cổ phần LPG Việt Nam (VNLPG)		PV GAS 51,31 %		X
2. Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PVCOATING)		PV GAS 52,94 %		X
3. Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam (PV Pipe)		PV GAS 99,99 %		X
4. Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV GAS D)		PV GAS 50,50 %		X
XV. Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans)	PVN 51 %			X
1. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PV Trans PTT)		PVTrans 48,67 %		X
XVI. Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	PVN 92,12 %		X	
1. Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)		BSR 83,26 %	X	
2. Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)		BSR 61 %	X	
XVII. Công ty TNHH MTV Tàu thủy Dung Quất (DQS)	PVN 100 %			X

1. Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa Dầu khí Nhơn Trạch (NTS)		DQS 96,8 %		X
XVIII. Doanh nghiệp thuộc PVComBank				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí Việt Nam (PSI)		PVcomBank 51%		X
XIX. Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro				X
XX. Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)			X	
Trung tâm Nghiên cứu và phát triển An toàn và Môi trường Dầu khí (CPSE)			X	
Trung tâm Đào tạo và thông tin Dầu khí (CPTI)			X	
Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ (CTAT)			X	
Trung tâm Nghiên cứu Tìm kiếm thăm dò và khai thác DK (EPC)			X	
Trung tâm Kinh tế quản lý (EMC)			X	
Trung tâm phân tích thí nghiệm (Labs)			X	
Trung tâm Lưu trữ DK (PAC)			X	
Trung tâm Nghiên cứu và phát triển chế biến DK (PVPro)			X	

XXI. Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)			X	
XXII. Trường Cao đẳng Dầu khí (PV College)			X	
XXIII. Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông			X	
XXIV. Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc			X	
XXV. Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1			X	
XXVI. Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam				X
XXVII. Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn				X
XXVIII. Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2				X
XXIX. Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1				X

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**
*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 902 KH-DKVN

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI TÁI TẠO VĂN HÓA PETROVIETNAM NĂM 2023
TRONG TOÀN TẬP ĐOÀN

Thực hiện Kết luận số 234- KL/ĐU về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 281-NQ/ĐU ngày 15/5/2019 của Đảng uỷ Tập đoàn về công tác truyền thông và văn hoá doanh nghiệp; Thông báo kết luận số 5589/TB-DKVN ngày 29/9/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Hội nghị công tác truyền thông và văn hoá doanh nghiệp lần thứ II – 2022; Quyết định số 529/QĐ-DKVN ngày 02/02/2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập đoàn xây dựng Kế hoạch triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam năm 2023 trong toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Hoàn thành việc triển khai đồng bộ Đề án tái tạo văn hoá Petrovietnam; hoàn chỉnh, nhất quán giữa mục tiêu chiến lược, sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Petrovietnam; chuẩn hoá và thống nhất văn hoá nền tảng Dầu khí, thương hiệu, hình ảnh, nhận diện, định hình các giá trị văn hóa trong phạm vi toàn Tập đoàn. Xác định văn hoá đi trước, định hướng tạo đà cho tái tạo kinh doanh, thúc đẩy, hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững, đúng pháp luật; nâng cao vị thế và uy tín của Petrovietnam.

- Thống nhất nhận thức về vai trò của văn hoá doanh nghiệp từ lãnh đạo đến người lao động. Xác định văn hoá doanh nghiệp là lực lượng sản xuất trực tiếp, thông qua nhận diện những khó khăn, thách thức của năm 2023, khơi gợi trách nhiệm trong mỗi cán bộ, người lao động, củng cố khát vọng, tìm kiếm cơ hội, nâng

cao năng suất, hiệu suất, giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường, thị phần tại mỗi doanh nghiệp Dầu khí.

- Lượng hoá được giá trị văn hoá (KPI văn hoá) gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh (KPI công việc) của năm 2023 trong toàn Tập đoàn.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung của Kế hoạch số 5799/KH-DKVN ngày 27/11/2020 về triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam trong toàn Tập đoàn gắn với thực hiện phương châm hành động “Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả” và Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ chung

1.1. Các cấp uỷ, lãnh đạo các đơn vị thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi “Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình”; thể hiện khát vọng trong xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong thực thi nhiệm vụ năm 2023. Phấn đấu mục tiêu năm 2023 phải đạt cao hơn so với chỉ tiêu phân bổ, từng cá nhân phải vượt lên chính mình để hoàn thành tốt nhất, ở mức cao nhất nhiệm vụ được giao. Từng đơn vị phải cụ thể hoá phương châm hành động năm 2023 “Quản trị biến động, mở rộng quy mô, tăng tốc chuyển đổi số, dịch chuyển mô hình, nâng cao năng suất, tái tạo kinh doanh”.

1.2. Căn cứ nội dung “Sổ tay văn hoá Petrovietnam”, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị/doanh nghiệp cấp II của Tập đoàn (các doanh nghiệp có vốn góp của PVN và do PVN nắm quyền chi phối) hệ thống lại, hoàn thiện tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh để triển khai tới người lao động và gửi tài liệu, sản phẩm về Tập đoàn.

1.3. Để nâng cao trí tuệ, tính chuyên nghiệp của người dầu khí, phù hợp với giá trị cốt lõi của văn hoá Petrovietnam, các đơn vị

tập trung đẩy mạnh công tác truyền thông gắn với công tác đào tạo và tự đào tạo, tăng cường đào tạo nội bộ tại đơn vị (có thể phối hợp với tư vấn để hình thành các thói quen văn hoá đã được thể hiện trong sổ tay/cẩm nang văn hoá do đơn vị xây dựng và Sổ tay văn hoá Petrovietnam để thực hiện).

1.4. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 7273/CT- DKVN ngày 15/12/2022 về việc quản lý, sử dụng đồng bộ, thống nhất Thương hiệu/nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong đó đặc biệt lưu ý 11 đơn vị (TB2, PVNDB, VSP, PVEP, PV Power, PVTrans, PTSC, PET, DQS, PVE, PVMR) chưa gửi thiết kế mẫu nhãn hiệu mới của đơn vị và đơn vị trực thuộc; 16 đơn vị (TB2, LP1PP, BĐPOC, PVNDB, VSP, PVPower, PVD, PVTrans, PTSC, PET, PVI, Petrocons, DQS, PV College, PVE, PVMR) chưa gửi báo cáo kế hoạch sử dụng nhãn hiệu mới về Tập đoàn.

1.5. Nâng cao tính dẫn dắt và vai trò nêu gương từ Công ty mẹ, các tổ chức chính trị - xã hội, người đứng đầu Tập đoàn đến các đơn vị trong quản lý điều hành, phát ngôn và hành động, trong tiếp xúc và chia sẻ với người lao động.

1.6. Bố trí nguồn lực, nhân lực, thời gian, tài chính để tổ chức thực hiện văn hóa doanh nghiệp hướng tới thực chất, hiệu quả, liên tục.

2. Nhiệm vụ cụ thể: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1.1. Ban Truyền thông và Văn hoá doanh nghiệp phối hợp các ban/văn phòng Tập đoàn và Tổ triển khai xây dựng phương án đôn đốc, giám sát thực hiện Đề án nhất là ở các đơn vị chuyển biến chậm. Tổ chức giao ban định kỳ, tập huấn, nhân rộng các mô hình, cách làm sáng tạo; có biện pháp khích lệ, động viên kịp thời.

1.2. Công đoàn Dầu khí Việt Nam, Đoàn Thanh niên và Hội Cựu chiến binh Tập đoàn tiếp tục cụ thể hoá Kế hoạch liên tịch số 56 KHLT/CĐDK-ĐTN-HCCB ngày 28/9/2021 về triển khai tái tạo văn hoá Petrovietnam tại các đơn vị, tổ chức trực thuộc thông qua việc thực hiện kế hoạch này.

1.3. Các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Các yêu cầu và thời hạn thực hiện các nội dung trên sẽ được theo dõi, giám sát và đánh giá trong các cuộc họp giao ban và hội nghị chuyên đề. Trường hợp các nhiệm vụ được giao không hoàn thành đúng thời hạn, Tổng giám đốc Tập đoàn sẽ xem xét, kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan.

1.4. Định kỳ gửi báo cáo kết quả về Tập đoàn trước ngày 25 của tháng cuối quý và báo cáo tổng kết năm trước ngày 10/12/2023.

Nơi nhận:

- ĐU Khối DNTW (để b/cáo);
- UBQLVNN tại DN (để b/cáo);
- BTG ĐU Khối DNTW (để b/cáo);
- BTV ĐU TĐ (để b/cáo);
- HĐTV, TGD (để b/cáo);
- Ban Chỉ đạo triển khai, th/hiện ĐA (để b/cáo);
- Tổ TK TTVH Petrovietnam (e-copy);
- CĐ, ĐTN, Hội CCB TĐ & CQ TĐ;
- Các Ban/Văn phòng TĐ (e-copy);
- Các đơn vị thành viên (DS kèm theo);
- Lưu VT, TT&VHDN.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Mạnh Hùng

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

Kèm theo Kế hoạch số 902/KH-DKVN ngày 16 tháng 02 năm 2023

TT	Nội dung	Ban/tổ chức/ đơn vị đầu mối thực hiện	Thời hạn
1.	Hoàn thành xây dựng quy định thực hiện phương châm hành động “Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả” cụ thể trong công tác quản trị, điều hành của lãnh đạo các cấp, trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và các chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) của cá nhân và KPI văn hoá Petrovietnam	Các đơn vị trong Tập đoàn; Ban TT&VHDN, Ban TC&QTNNL, Ban KT-ĐT	Thường xuyên
2.	Chỉnh trang, sắp xếp vị trí làm việc của CBCNV, NLĐ thân thiện, hiện đại, khoa học; áp dụng, thực hiện mô hình 5S, chú trọng tới các công trường, dự án, nhà máy, xí nghiệp, giàn khoan...	Các đơn vị trong Tập đoàn	Thường xuyên

3.	Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo về văn hoá doanh nghiệp cho toàn thể CBCNV theo mô hình phát triển năng lực chuyên môn, năng lực văn hóa, năng lực lãnh đạo, các kỹ năng hỗ trợ. Riêng các đơn vị đặc biệt khó khăn báo cáo Tập đoàn xem xét hỗ trợ	Các đơn vị trong Tập đoàn; Ban TC&QTNNL theo dõi, hướng dẫn	Thường xuyên
4.	Đa dạng hoá các biện pháp, hình thức để tuyên truyền, từ lãnh đạo cao nhất của đơn vị phải tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc với người lao động; thông qua các buổi sinh hoạt, hoạt động của các tổ chức đoàn thể trao đổi làm thấm sâu các giá trị văn hoá, xây dựng các sản phẩm công cụ để tuyên truyền (phim, ảnh, logo, áp phích...) về văn hoá doanh nghiệp	Các đơn vị trong Tập đoàn	Quý I -II/2023

5.	Hoàn thiện các văn bản cụ thể hoá Kết luận số 234-KL/ĐU ngày 18/8/2022 của Đảng ủy Tập đoàn về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 281; Thông báo kết luận số 5589/TB-DKVN ngày 29/9/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn tại Hội nghị công tác TT&VHDN lần thứ II năm 2022; Quyết định số 529/QĐ-DKVN ngày 02/02/2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại các đơn vị. Tổ chức hội nghị quán triệt triển khai. Phân công rõ nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm triển khai và đề ra lộ trình, thời gian hoàn thành	Các đơn vị trong Tập đoàn; Ban TT&VHDN hướng dẫn, theo dõi, giám sát	Từ nay đến hết tháng 3/2023
----	--	--	-----------------------------

6.	Hoàn thành thiết kế; xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể sử dụng Nhân hiệu mới của Petrovietnam theo nội dung Chỉ thị số 7273/CT-DKVN ngày 15/12/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc quản lý, sử dụng đồng bộ, thống nhất Thương hiệu/nhân hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		Từ nay đến hết tháng 3/2023
7.	Hoàn thành bổ sung chương mới về thực hiện văn hoá doanh nghiệp vào thoả ước lao động tập thể năm 2023. Rà soát, tổ chức ký mới hợp đồng với người lao động, đưa nội dung về văn hoá dầu khí trong tất cả các hợp đồng lao động	Các đơn vị trong Tập đoàn; Ban TT&VHDN phối hợp Ban TC&QTNNL hướng dẫn, theo dõi, giám sát	Tháng 3/2023
8.	Tổ chức đối thoại về chủ đề xây dựng văn hoá doanh nghiệp giữa lãnh đạo với thanh niên của đơn vị theo Nghị định 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính Phủ trong Tháng Thanh niên. Các tổ chức đoàn thể (Công đoàn và Hội CCB) nghiên cứu lựa chọn thời gian phù hợp trong năm để tổ chức đối thoại	Các đơn vị trong Tập đoàn; các Đoàn thể trong Tập đoàn; Ban TT&VHDN hướng dẫn, theo dõi, giám sát	Từ tháng 3/2023

9.	Tổ chức Tết trồng cây thực hiện kế hoạch trồng 03 triệu cây xanh của Tập đoàn; tổ chức chương trình hiến máu “Nhiệt huyết người Dầu khí” trong toàn Tập đoàn	Đoàn thanh niên Tập đoàn phát động; các đơn vị triển khai	Tháng 2,3/2023
10.	Phối hợp Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối DNTW tổ chức hội thảo xây dựng văn hóa doanh nghiệp	Ban TT&VHDN làm đầu mối	Tháng 3/2023
11.	Làm việc với các đơn vị về kế hoạch thực hiện 2023	Tổ triển khai tái tạo văn hóa Petrovietnam	Tháng 2,3/2023
12.	Căn cứ nội dung “Sổ tay văn hoá Petrovietnam”, ban hành Sổ tay văn hóa/Quy định/Quy ước văn hóa của đơn vị và gửi về Tập đoàn (sản phẩm cụ thể)	Các đơn vị trong Tập đoàn	Từ nay đến hết tháng 6/2023
13.	Gặp mặt, tôn vinh các thế hệ người lao động Dầu khí tiêu biểu năm 2023	Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Quý II/2023
14.	Xây dựng hướng dẫn cụ thể về các nghi thức, nghi lễ cho các sự kiện làm chuẩn mực thực hiện	Văn phòng Tập đoàn	Quý II/2023
15.	Giải chạy bộ online công nhân lao động ngành Dầu khí lần thứ 2, năm 2023 chào mừng Đại hội Công đoàn các cấp	Công đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức	Quý II/2023

16.	Tổ chức các hoạt động Tuần lễ Văn hóa Dầu khí lần thứ IX	Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Tháng 8,9 /2023
17.	Tuyên dương con CBNV đạt các giải quốc gia, quốc tế	Đoàn thanh niên Tập đoàn	Tháng 8/2023
18.	Xây dựng hệ thống giải thưởng văn hoá	Ban TT&VHDN đầu mối phối hợp Ban TT&QTNNL, CĐ Dầu khí Việt Nam	Tháng 8/2023
19.	Tham gia các giải thưởng tôn vinh văn hóa doanh nghiệp	Ban TT&VHDN, các đơn vị trong Tập đoàn	Tháng 9/2023
20.	Phối hợp tỉnh Cà Mau tổ chức Giải chạy Marathon Đất Mũi Cà Mau - Cup Petrovietnam năm 2023	Ban TT&VHDN	Tháng 11/2023
21.	Tọa đàm về chuyển đổi số kết hợp với hoạt động đền ơn đáp nghĩa, giáo dục truyền thống lịch sử	Hội Cựu chiến Tập đoàn	Tháng 12/2023
22.	Tiếp tục nghiên cứu đổi mới logo Petrovietnam phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng	Ban TT&VHDN	Quý IV/2023

23.	Đẩy mạnh, nâng cao văn hoá thượng tôn pháp luật, văn hoá quản trị rủi ro, văn hoá chuyển đổi số. Chú trọng cập nhật nội dung chính sách pháp luật được bổ sung, ban hành mới trong năm 2022, 2023 để đưa vào quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn các đơn vị (Luật Dầu khí 2022, Luật Dân chủ cơ sở có hiệu lực từ 01/7/2023...)	Các đơn vị trong Tập đoàn; Ban PC-KTr, Văn phòng, Ban TT&VHDN phối hợp, hướng dẫn, thực hiện	Cả năm
-----	--	--	--------



CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 78/2014/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2014

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 218/2013/NĐ-CP NGÀY 26/12/2013 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

(Trích Điều 6)

Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

2.23. Chi tài trợ cho giáo dục không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Tài trợ cho giáo dục gồm: tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học; Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; Tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; Tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo

dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); Tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho giáo dục gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện cơ sở kinh doanh là nhà tài trợ, đại diện của cơ sở giáo dục hợp pháp là đơn vị nhận tài trợ, học sinh, sinh viên (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) nhận tài trợ (theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này); kèm theo hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.24. Chi tài trợ cho y tế không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Tài trợ cho y tế gồm: tài trợ cho các cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các bệnh viện, trung tâm y tế đó; tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế; chi tài trợ bằng tiền cho người bị bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho y tế gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, đại diện của đơn vị nhận tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.25. Chi tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Tài trợ cho khắc phục hậu quả thiên tai gồm: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để khắc phục hậu quả thiên tai trực tiếp cho tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; cá nhân bị thiệt hại do thiên tai thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, đại diện của tổ chức bị thiệt hại do thiên tai (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là đơn vị nhận tài trợ (theo mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.26. Chi tài trợ làm nhà tình nghĩa cho người nghèo không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này; chi tài trợ làm nhà tình nghĩa cho người nghèo, chi tài trợ làm nhà đại đoàn kết theo quy định của pháp luật không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Đối tượng nhận tài trợ là hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hình thức tài trợ: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để xây nhà tình nghĩa cho hộ nghèo bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ làm nhà tình nghĩa cho người nghèo, làm nhà đại đoàn kết gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là bên nhận tài trợ (theo mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản xác nhận hộ nghèo của chính quyền địa phương (đối với tài trợ làm nhà tình nghĩa cho người nghèo);

hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.27. Chi tài trợ nghiên cứu khoa học không đúng quy định; chi tài trợ không theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chi tài trợ theo chương trình của Nhà nước là chương trình được Chính phủ quy định thực hiện ở các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Hồ sơ xác định khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ; người được hưởng tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là bên nhận tài trợ (theo mẫu số 07/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này); hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

Các quy định về nghiên cứu khoa học và thủ tục, hồ sơ tài trợ cho nghiên cứu khoa học thực hiện theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCD phòng chống tham nhũng trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH

*

Số: 96/2015/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2015

THÔNG TƯ

**HƯỚNG DẪN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI
NGHỊ ĐỊNH SỐ 12/2015/NĐ-CP NGÀY 12/2/2015 CỦA
CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC LUẬT VỀ THUẾ VÀ
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH VỀ THUẾ
VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ
SỐ 78/2014/TT-BTC NGÀY 18/6/2014, THÔNG TƯ SỐ 119/2014/
TT-BTC NGÀY 25/8/2014, THÔNG TƯ SỐ 151/2014/TT-BTC
NGÀY 10/10/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

(Trích Điều 4)

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

2.22. Chi tài trợ cho giáo dục (bao gồm cả chi tài trợ cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp) không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Tài trợ cho giáo dục gồm: tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học; Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; Tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; Tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); Tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho giáo dục gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện cơ sở kinh doanh là nhà tài trợ, đại diện của cơ sở giáo dục hợp pháp là đơn vị nhận tài trợ, học sinh, sinh viên (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) nhận tài trợ (theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC); kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.23. Chi tài trợ cho y tế không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Tài trợ cho y tế gồm: tài trợ cho các cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các bệnh viện, trung tâm y tế; tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế; chi tài trợ bằng tiền cho người bị bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho y tế gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, đại diện của đơn vị nhận tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.24. Chi tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Tài trợ cho khắc phục hậu quả thiên tai gồm: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để khắc phục hậu quả thiên tai trực tiếp cho tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; cá nhân bị thiệt hại do thiên tai thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, đại diện của tổ chức bị thiệt hại do thiên tai (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là đơn vị nhận tài trợ (theo mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC) kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.25. Chi tài trợ làm nhà cho người nghèo không đúng đối tượng quy định tại tiết a điểm này; Chi tài trợ làm nhà tình nghĩa, làm nhà cho người nghèo, làm nhà đại đoàn kết theo quy định của pháp luật không có hồ sơ xác định khoản tài trợ nêu tại tiết b dưới đây:

a) Đối với chi tài trợ làm nhà cho người nghèo thì đối tượng nhận tài trợ là hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hình thức tài trợ: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để xây nhà cho hộ nghèo bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xác định khoản tài trợ làm nhà tình nghĩa, làm nhà cho người nghèo, làm nhà đại đoàn kết gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ là bên nhận tài trợ (theo mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC); văn bản xác nhận hộ nghèo của chính quyền địa phương (đối với tài trợ làm nhà cho người nghèo); hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

Trường hợp bên nhận tài trợ là cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ thì hồ sơ xác định khoản tài trợ bao gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ và cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ là bên nhận tài trợ; hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

2.26. Chi tài trợ nghiên cứu khoa học không đúng quy định; chi tài trợ cho các đối tượng chính sách không theo quy định của pháp luật; chi tài trợ không theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chi tài trợ theo chương trình của Nhà nước là chương trình được Chính phủ quy định thực hiện ở các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm cả khoản tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân

sinh ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Chi tài trợ cho các đối tượng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ xác định khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tài trợ cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là bên nhận tài trợ (theo mẫu số 07/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC); hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

Các quy định về nghiên cứu khoa học và thủ tục, hồ sơ tài trợ cho nghiên cứu khoa học thực hiện theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCD phòng chống tham nhũng trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH “QUY CHẾ
QUẢN LÝ CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI CỦA
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM”

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ “Quy chế quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 6825/QĐ-DKVN ngày 29/11/2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 6526/QĐ-DKVN ngày 12/11/2021 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại các Công văn số 127/CVNB-ĐCT ngày 22/12/2021 và số 08/CVNB-ĐCT ngày 18/01/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản lý công tác An sinh xã hội của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Mọi quy định ban hành trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Tổng Giám đốc và Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban có liên quan của Tập đoàn và Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thành viên HĐQT PVN (e-copy);
- Ban TGD PVN (e-copy);
- Ban Kiểm soát PVN;
- Người đại diện phần vốn của PVN tại các đơn vị (VP thông báo và h/dẫn th/hiện);
- Văn phòng PVN;
- Các Ban thuộc PVN (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT (1 b).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Hoàng Quốc Vượng

CHỈ THỊ
VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI
CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Hằng năm, cùng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội (ASXH) hỗ trợ các địa phương, tổ chức, cá nhân trong cả nước. Nguồn kinh phí thực hiện công tác ASXH do PVN tài trợ đã xây dựng nhiều ngôi nhà đại đoàn kết cho người nghèo, hỗ trợ xây dựng nhiều trường học, chương trình hỗ trợ giáo dục đào tạo cho các địa phương khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo, xây dựng và hỗ trợ nhiều chương trình y tế giúp kịp thời khám chữa bệnh cho nhân dân, nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho tuyến cơ sở, giảm áp lực cho tuyến y tế trung ương. Các chương trình phát động quyền góp của người lao động Dầu khí đã hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai lũ lụt, dịch bệnh, vượt qua khó khăn, mất mát sớm ổn định cuộc sống. Đặc biệt trong các năm từ 2020 đến nay dịch bệnh bùng phát diện rộng các chương trình hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 đã kịp thời ủng hộ kinh phí cho Quỹ Vắc-xin để mua vắc xin tiêm cho nhân dân, hỗ trợ địa phương có tình hình dịch bệnh phức tạp có thêm nguồn lực để kịp thời phòng chống dịch như xe cứu thương, máy thở....

Thời gian vừa qua, nhiều đơn vị đã nghiêm túc, tích cực và kịp thời triển khai công tác ASXH, tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị chậm hoặc chưa triển khai làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện công tác ASXH chung của toàn Tập đoàn. Để triển khai thực hiện Nghị quyết ASXH hằng năm do Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt và nâng cao hiệu quả của các hoạt động ASXH tại các địa phương, Tổng Giám đốc Tập đoàn yêu cầu

Người đại diện phần vốn, Người đại diện của Tập đoàn tại các đơn vị chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

1. Nghiêm túc chỉ đạo để sớm triển khai các chương trình ASXH đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt hàng năm và các Quyết định của Tổng giám đốc Tập đoàn đã phân bổ chi tiết các chương trình cho các địa phương, đơn vị thực hiện. Đặc biệt là các chương trình ASXH các năm gần đây (Năm 2020: Nghị quyết số 1246/NQ – DKVN và Quyết định 1399/QĐ – DKVN; Năm 2021: Nghị quyết số 1861/NQ - DKVN và Quyết định số 1985/QĐ-DKVN; Năm 2022: Nghị quyết số 2131/NQ - DKVN và Quyết định số 2192/QĐ-DKVN).

2. Chủ động phối hợp với các địa phương, đơn vị nhận tài trợ để kịp thời triển khai các thủ tục tài trợ, thực hiện giải ngân theo đúng các thời hạn cam kết và hoàn chỉnh đầy đủ các hồ sơ thanh quyết toán theo đúng các quy định nhà nước.

3. Yêu cầu triển khai hoạt động ASXH theo đúng kế hoạch hằng năm được Hội đồng Thành viên Tập đoàn phê duyệt, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện lên Tập đoàn; hạn chế tối đa thực hiện ngoài kế hoạch được Tập đoàn phân giao, trường hợp phát sinh đặc biệt kịp thời báo cáo và được sự chấp thuận, phê duyệt của Tập đoàn.

4. Kịp thời báo cáo những vấn đề vướng mắc và biện pháp xử lý vướng mắc khi triển khai thực hiện các chương trình/công trình ASXH đã được phân giao để Tập đoàn biết chỉ đạo xử lý.

Tổng Giám đốc Tập đoàn thông báo để Người đại diện phần vốn, Người đại diện của Tập đoàn tại các đơn vị nghiêm túc chỉ đạo thực hiện.

Nơi nhận:

- HĐTV (e-copy để b/c);
- TGDĐ (e-copy để b/c);
- Công đoàn DKVN;
- Đoàn Thành niên PVN;
- Các đơn vị (Danh sách kèm theo);
- Lưu: VT, VP (N 15b).

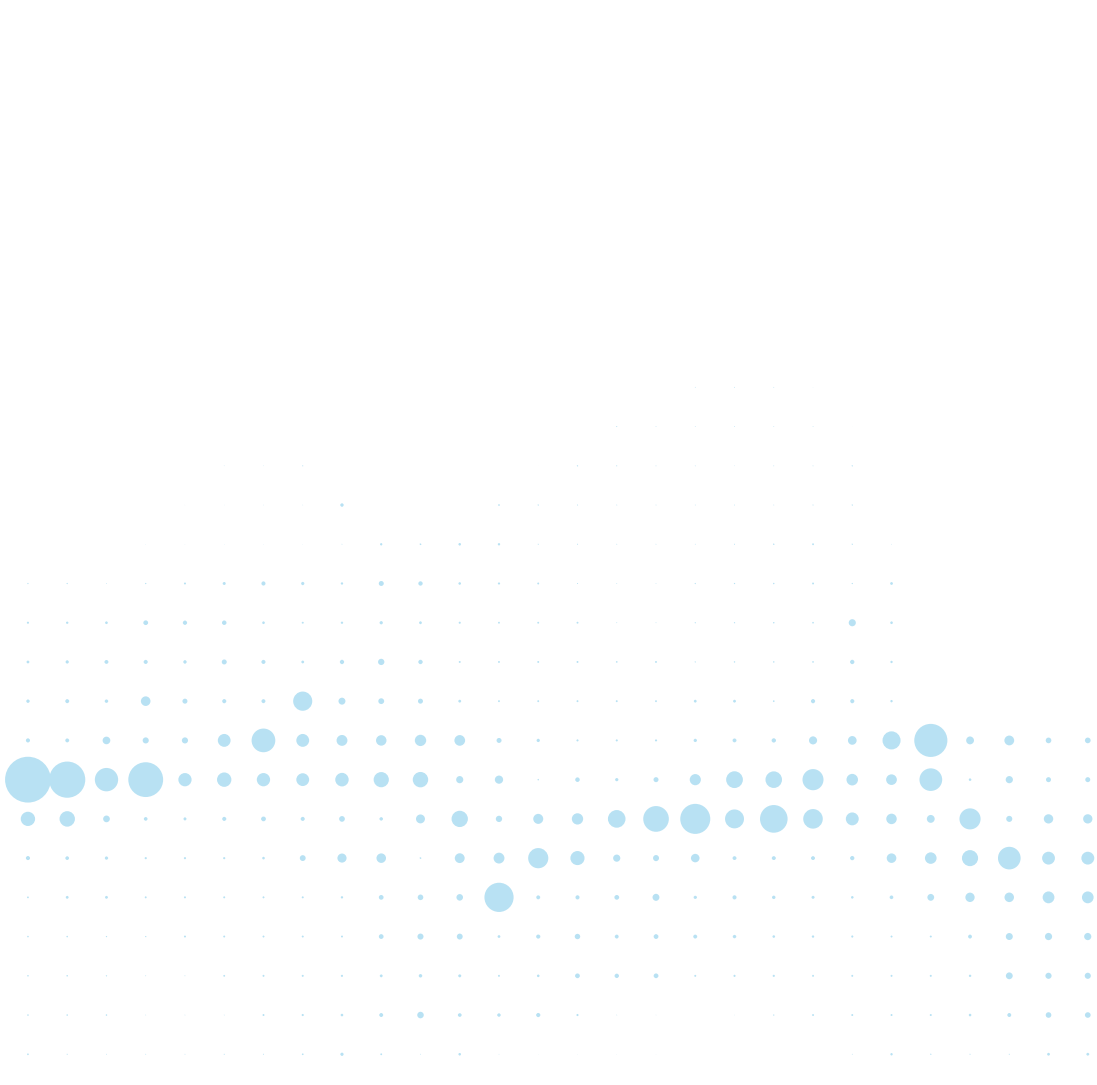
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Đỗ Chí Thanh

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TẬP ĐOÀN

(Đính kèm Chỉ thị số: 3942 /DKVN-VP ngày 14 tháng 7 năm 2022)

STT	Đơn vị
1	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)
2	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)
3	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGAS)
4	Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL)
5	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)
6	Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)
7	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí Việt Nam (PVTrans)
8	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)
9	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)
10	Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38252526 - Fax (024) 38265942

Website: www.pvn.vn